

ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG

KHOA KINH TẾ



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**HOÀN THIỆN QUY TRÌNH XUẤT NHẬP KHO TẠI CÔNG TY
CỔ PHẦN NHẤT PHONG VẠN**

Sinh viên: Nguyễn Phúc Quân

MSSV: 2154050185

Lớp: 21LC2

Chuyên ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng Khóa: 21

GVHD: Dương Thị Thu Thảo

Năm 2026

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 05 năm 2026

GIAO NHIỆM VỤ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Năm học: 2025 – 2026

1. Thông tin tác giả thực hiện

- Họ và tên sinh viên: Nguyễn Phúc Quân
- Chuyên ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Khóa học: 2022 – 2026

2. Tên đề tài khóa luận tốt nghiệp

“Hoàn thiện quy trình xuất nhập kho tại Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận”

3. Các số liệu ban đầu thực hiện khóa luận tốt nghiệp

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận giai đoạn 2023 – 2025.
- Số liệu về cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ các phòng ban và tình hình nhân sự của công ty trong giai đoạn 2023 – 2025.
- Số liệu về cơ sở vật chất, hệ thống kho bãi, kho lạnh, phương tiện vận tải và trang thiết bị phục vụ hoạt động logistics của doanh nghiệp.
- Số liệu về tài sản, nguồn vốn, cơ cấu nguồn vốn và các chỉ tiêu tài chính của Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận giai đoạn 2023 – 2025.
- Dữ liệu liên quan đến hoạt động kho vận, logistics và tình hình xuất nhập kho hàng hóa tại doanh nghiệp.
- Quy trình xuất nhập kho hàng hóa, quy trình tiếp nhận, lưu kho, kiểm kê và xuất hàng tại công ty.
- Các chứng từ và biểu mẫu liên quan đến hoạt động xuất nhập kho như phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, biên bản giao nhận hàng hóa và báo cáo tồn kho.

- Tài liệu chuyên ngành logistics, quản trị kho bãi, quản trị chuỗi cung ứng và các tài liệu tham khảo phục vụ nghiên cứu đề tài.

4. Các bảng biểu

- Hình logo Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận.
- Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận.
- Bảng thực trạng cơ sở vật chất và hệ thống kho bãi của Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận.
- Bảng tình hình nhân sự của Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận giai đoạn 2023 – 2025.
- Bảng nguồn lực tài chính của Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận giai đoạn 2023 – 2025.
- Bảng các chỉ tiêu phản ánh cơ cấu nguồn vốn của Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận giai đoạn 2023 – 2025.
- Sơ đồ quy trình xuất nhập kho hàng hóa tại Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận.
- Các bảng số liệu phân tích thực trạng hoạt động xuất nhập kho và logistics tại doanh nghiệp.

5. Cán bộ hướng dẫn

- GVHD: Dương Thị Thu Thảo

6. Ngày giao nhiệm vụ làm khóa luận tốt nghiệp

- 10/02/2026

7. Ngày sinh viên phải hoàn thành khóa luận

- 30/05/2026

GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN

(Ký và ghi rõ họ tên)

LỜI CẢM ƠN

Trong suốt quá trình học tập và thực hiện khóa luận tốt nghiệp với đề tài “Hoàn thiện quy trình xuất nhập kho tại Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận”, em đã nhận được rất nhiều sự quan tâm, giúp đỡ và hỗ trợ quý báu từ phía nhà trường, thầy cô, doanh nghiệp và những người thân xung quanh.

Em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến Ban Giám hiệu nhà trường cùng toàn thể quý thầy cô Khoa đã tận tình giảng dạy, truyền đạt kiến thức và tạo điều kiện thuận lợi cho em trong suốt quá trình học tập. Những kiến thức chuyên môn cũng như kỹ năng thực tiễn mà thầy cô trang bị chính là nền tảng quan trọng giúp em hoàn thành tốt khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn giảng viên hướng dẫn đã trực tiếp chỉ bảo, góp ý và định hướng cho em trong suốt quá trình thực hiện đề tài. Sự tận tâm và những ý kiến đóng góp quý báu của thầy/cô đã giúp em hoàn thiện nội dung khóa luận một cách đầy đủ và khoa học hơn.

Em cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận cùng toàn thể anh/chị trong công ty đã tạo điều kiện thuận lợi cho em được thực tập, tìm hiểu thực tế và cung cấp những thông tin cần thiết để hoàn thành đề tài. Sự hỗ trợ nhiệt tình của các anh/chị đã giúp em có cơ hội tiếp cận với môi trường làm việc thực tế, hiểu rõ hơn về quy trình xuất nhập kho và hoạt động logistics trong doanh nghiệp.

Mặc dù đã cố gắng hoàn thiện đề tài một cách tốt nhất, tuy nhiên do hạn chế về kiến thức và kinh nghiệm thực tế, khóa luận khó tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Em rất mong nhận được sự thông cảm và những ý kiến đóng góp quý báu từ quý thầy cô để bài khóa luận được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

MỤC LỤC

GIAO NHIỆM VỤ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP	i
LỜI CẢM ƠN	iii
MỤC LỤC	iv
DANH MỤC BẢNG	vi
DANH MỤC HÌNH	vii
DANH MỤC TỪ NGỮ VIẾT TẮT	viii
PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Mục tiêu nghiên cứu	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	2
4. Phương pháp nghiên cứu	3
5. Kết cấu khóa luận	4
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUY TRÌNH XUẤT NHẬP KHO	6
1.1. Tổng quan về kho hàng	6
1.1.1. Khái niệm về kho hàng	6
1.1.2. Vai trò của kho hàng trong hoạt động logistics và vận hành doanh nghiệp...6	
1.1.3. Đặc điểm của hệ thống kho hàng trong doanh nghiệp logistics hiện đại	8
1.1.4. Phân loại kho hàng theo chức năng, quy mô và mục đích sử dụng	9
1.2. Tổng quan về quản lý kho	11
1.2.1. Khái niệm quản lý kho	11
1.2.2. Các hoạt động quản lý kho	12
1.3. Quy trình các nghiệp vụ quản lý kho hàng	13
1.3.1. Quy trình nghiệp vụ nhập kho hàng hóa trong doanh nghiệp	14
1.3.2. Quy trình nghiệp vụ lưu trữ hàng hóa tại kho hàng	17
1.3.3. Quy trình nghiệp vụ xuất kho hàng hóa trong doanh nghiệp	20
1.4. Các quy định pháp lý và hệ thống chứng từ trong quản lý xuất nhập kho	24
1.4.1. Các quy định pháp lý liên quan đến hoạt động xuất nhập kho hàng hóa	24
1.4.2. Hệ thống chứng từ sử dụng trong quá trình xuất nhập kho hàng hóa	25
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG QUY TRÌNH XUẤT NHẬP KHO HÀNG HÓA TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN NHẤT PHONG VẬN	27
2.1. Khái quát về Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận	27
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển công ty	27
2.1.2. Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi	28
2.1.3. Ngành nghề kinh doanh của công ty	29
2.1.4. Cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ	30
2.1.5. Nguồn lực của công ty	35
2.2. Phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận	45
2.2.1. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty	45
2.2.2. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh	48
2.2.3. Thực trạng quản lý kho hàng của Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận	51

2.3. Thực trạng quy trình xuất nhập kho hàng hóa tại Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận.....	60
2.3.1. Quy trình xuất kho tại công ty.....	60
2.3.2. Quy trình nhập kho tại công ty.....	68
2.3.3. Hoạt động kho hàng tại Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận.....	76
2.4. Đánh giá quy trình xuất nhập kho tại Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận.....	86
2.4.1. Ưu điểm.....	86
2.4.2. Hạn chế.....	87
2.4.3. Nguyên nhân.....	88
CHƯƠNG 3: HOÀN THIỆN QUY TRÌNH XUẤT NHẬP KHO HÀNG HÓA TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN NHẤT PHONG VẬN.....	90
3.1. Định hướng và mục tiêu phát triển Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận.....	90
3.1.1. Nghiên cứu và dự báo môi trường kinh doanh.....	90
3.1.2. Định hướng và mục tiêu phát triển của công ty.....	91
3.2. Giải pháp hoàn thiện quy trình xuất nhập kho tại Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận.....	93
3.2.1. Chuẩn hóa và tối ưu hóa quy trình xuất nhập kho.....	93
3.2.2. Nâng cao năng lực nhân sự kho vận.....	94
3.2.3. Tăng cường kiểm soát và quản lý chứng từ.....	96
3.2.4. Ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý kho.....	97
3.3. Điều kiện và cách thức thực hiện giải pháp tại Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận.....	99
3.3.1. Điều kiện về nguồn lực tài chính.....	99
3.3.2. Điều kiện về nhân lực.....	100
3.3.3. Điều kiện về công nghệ.....	101
3.3.4. Lộ trình triển khai thực hiện.....	102
KẾT LUẬN.....	103
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	105

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1: Hệ thống chứng từ sử dụng trong xuất nhập kho.....	26
Bảng 2.1: Thực trạng cơ sở vật chất và hệ thống kho bãi của Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận.....	35
Bảng 2.2: Tình hình nhân sự Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận trong giai đoạn 2023 – 2025	39
Bảng 2.3: Nguồn lực tài chính của Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận giai đoạn 2023 – 2025	40
Bảng 2.4: Các chỉ tiêu phản ánh cơ cấu nguồn vốn của Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận giai đoạn 2023 – 2025	43
Bảng 2.5: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận trong giai đoạn 2023 - 2025	45
Bảng 2.6: Thực trạng hệ thống kho bãi của Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận năm 2025	52
Bảng 2.7: Tình hình nhân sự bộ phận kho bãi và logistics của Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận năm 2025	54
Bảng 2.8: Tình hình hàng tồn kho theo nhóm hàng của Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận giai đoạn 2023–2025	57
Bảng 2.9: Thống kê hoạt động nhập kho hàng hóa giai đoạn 2023 – 2025	77
Bảng 2.10: Tình hình sử dụng kho và bảo quản hàng hóa giai đoạn 2023 – 2025.....	80
Bảng 2.11: Tình hình kiểm kê và kiểm soát tồn kho giai đoạn 2023 – 2025	82
Bảng 2.12: Thống kê hoạt động xuất kho hàng hóa giai đoạn 2023 – 2025	84
Bảng 3.1: Dự kiến nhu cầu tài chính cho các giải pháp	100
Bảng 3.2: Yêu cầu nguồn nhân lực cho triển khai giải pháp	100
Bảng 3.3. Hệ thống công nghệ cần triển khai.....	101
Bảng 3.4: Lộ trình triển khai các giải pháp	102

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1: Quy trình nghiệp vụ nhập kho hàng hóa trong doanh nghiệp.....	14
Hình 1.2: Quy trình nghiệp vụ lưu trữ hàng hóa tại kho hàng.....	18
Hình 1.3: Quy trình nghiệp vụ xuất kho hàng hóa trong doanh nghiệp.....	21
Hình 2.1: Logo công ty Cổ phần Nhất Phong Vận	27
Hình 2.2: Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận.....	31
Bảng 2.7: Tình hình nhân sự bộ phận kho bãi và logistics của Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận năm 2025	54
Hình 2.4: Nhân viên bốc dỡ hàng tại kho.....	55
Hình 2.5: Các loại hàng hoá có trong kho hàng.....	57
Hình 2.6: Quy trình xuất kho tại Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận	61
Hình 2.7: Mẫu phiếu yêu cầu xuất kho tại Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận.....	62
Hình 2.8: Giao diện kiểm tra tồn kho trên hệ thống quản lý kho (WMS)	63
Hình 2.9: Mẫu phiếu xuất kho hàng hóa của Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận.....	64
Hình 2.10: Quy trình soạn hàng (Picking) tại kho hàng Nhất Phong Vận.....	65
Hình 2.11: Biên bản kiểm tra và đối chiếu hàng hóa trước khi xuất kho.....	66
Hình 2.12: Biên bản bàn giao hàng hóa cho bộ phận vận chuyển.....	67
Hình 2.13: Lưu chứng từ quy trình nhập kho tại Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận ...	69
Hình 2.14: Phiếu đề nghị nhập kho	70
Hình 2.15: Biên bản giao nhận hàng hóa tại kho.....	71
Hình 2.16: Biên bản kiểm nhận hàng hóa	72
Hình 2.17: Phiếu nhập kho	74
Hình 2.18: Sơ đồ bố trí hàng hóa trong kho	75
Hình 2.19: Hệ thống quản lý kho	75

DANH MỤC TỪ NGỮ VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Nghĩa của từ
1	DN	Doanh nghiệp
2	CP	Cổ phần
3	XNK	Xuất nhập khẩu
4	NK	Nhập khẩu
5	XK	Xuất khẩu
6	NVL	Nguyên vật liệu
7	TP	Thành phẩm
8	FIFO	Nhập trước – xuất trước
9	WMS	Hệ thống quản lý kho
10	ERP	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp
11	RFID	Nhận dạng bằng tần số vô tuyến
12	QR Code	Mã phản hồi nhanh
13	PNK	Phiếu nhập kho
14	PXK	Phiếu xuất kho
15	HĐ	Hóa đơn
16	VT	Vận tải
17	CSKH	Chăm sóc khách hàng
18	KPI	Chỉ số đánh giá hiệu quả công việc
19	IT	Công nghệ thông tin
20	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng với kinh tế thế giới, hoạt động logistics và vận tải hàng hóa đóng vai trò quan trọng trong chuỗi cung ứng của doanh nghiệp. Theo báo cáo của Ngân hàng Thế giới, ngành logistics Việt Nam có tốc độ tăng trưởng trung bình khoảng 14–16%/năm và quy mô thị trường ước đạt khoảng 40–42 tỷ USD mỗi năm. Bên cạnh đó, chi phí logistics tại Việt Nam hiện vẫn chiếm khoảng 16–20% GDP, cao hơn so với nhiều quốc gia phát triển, do đó việc nâng cao hiệu quả quản lý và tối ưu hóa các khâu trong chuỗi logistics là yêu cầu cấp thiết đối với các doanh nghiệp trong ngành (Bộ Công Thương, 2022).

Một trong những khâu quan trọng quyết định hiệu quả của hoạt động logistics là công tác quản lý kho bãi và quy trình xuất nhập kho hàng hóa. Theo nghiên cứu về quản trị chuỗi cung ứng, chi phí liên quan đến hoạt động kho bãi và lưu trữ hàng hóa có thể chiếm khoảng 20–30% tổng chi phí logistics của doanh nghiệp (Christopher, 2016). Quy trình xuất nhập kho khoa học và hợp lý không chỉ giúp doanh nghiệp kiểm soát tốt lượng hàng hóa, hạn chế thất thoát, sai sót mà còn góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, giảm chi phí vận hành và nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng. Đối với các doanh nghiệp logistics, việc tổ chức và vận hành quy trình xuất nhập kho càng có ý nghĩa quan trọng do khối lượng hàng hóa lớn, đa dạng chủng loại và yêu cầu xử lý nhanh chóng, chính xác.

Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận là một trong những doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải và logistics tại khu vực miền Trung. Với mạng lưới vận chuyển rộng khắp cả nước và số lượng khách hàng lớn, hoạt động xuất nhập kho hàng hóa tại công ty diễn ra thường xuyên và đóng vai trò quan trọng trong quá trình vận chuyển và phân phối hàng hóa. Theo thống kê của Hiệp hội Doanh nghiệp Dịch vụ Logistics Việt Nam, nhu cầu vận chuyển và lưu kho hàng hóa tại khu vực miền Trung đang tăng trưởng khoảng 10–12% mỗi năm, tạo ra nhiều cơ hội nhưng cũng đặt ra không ít thách thức cho các doanh nghiệp logistics trong việc nâng cao năng lực quản lý và tối ưu hóa quy trình

vận hành (VLA, 2023). Tuy nhiên, trong quá trình vận hành thực tế, quy trình xuất nhập kho tại công ty vẫn còn tồn tại một số hạn chế như thời gian xử lý còn kéo dài, việc phối hợp giữa các bộ phận chưa thật sự tối ưu, hệ thống chứng từ và quản lý dữ liệu chưa đồng bộ. Những vấn đề này có thể ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động logistics và chất lượng dịch vụ của doanh nghiệp.

Xuất phát từ những lý do trên, em xin chọn đề tài: ***“Hoàn thiện quy trình nghiệp vụ xuất nhập kho hàng hóa tại Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận”*** làm đề tài khóa luận nhằm nâng cao hiệu quả quản lý kho và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường.

2. Mục tiêu nghiên cứu

2.1. Mục tiêu chung

Nghiên cứu và đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện quy trình nghiệp vụ xuất nhập kho hàng hóa tại Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận về quy trình xuất nhập kho hàng hóa trong doanh nghiệp logistics.
- Phân tích và đánh giá thực trạng quy trình xuất nhập kho hàng hóa tại Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận.
- Đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện quy trình xuất nhập kho hàng hóa tại doanh nghiệp.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của khóa luận là quy trình nghiệp vụ xuất nhập kho hàng hóa trong doanh nghiệp logistics.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nội dung: Tập trung nghiên cứu quy trình xuất nhập kho hàng hóa tại Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận.

Phạm vi không gian: Tại kho hàng và bộ phận quản lý kho của Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận.

Phạm vi thời gian: Số liệu và thông tin được thu thập trong giai đoạn 2023 – 2025

4. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện khóa luận, tác giả sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

Phương pháp thu thập dữ liệu:

Trong quá trình thực hiện khóa luận, tác giả tiến hành thu thập các thông tin và dữ liệu cần thiết từ nhiều nguồn khác nhau nhằm phục vụ cho việc phân tích và đánh giá vấn đề nghiên cứu. Các nguồn dữ liệu chủ yếu bao gồm báo cáo hoạt động kinh doanh của công ty, các tài liệu nội bộ liên quan đến công tác quản lý kho, quy trình xuất nhập kho hàng hóa và các chứng từ liên quan. Bên cạnh đó, tác giả cũng tham khảo thêm các tài liệu chuyên ngành, giáo trình và các nghiên cứu trước đây về quản lý kho và logistics để bổ sung cơ sở lý luận cho đề tài.

Phương pháp phân tích – tổng hợp:

Phương pháp phân tích – tổng hợp được sử dụng nhằm xử lý các thông tin và dữ liệu đã thu thập được. Tác giả tiến hành phân tích từng nội dung liên quan đến quy trình xuất nhập kho hàng hóa tại doanh nghiệp, từ đó tổng hợp lại các kết quả để đánh giá một cách toàn diện thực trạng hoạt động này tại Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận. Thông qua việc phân tích và tổng hợp, tác giả có thể xác định được những ưu điểm cũng như các hạn chế còn tồn tại trong quy trình quản lý kho của công ty.

Phương pháp so sánh:

Phương pháp so sánh được sử dụng để đối chiếu giữa các nội dung lý thuyết về quy trình xuất nhập kho hàng hóa với thực tế triển khai tại doanh nghiệp. Qua việc so sánh

này, tác giả có thể nhận diện được những điểm phù hợp cũng như những điểm còn khác biệt giữa lý thuyết và thực tiễn. Từ đó, làm cơ sở để xác định những hạn chế, bất cập trong quy trình hiện tại và đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện quy trình xuất nhập kho tại công ty.

Phương pháp quan sát thực tế:

Trong thời gian thực tập tại doanh nghiệp, tác giả trực tiếp quan sát các hoạt động xuất nhập kho hàng hóa diễn ra tại kho của công ty. Việc quan sát thực tế giúp tác giả hiểu rõ hơn về quy trình vận hành, cách thức phối hợp giữa các bộ phận cũng như các bước thực hiện trong quy trình xuất nhập kho. Nhờ đó, các thông tin thu thập được có tính khách quan và sát với thực tế hoạt động của doanh nghiệp.

Phương pháp thống kê:

Phương pháp thống kê được sử dụng để tổng hợp và xử lý các số liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh và quản lý kho của công ty. Các số liệu về doanh thu, khối lượng hàng hóa xuất nhập kho và các thông tin liên quan được hệ thống hóa, phân loại và trình bày dưới dạng bảng biểu nhằm phục vụ cho việc phân tích và đánh giá thực trạng hoạt động của doanh nghiệp. Kết quả thống kê cũng là cơ sở quan trọng để tác giả đưa ra các nhận xét và đề xuất giải pháp phù hợp nhằm hoàn thiện quy trình xuất nhập kho hàng hóa tại công ty.

5. Kết cấu khóa luận

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung chính của khóa luận được chia thành 03 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về quy trình nghiệp vụ xuất nhập kho hàng hóa trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng quy trình nghiệp vụ xuất nhập kho hàng hóa tại Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận.

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện quy trình nghiệp vụ xuất nhập kho hàng hóa tại Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận.

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUY TRÌNH XUẤT NHẬP KHO

1.1. Tổng quan về kho hàng

1.1.1. Khái niệm về kho hàng

a. Kho hàng

Theo giáo trình Quản trị Logistics căn bản (GS.TS. Đặng Đình Đào), kho hàng hóa được hiểu là các công trình, vật kiến trúc dùng để chứa đựng nguyên vật liệu, bán thành phẩm và thành phẩm trong quá trình vận động từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng. Kho hàng bao gồm nhà kho, bãi chứa và các khu vực lưu giữ hàng hóa trong doanh nghiệp. Dưới góc độ kỹ thuật, kho hàng là nơi thực hiện chức năng lưu giữ và bảo quản hàng hóa nhằm đảm bảo duy trì số lượng, chất lượng và giá trị sử dụng của hàng hóa trong thời gian lưu kho. Vì vậy, doanh nghiệp cần quan tâm đến việc bố trí kho, điều kiện bảo quản, trang thiết bị lưu trữ và các yếu tố kỹ thuật liên quan đến an toàn hàng hóa.

Dưới góc độ kinh tế – xã hội, kho hàng là một đơn vị thực hiện chức năng tiếp nhận, lưu giữ, bảo quản và cung ứng hàng hóa phục vụ cho nhu cầu sản xuất và tiêu dùng. Kho hàng đóng vai trò là một mắt xích quan trọng trong hệ thống lưu thông hàng hóa, giúp đảm bảo quá trình sản xuất và phân phối diễn ra liên tục, ổn định.

Trong chuỗi cung ứng, kho hàng là nơi trung gian kết nối giữa nhà cung ứng, doanh nghiệp và khách hàng. Hàng hóa được tập trung tại kho trước khi phân phối đến các bộ phận sản xuất hoặc đưa ra thị trường tiêu thụ. Do đó, việc tổ chức và quản lý kho hàng có ý nghĩa quan trọng trong việc đảm bảo hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, giảm chi phí và nâng cao khả năng đáp ứng nhu cầu thị trường.

1.1.2. Vai trò của kho hàng trong hoạt động logistics và vận hành doanh nghiệp

Theo giáo trình Quản trị Logistics căn bản (GS.TS. Đặng Đình Đào) kho hàng giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong toàn bộ quá trình vận động của hàng hóa từ khâu cung ứng đầu vào đến khâu tiêu thụ cuối cùng. Kho không chỉ là nơi lưu trữ hàng hóa mà còn là một bộ phận trung gian giúp điều phối dòng hàng hóa trong doanh nghiệp và trong toàn bộ chuỗi cung ứng.

Kho hàng có vai trò giúp doanh nghiệp đảm bảo sự liên tục trong sản xuất và kinh doanh. Thông qua việc dự trữ nguyên vật liệu, bán thành phẩm và thành phẩm, kho hàng giúp doanh nghiệp duy trì nguồn cung ổn định, hạn chế tình trạng gián đoạn sản xuất do thiếu nguyên liệu hoặc thiếu hàng hóa cung ứng ra thị trường. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh nhu cầu thị trường thường xuyên biến động. Bên cạnh đó, kho hàng góp phần quan trọng trong việc giảm chi phí logistics và chi phí vận chuyển. Việc tập trung hàng hóa tại kho cho phép doanh nghiệp gom các lô hàng nhỏ thành lô hàng lớn hoặc phân chia lô hàng lớn thành nhiều lô nhỏ phù hợp với nhu cầu thực tế. Nhờ đó, doanh nghiệp tối ưu hóa hoạt động vận tải, giảm chi phí phân phối và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực.

Kho hàng cũng có vai trò hỗ trợ cân đối cung – cầu trong nền kinh tế và trong hoạt động của doanh nghiệp. Khi nhu cầu thị trường tăng cao hoặc giảm đột ngột, kho hàng giúp điều tiết lượng hàng hóa đưa ra thị trường, tránh tình trạng thiếu hàng hoặc dư thừa quá mức. Đây là cơ sở quan trọng để doanh nghiệp duy trì sự ổn định trong hoạt động kinh doanh. Kho hàng còn giúp nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng thông qua việc đảm bảo khả năng cung ứng nhanh chóng và kịp thời. Khi hàng hóa được dự trữ hợp lý tại kho, doanh nghiệp có thể rút ngắn thời gian giao hàng, đáp ứng đơn hàng đúng thời gian, đúng số lượng và đúng chất lượng theo yêu cầu của khách hàng.

Kho hàng cũng góp phần giảm thiểu rủi ro trong quá trình sản xuất và lưu thông hàng hóa. Việc lưu trữ hàng hóa trong điều kiện phù hợp giúp hạn chế hao hụt, hư hỏng, mất mát và các rủi ro do biến động thị trường, thời tiết hoặc các yếu tố khác quan khác.

Cuối cùng, kho hàng còn đóng vai trò là mắt xích quan trọng trong hệ thống logistics, hỗ trợ các hoạt động như thu mua, sản xuất, phân phối và tiêu thụ diễn ra một cách đồng bộ. Nhờ có kho hàng, doanh nghiệp có thể tổ chức hoạt động vận hành một cách khoa học, linh hoạt và hiệu quả hơn trong toàn bộ chuỗi cung ứng.

1.1.3. Đặc điểm của hệ thống kho hàng trong doanh nghiệp logistics hiện đại

Theo giáo trình Quản trị Logistics căn bản (GS.TS. Đặng Đình Đào; TS. Nguyễn Thị Bạch Tuyết, Nhà xuất bản Lao động – Xã hội) hệ thống kho hàng trong doanh nghiệp logistics hiện đại có những đặc điểm cơ bản. Hệ thống kho hàng hiện đại có tính tổ chức và chuyên môn hóa cao. Các kho không còn hoạt động đơn lẻ mà được tổ chức thành mạng lưới trong chuỗi cung ứng, đảm nhiệm các chức năng khác nhau như tiếp nhận, lưu trữ, phân loại, gom hàng và phân phối hàng hóa. Mỗi loại kho được bố trí theo vị trí địa lý và vai trò cụ thể nhằm tối ưu hóa dòng lưu chuyển hàng hóa.

Hệ thống kho hàng hiện đại gắn chặt với hoạt động quản lý thông tin. Việc theo dõi hàng hóa trong kho không chỉ dựa trên ghi chép thủ công mà còn được hỗ trợ bởi hệ thống dữ liệu và phần mềm quản lý, giúp cập nhật chính xác số lượng, vị trí và tình trạng hàng hóa. Điều này giúp nâng cao khả năng kiểm soát tồn kho và giảm thiểu sai sót trong quá trình nhập, xuất. Hệ thống kho hàng hiện đại có xu hướng tự động hóa và cơ giới hóa cao. Nhiều doanh nghiệp áp dụng các thiết bị nâng hạ, băng chuyền, hệ thống kệ hiện đại và các công nghệ hỗ trợ nhằm tăng năng suất lao động, giảm chi phí nhân công và nâng cao độ chính xác trong quá trình xử lý hàng hóa.

Hệ thống kho hàng hiện đại có tính linh hoạt cao trong việc đáp ứng nhu cầu thị trường. Kho không chỉ đóng vai trò lưu trữ mà còn là điểm trung chuyển hàng hóa, thực hiện các hoạt động như chia tách, gom hàng, đóng gói và hoàn thiện đơn hàng để đáp ứng nhanh chóng yêu cầu của khách hàng. Hệ thống kho hàng hiện đại được thiết kế theo hướng tối ưu hóa chi phí và hiệu quả vận hành. Việc bố trí kho, lựa chọn vị trí, quy mô và phương thức vận hành đều được tính toán nhằm giảm chi phí lưu kho, chi phí vận chuyển và chi phí quản lý, đồng thời nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực.

Hệ thống kho hàng hiện đại gắn liền với yêu cầu về an toàn và kiểm soát rủi ro. Các doanh nghiệp chú trọng đến việc đảm bảo an toàn hàng hóa, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy và các biện pháp giảm thiểu rủi ro trong quá trình lưu trữ và vận hành kho, nhằm đảm bảo hoạt động kho diễn ra ổn định và liên tục.

1.1.4. Phân loại kho hàng theo chức năng, quy mô và mục đích sử dụng

Theo giáo trình Quản trị Logistics căn bản (GS.TS. Đặng Đình Đào) kho hàng trong doanh nghiệp có thể được phân loại theo nhiều tiêu chí khác nhau nhằm phục vụ cho công tác tổ chức, quản lý và khai thác kho một cách hiệu quả. Trong đó, phổ biến nhất là phân loại theo chức năng, theo quy mô và theo mục đích sử dụng. Trong hoạt động logistics, kho hàng giữ vai trò quan trọng trong việc lưu trữ, bảo quản và trung chuyển hàng hóa. Tùy theo mục tiêu quản lý, đặc điểm hàng hóa và yêu cầu vận hành, kho hàng được phân loại theo nhiều tiêu chí khác nhau nhằm giúp doanh nghiệp tổ chức hệ thống kho hợp lý, nâng cao hiệu quả sử dụng và giảm chi phí logistics.

a. Phân loại theo chức năng sử dụng

Theo chức năng, kho hàng được chia thành hai loại cơ bản là kho nguyên vật liệu và kho thành phẩm.

Kho nguyên vật liệu là nơi lưu trữ các yếu tố đầu vào phục vụ cho quá trình sản xuất như nguyên liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu, phụ tùng và các linh kiện. Kho này có nhiệm vụ đảm bảo cung ứng kịp thời, đầy đủ và đúng chủng loại cho hoạt động sản xuất, giúp quá trình sản xuất diễn ra liên tục và ổn định.

Kho thành phẩm là nơi lưu giữ các sản phẩm đã hoàn thành sau quá trình sản xuất. Kho thành phẩm đóng vai trò quan trọng trong việc bảo quản sản phẩm trước khi phân phối ra thị trường, đồng thời giúp doanh nghiệp chủ động trong việc điều phối hàng hóa theo nhu cầu tiêu thụ.

b. Phân loại theo mục đích hoạt động

Theo mục đích sử dụng, kho hàng được chia thành nhiều loại tùy theo chức năng trong chuỗi cung ứng:

- Kho phục vụ sản xuất: đảm bảo cung ứng nguyên vật liệu và bán thành phẩm cho quá trình sản xuất diễn ra liên tục, hạn chế gián đoạn.
- Kho phục vụ phân phối: đóng vai trò trung gian trong việc đưa hàng hóa từ nhà sản xuất đến khách hàng, giúp tối ưu quá trình phân phối và giảm thời gian giao hàng.

- Kho gom hàng: thực hiện chức năng tập hợp các lô hàng nhỏ từ nhiều nhà cung cấp khác nhau thành một lô hàng lớn nhằm giảm chi phí vận chuyển và nâng cao hiệu quả logistics.

- Kho tách hàng: thực hiện chia nhỏ các lô hàng lớn thành nhiều lô hàng nhỏ hơn để phù hợp với nhu cầu đa dạng của từng khách hàng, từng khu vực tiêu thụ.

c. Phân loại theo hình thức sở hữu và quản lý

Căn cứ vào hình thức sở hữu, kho hàng bao gồm:

- Kho do doanh nghiệp tự đầu tư và quản lý: doanh nghiệp trực tiếp xây dựng, vận hành và kiểm soát toàn bộ hoạt động kho. Hình thức này giúp doanh nghiệp chủ động trong quản lý nhưng đòi hỏi chi phí đầu tư lớn.

- Kho thuê theo hợp đồng: doanh nghiệp ký kết hợp đồng thuê kho với đơn vị cung cấp dịch vụ kho bãi. Hình thức này giúp giảm chi phí đầu tư ban đầu và tăng tính linh hoạt trong hoạt động kinh doanh.

- Kho do đơn vị dịch vụ logistics cung cấp: là hình thức thuê kho kết hợp với các dịch vụ đi kèm như bốc xếp, lưu trữ, quản lý hàng hóa và phân phối, giúp doanh nghiệp tối ưu hóa chuỗi cung ứng.

d. Phân loại theo mức độ chuyên môn hóa và đặc điểm hàng hóa

Theo đặc điểm hàng hóa và yêu cầu bảo quản, kho được chia thành:

- Kho tổng hợp: lưu trữ nhiều loại hàng hóa khác nhau, phù hợp với doanh nghiệp có danh mục hàng đa dạng.

- Kho chuyên dụng: bao gồm kho lạnh bảo quản thực phẩm, kho hàng rời, kho hàng lỏng và các loại kho chuyên biệt khác, đáp ứng yêu cầu bảo quản đặc thù của từng loại hàng hóa.

- Kho công cộng: là loại kho phục vụ nhiều khách hàng khác nhau, cung cấp dịch vụ lưu trữ và bảo quản theo nhu cầu.

- Kho ngoại quan: dùng để lưu trữ hàng hóa đã làm thủ tục hải quan nhưng chờ xuất khẩu hoặc nhập khẩu theo quy định pháp luật.

- Kho bảo thuế: là kho lưu giữ hàng hóa nhập khẩu đã thông quan nhưng chưa nộp thuế, giúp doanh nghiệp chủ động về dòng tiền.

Như vậy, việc phân loại kho hàng theo nhiều tiêu chí khác nhau giúp doanh nghiệp lựa chọn mô hình kho phù hợp với đặc điểm hoạt động, từ đó nâng cao hiệu quả quản lý, tối ưu chi phí logistics và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng trong chuỗi cung ứng.

1.2. Tổng quan về quản lý kho

1.2.1. Khái niệm quản lý kho

Theo giáo trình Quản trị Logistics căn bản (GS.TS. Đặng Đình Đào; TS. Nguyễn Thị Bạch Tuyết) và giáo trình Logistics – Những vấn đề cơ bản (GS.TS. Đoàn Thị Hồng Vân, Nhà xuất bản Lao động – Xã hội, 9/2010), quản lý kho là quá trình tổ chức, điều hành và kiểm soát toàn bộ các hoạt động liên quan đến hàng hóa trong kho nhằm đảm bảo việc nhập, xuất, lưu trữ và bảo quản hàng hóa được thực hiện đúng quy trình, đúng số lượng và đúng chất lượng.

Nội dung quản lý kho bao gồm việc tổ chức tiếp nhận hàng hóa, sắp xếp và bảo quản hàng trong kho, theo dõi số lượng tồn kho, thực hiện xuất kho theo yêu cầu, đồng thời kiểm kê và đối chiếu số liệu thực tế với sổ sách nhằm đảm bảo tính chính xác trong quản lý.

Trong giáo trình logistics, quản lý kho được xem là một bộ phận quan trọng của quản trị tồn kho, có vai trò đảm bảo sự cân đối giữa cung và cầu hàng hóa, hạn chế tình trạng thiếu hụt hoặc dư thừa hàng hóa trong doanh nghiệp. Hoạt động quản lý kho hiệu quả giúp doanh nghiệp giảm chi phí lưu kho, hạn chế thất thoát và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động. Bên cạnh đó, quản lý kho còn hỗ trợ doanh nghiệp trong việc cung cấp thông tin chính xác về tình hình hàng hóa, phục vụ cho công tác lập kế hoạch sản xuất, mua hàng và phân phối. Vì vậy, quản lý kho là một nội dung không thể thiếu trong hệ thống quản trị logistics của doanh nghiệp, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

1.2.2. Các hoạt động quản lý kho

Hoạt động quản lý kho trong doanh nghiệp bao gồm nhiều nghiệp vụ khác nhau, trong đó ba hoạt động cơ bản và quan trọng nhất là nhập kho, lưu trữ hàng hóa và xuất kho. Các hoạt động này có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, tạo thành một quy trình quản lý hàng hóa liên tục trong kho.

a. Hoạt động nhập kho

Nhập kho là quá trình tiếp nhận hàng hóa từ nhà cung cấp hoặc từ các bộ phận nội bộ đưa vào kho để lưu trữ và quản lý. Đây là bước đầu tiên trong chu trình quản lý kho, có vai trò đảm bảo tính chính xác của dữ liệu tồn kho và chất lượng hàng hóa trước khi lưu trữ.

Hoạt động nhập kho thường bao gồm các công việc như:

- Tiếp nhận thông tin nhập hàng
- Kiểm tra số lượng và chất lượng hàng hóa
- Đối chiếu chứng từ
- Lập phiếu nhập kho
- Phân loại và sắp xếp hàng hóa vào vị trí lưu trữ
- Cập nhật dữ liệu vào hệ thống quản lý kho

Việc tổ chức nhập kho khoa học giúp doanh nghiệp hạn chế sai sót, thất thoát và nâng cao hiệu quả quản lý hàng hóa.

b. Hoạt động lưu trữ hàng hóa

Lưu trữ hàng hóa là quá trình sắp xếp, bảo quản và kiểm soát hàng hóa trong suốt thời gian tồn tại trong kho nhằm đảm bảo hàng hóa luôn ở trạng thái an toàn và sẵn sàng phục vụ cho hoạt động xuất kho.

Hoạt động lưu trữ bao gồm:

- Phân loại hàng hóa
- Sắp xếp hàng hóa theo khu vực lưu trữ

- Bảo quản hàng hóa theo đúng điều kiện kỹ thuật
- Theo dõi số lượng tồn kho
- Kiểm kê hàng hóa định kỳ
- Cập nhật dữ liệu tồn kho

Việc tổ chức lưu trữ hợp lý giúp doanh nghiệp tối ưu diện tích kho, giảm thời gian tìm kiếm hàng hóa và hạn chế hư hỏng, mất mát trong quá trình bảo quản.

c. Hoạt động xuất kho

Xuất kho là quá trình đưa hàng hóa ra khỏi kho để phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc giao cho khách hàng. Đây là khâu cuối cùng trong chu trình quản lý kho nhưng có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng dịch vụ và mức độ hài lòng của khách hàng.

Hoạt động xuất kho thường bao gồm:

- Tiếp nhận yêu cầu xuất hàng
- Kiểm tra tồn kho
- Lập phiếu xuất kho
- Thực hiện lấy hàng
- Kiểm tra hàng hóa trước khi xuất
- Đóng gói và bàn giao hàng hóa
- Cập nhật dữ liệu xuất kho

Quá trình xuất kho cần đảm bảo nguyên tắc đúng hàng, đúng số lượng, đúng thời gian và đúng đối tượng nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động logistics và hạn chế sai sót trong vận hành.

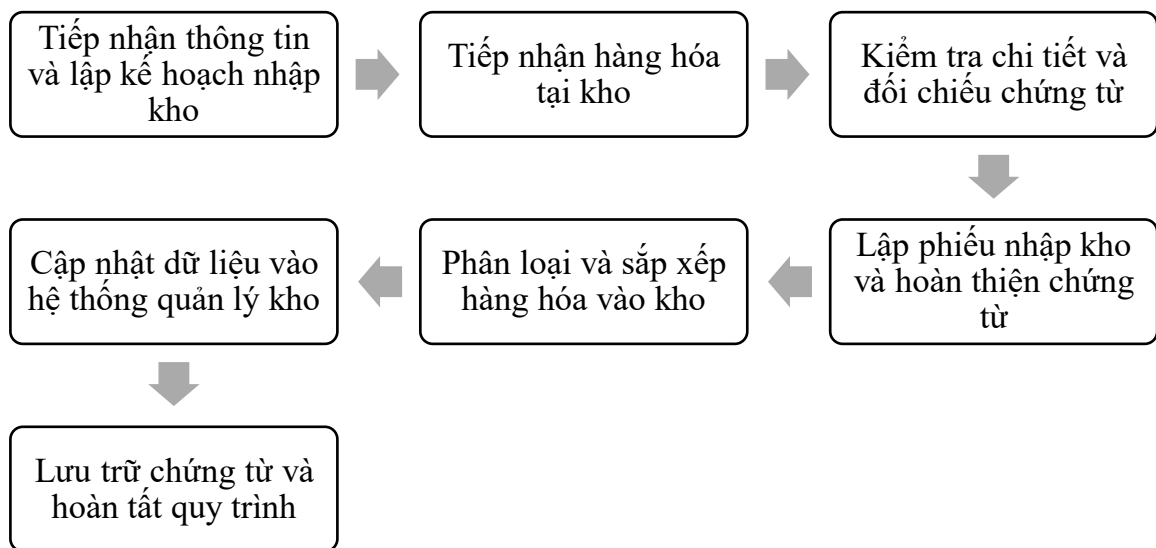
1.3. Quy trình các nghiệp vụ quản lý kho hàng

Quy trình nghiệp vụ xuất nhập kho hàng hóa là tập hợp các bước công việc được tổ chức một cách khoa học nhằm kiểm soát dòng hàng hóa ra vào kho, đảm bảo tính chính xác, kịp thời và hiệu quả trong hoạt động logistics. Việc xây dựng và thực hiện quy trình xuất nhập kho hợp lý giúp doanh nghiệp kiểm soát tốt hàng tồn kho, hạn chế

sai sót, thất thoát và nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng. Theo Nguyễn Như Tiến (2019), quy trình xuất nhập kho là một trong những nội dung cốt lõi của quản trị kho, có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động của toàn bộ chuỗi cung ứng.

1.3.1. Quy trình nghiệp vụ nhập kho hàng hóa trong doanh nghiệp

Quy trình nhập kho là quá trình tiếp nhận hàng hóa từ nhà cung cấp hoặc các bộ phận nội bộ vào kho nhằm phục vụ cho hoạt động lưu trữ, bảo quản và quản lý. Đây là khâu khởi đầu trong chu trình quản lý hàng hóa, có vai trò quyết định đến độ chính xác của dữ liệu tồn kho cũng như chất lượng hàng hóa trong suốt quá trình lưu trữ. Theo Nguyễn Như Tiến (2019), một quy trình nhập kho được tổ chức khoa học sẽ giúp doanh nghiệp kiểm soát tốt nguồn hàng đầu vào, hạn chế sai sót, thất thoát và nâng cao hiệu quả quản trị kho.



Hình 1.1: Quy trình nghiệp vụ nhập kho hàng hóa trong doanh nghiệp

Quy trình nhập kho trong doanh nghiệp thường bao gồm các bước cơ bản sau:

Bước 1: Tiếp nhận thông tin và lập kế hoạch nhập kho

Đây là bước chuẩn bị mang tính định hướng cho toàn bộ quá trình nhập kho. Bộ phận kho tiếp nhận thông tin từ bộ phận mua hàng, kế hoạch sản xuất hoặc trực tiếp từ nhà cung cấp về thời gian giao hàng, chủng loại, số lượng và đặc điểm hàng hóa. Trên

cơ sở đó, bộ phận kho tiến hành lập kế hoạch tiếp nhận hàng hóa, bao gồm việc bố trí nhân sự, chuẩn bị phương tiện bốc dỡ (xe nâng, pallet), sắp xếp khu vực lưu trữ phù hợp và dự kiến thời gian xử lý.

Việc chuẩn bị tốt ở bước này giúp tránh tình trạng quá tải khi hàng về cùng lúc, hạn chế ùn tắc trong kho và nâng cao hiệu quả tiếp nhận. Ngược lại, nếu không có kế hoạch cụ thể, doanh nghiệp có thể gặp tình trạng chậm trễ, sai sót hoặc mất kiểm soát hàng hóa ngay từ đầu.

Bước 2: Tiếp nhận hàng hóa tại kho

Khi hàng hóa được vận chuyển đến kho, nhân viên kho tiến hành tiếp nhận và kiểm tra sơ bộ tình trạng bên ngoài của hàng hóa. Nội dung kiểm tra bao gồm tình trạng bao bì, niêm phong, dấu hiệu hư hỏng, biến dạng hoặc thiếu hụt. Trong bước này, cần phối hợp chặt chẽ với đơn vị vận chuyển để xác nhận tình trạng hàng hóa tại thời điểm giao nhận. Nếu phát hiện dấu hiệu bất thường như rách bao bì, ẩm ướt, thiếu kiện hàng, nhân viên kho cần ghi nhận ngay và thông báo cho các bên liên quan để xử lý kịp thời.

Bước tiếp nhận có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định trách nhiệm giữa các bên và hạn chế tranh chấp phát sinh sau này.

Bước 3: Kiểm tra chi tiết hàng hóa và đối chiếu chứng từ

Sau khi tiếp nhận sơ bộ, hàng hóa được tiến hành kiểm tra chi tiết. Đây là bước mang tính kiểm soát chất lượng và số lượng quan trọng nhất trong quy trình nhập kho.

Nhân viên kho thực hiện kiểm tra các nội dung như: Số lượng thực tế so với chứng từ, chủng loại, mã hàng, quy cách, chất lượng hàng hóa (hạn sử dụng, tình trạng sản phẩm). Đồng thời, các thông tin này được đối chiếu với chứng từ đi kèm như hóa đơn, phiếu giao hàng, hợp đồng hoặc lệnh nhập hàng.

Nếu phát hiện sai lệch, doanh nghiệp cần lập biên bản xác nhận, ghi rõ tình trạng và phối hợp với nhà cung cấp để xử lý (Nguyễn Văn Công, 2018). Việc kiểm tra kỹ lưỡng giúp hạn chế rủi ro nhập sai hàng, hàng kém chất lượng hoặc thiếu hụt số lượng.

Bước 4: Lập phiếu nhập kho và hoàn thiện chứng từ

Sau khi hàng hóa được kiểm tra và xác nhận đạt yêu cầu, bộ phận kho tiến hành lập phiếu nhập kho. Phiếu nhập kho phải ghi đầy đủ các thông tin như tên hàng, mã hàng, số lượng, đơn vị tính, nguồn nhập và thời gian nhập. Đây là chứng từ quan trọng để ghi nhận hàng hóa vào hệ thống kế toán và quản lý kho. Phiếu nhập kho thường cần có chữ ký xác nhận của các bên liên quan như người giao hàng, người nhận hàng và kế toán kho.

Việc lập chứng từ đầy đủ và chính xác giúp đảm bảo tính pháp lý và tạo cơ sở cho việc theo dõi, kiểm tra và đối chiếu sau này.

Bước 5: Phân loại và sắp xếp hàng hóa vào kho

Sau khi hoàn tất thủ tục nhập, hàng hóa được tiến hành phân loại và bố trí vào vị trí lưu trữ phù hợp. Việc sắp xếp cần tuân thủ các nguyên tắc quản lý kho khoa học như: phân khu theo loại hàng hóa, sắp xếp theo nguyên tắc dễ thấy, dễ lấy, áp dụng phương pháp nhập trước – xuất trước (FIFO). Theo Trần Văn Hòe (2017), việc bố trí kho hợp lý không chỉ giúp tối ưu không gian lưu trữ mà còn giảm thời gian tìm kiếm và nâng cao hiệu quả xuất kho.

Đối với các loại hàng hóa đặc biệt như hàng dễ hỏng, hàng nguy hiểm hoặc hàng giá trị cao, cần bố trí khu vực riêng với điều kiện bảo quản phù hợp nhằm đảm bảo chất lượng và an toàn.

Bước 6: Cập nhật dữ liệu vào hệ thống quản lý kho

Sau khi hàng hóa được sắp xếp vào vị trí lưu trữ, toàn bộ thông tin liên quan được cập nhật vào hệ thống quản lý kho. Nội dung cập nhật bao gồm số lượng, vị trí lưu trữ, thời gian nhập và các thông tin liên quan khác. Việc cập nhật kịp thời giúp đảm bảo dữ liệu tồn kho luôn chính xác, phục vụ cho công tác quản lý, lập kế hoạch và ra quyết định. Trong các doanh nghiệp hiện đại, việc ứng dụng phần mềm quản lý kho giúp tự động hóa quá trình này, giảm thiểu sai sót và nâng cao hiệu quả vận hành.

Bước 7: Lưu trữ chứng từ và hoàn tất quy trình nhập kho

Sau khi hoàn tất toàn bộ các bước trên, các chứng từ liên quan đến nghiệp vụ nhập kho được lưu trữ theo quy định. Chứng từ cần được sắp xếp khoa học, dễ tra cứu và đảm bảo tính bảo mật. Việc lưu trữ đầy đủ chứng từ giúp doanh nghiệp phục vụ tốt công tác kiểm tra nội bộ, kiểm toán và thanh tra khi cần thiết. Đồng thời, đây cũng là cơ sở để đối chiếu số liệu và xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình quản lý kho.

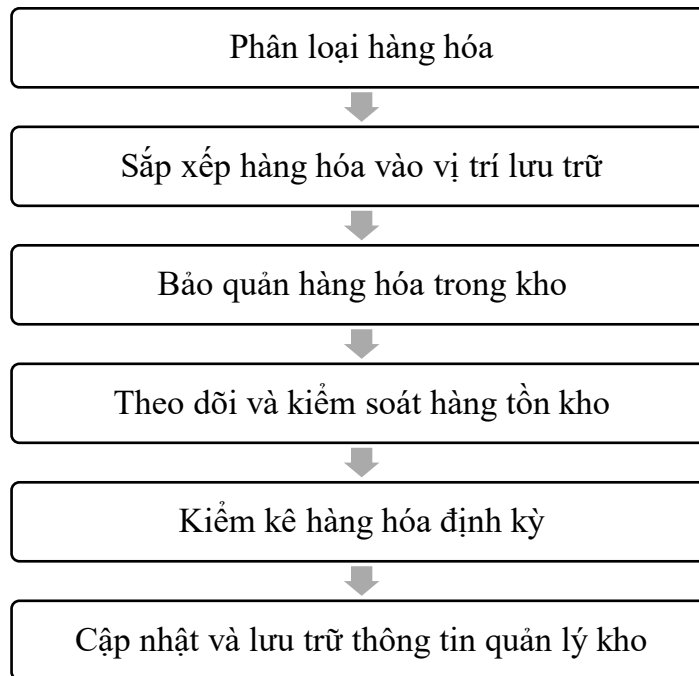
Quy trình nhập kho là một chuỗi các hoạt động có tính liên kết chặt chẽ, trong đó mỗi bước đều có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo tính chính xác và hiệu quả của công tác quản lý kho. Nếu một trong các bước thực hiện không đúng hoặc bị bỏ qua, có thể dẫn đến sai lệch dữ liệu, thất thoát hàng hóa hoặc ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Do đó, việc xây dựng và hoàn thiện quy trình nhập kho một cách khoa học, kết hợp với ứng dụng công nghệ và nâng cao năng lực nhân sự, sẽ giúp doanh nghiệp nâng cao hiệu quả quản lý, giảm chi phí và tăng khả năng cạnh tranh trong lĩnh vực logistics.

1.3.2. Quy trình nghiệp vụ lưu trữ hàng hóa tại kho hàng

Quy trình lưu trữ hàng hóa tại kho là quá trình sắp xếp, bảo quản và kiểm soát hàng hóa trong suốt thời gian lưu kho nhằm đảm bảo hàng hóa luôn ở trong tình trạng an toàn, dễ quản lý và sẵn sàng phục vụ cho hoạt động xuất kho khi cần thiết. Đây là một trong những nội dung quan trọng của công tác quản lý kho, có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng hàng hóa, chi phí lưu kho và hiệu quả vận hành của doanh nghiệp.

Theo GS.TS. Đoàn Thị Hồng Vân (2010), hoạt động lưu trữ hàng hóa không chỉ đơn thuần là bảo quản hàng trong kho mà còn bao gồm việc tổ chức không gian lưu trữ hợp lý, kiểm soát điều kiện bảo quản và quản lý thông tin hàng tồn kho nhằm tối ưu hóa hoạt động logistics.



Hình 1.2: Quy trình nghiệp vụ lưu trữ hàng hóa tại kho hàng

Quy trình lưu trữ hàng hóa trong doanh nghiệp thường bao gồm các bước cơ bản sau:

Bước 1: Phân loại hàng hóa

Sau khi hoàn tất thủ tục nhập kho, hàng hóa được tiến hành phân loại theo các tiêu chí như chủng loại, mã hàng, kích thước, đặc tính bảo quản hoặc thời gian sử dụng. Việc phân loại giúp doanh nghiệp dễ dàng quản lý, tìm kiếm và kiểm soát hàng hóa trong quá trình lưu kho.

Đối với các loại hàng hóa có tính chất đặc biệt như hàng dễ cháy nổ, hàng đông lạnh hoặc hàng dễ hư hỏng, doanh nghiệp cần bố trí khu vực lưu trữ riêng nhằm đảm bảo an toàn và duy trì chất lượng hàng hóa.

Bước 2: Sắp xếp hàng hóa vào vị trí lưu trữ

Sau khi phân loại, hàng hóa được bố trí vào các khu vực lưu trữ phù hợp trong kho. Việc sắp xếp cần tuân thủ các nguyên tắc khoa học như dễ thấy, dễ lấy, thuận tiện cho việc kiểm kê và xuất kho.

Nhiều doanh nghiệp áp dụng phương pháp nhập trước – xuất trước (FIFO) hoặc nhập sau – xuất trước (LIFO) tùy theo đặc điểm hàng hóa. Theo Trần Văn Hòe (2017), việc bố trí hàng hóa hợp lý giúp tối ưu diện tích kho, giảm thời gian tìm kiếm và nâng cao hiệu quả quản lý. Ngoài ra, đối với hàng hóa có giá trị cao hoặc yêu cầu bảo quản đặc biệt, doanh nghiệp cần trang bị hệ thống giá kệ, pallet hoặc thiết bị bảo quản chuyên dụng nhằm đảm bảo an toàn trong quá trình lưu trữ.

Bước 3: Bảo quản hàng hóa trong kho

Trong quá trình lưu kho, doanh nghiệp cần thường xuyên theo dõi và kiểm soát các điều kiện bảo quản nhằm đảm bảo chất lượng hàng hóa không bị ảnh hưởng. Các yếu tố cần được kiểm soát bao gồm nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng, vệ sinh kho bãi và an toàn phòng cháy chữa cháy.

Đối với các mặt hàng thực phẩm, dược phẩm hoặc hàng đông lạnh, yêu cầu về điều kiện bảo quản càng nghiêm ngặt hơn nhằm hạn chế tình trạng hư hỏng hoặc giảm chất lượng sản phẩm. Bên cạnh đó, doanh nghiệp cũng cần thực hiện các biện pháp phòng chống côn trùng, nấm mốc và các tác nhân gây hại khác để đảm bảo an toàn hàng hóa trong suốt thời gian lưu trữ.

Bước 4: Theo dõi và kiểm soát hàng tồn kho

Hoạt động theo dõi tồn kho được thực hiện thường xuyên nhằm cập nhật chính xác số lượng và tình trạng hàng hóa trong kho. Bộ phận quản lý kho tiến hành kiểm tra số lượng hàng tồn, đối chiếu dữ liệu giữa thực tế và hệ thống quản lý nhằm phát hiện kịp thời các sai lệch hoặc thất thoát. Hiện nay, nhiều doanh nghiệp sử dụng phần mềm quản lý kho, mã vạch hoặc công nghệ RFID để hỗ trợ công tác kiểm soát tồn kho. Việc ứng dụng công nghệ giúp nâng cao độ chính xác, giảm thời gian kiểm kê và tăng hiệu quả quản lý dữ liệu.

Bước 5: Kiểm kê hàng hóa định kỳ

Kiểm kê hàng hóa là hoạt động kiểm tra thực tế số lượng và tình trạng hàng hóa trong kho theo định kỳ hoặc đột xuất. Hoạt động này nhằm đánh giá mức độ chính xác

của dữ liệu tồn kho, phát hiện hàng hóa hư hỏng, mất mát hoặc chênh lệch số liệu. Sau khi kiểm kê, doanh nghiệp tiến hành lập biên bản kiểm kê và thực hiện điều chỉnh số liệu nếu có sai lệch. Theo Nguyễn Văn Công (2018), kiểm kê định kỳ giúp doanh nghiệp nâng cao tính minh bạch trong quản lý kho và hạn chế rủi ro thất thoát hàng hóa.

Bước 6: Cập nhật và lưu trữ thông tin quản lý kho

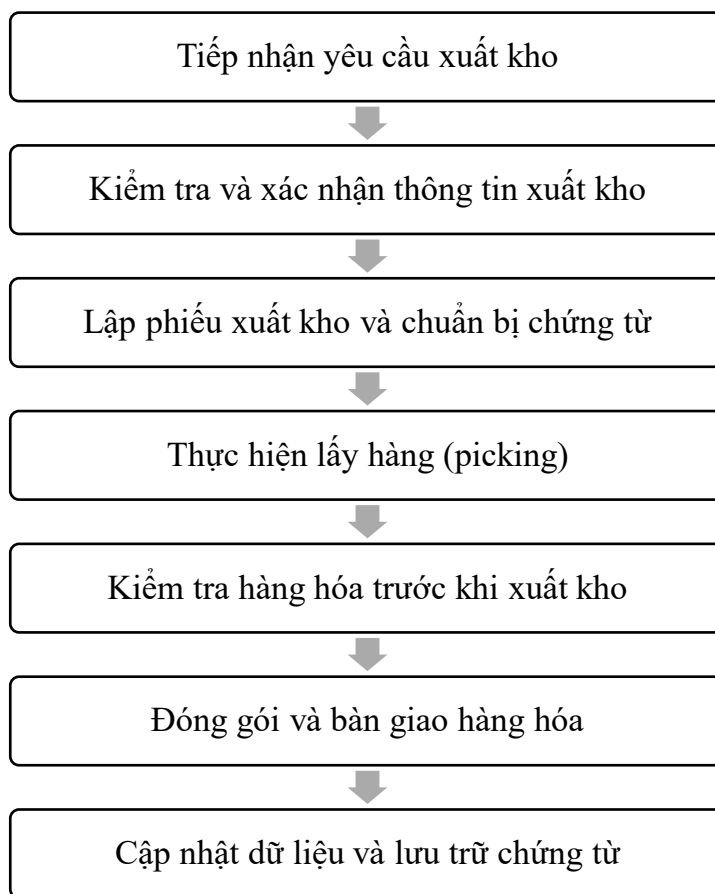
Toàn bộ thông tin liên quan đến tình hình lưu trữ hàng hóa như số lượng tồn kho, vị trí lưu trữ, thời gian bảo quản và kết quả kiểm kê được cập nhật vào hệ thống quản lý kho. Đồng thời, các chứng từ liên quan cũng được lưu trữ đầy đủ nhằm phục vụ công tác kiểm tra, đối chiếu và báo cáo khi cần thiết.

Việc cập nhật dữ liệu kịp thời giúp doanh nghiệp chủ động trong công tác quản lý hàng tồn kho, hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động mua hàng, sản xuất và phân phối hàng hóa.

Nhìn chung, quy trình lưu trữ hàng hóa tại kho là một chuỗi hoạt động có mối liên hệ chặt chẽ với nhau. Việc tổ chức lưu trữ khoa học không chỉ giúp doanh nghiệp bảo quản tốt hàng hóa mà còn góp phần giảm chi phí vận hành, nâng cao hiệu quả quản lý và tăng khả năng đáp ứng nhu cầu của khách hàng trong hoạt động logistics.

1.3.3. Quy trình nghiệp vụ xuất kho hàng hóa trong doanh nghiệp

Quy trình xuất kho là quá trình đưa hàng hóa ra khỏi kho để phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc phân phối đến khách hàng. Đây là khâu cuối cùng trong chu trình quản lý kho nhưng lại có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng dịch vụ, uy tín doanh nghiệp và sự hài lòng của khách hàng. Vì vậy, quy trình xuất kho cần được tổ chức chặt chẽ nhằm đảm bảo nguyên tắc “đúng hàng – đúng số lượng – đúng thời gian – đúng đối tượng”.



Hình 1.3: Quy trình nghiệp vụ xuất kho hàng hóa trong doanh nghiệp

Theo Trần Văn Hòe (2017), một quy trình xuất kho khoa học không chỉ giúp giảm thiểu sai sót mà còn nâng cao hiệu quả vận hành và tối ưu hóa chi phí logistics. Trong thực tế, quy trình xuất kho thường bao gồm các bước sau:

Bước 1: Tiếp nhận yêu cầu xuất kho

Đây là bước khởi đầu của toàn bộ quy trình. Bộ phận kho tiếp nhận yêu cầu xuất hàng từ các bộ phận liên quan như bộ phận kinh doanh, sản xuất hoặc trực tiếp từ khách hàng. Yêu cầu xuất kho có thể được thể hiện dưới nhiều hình thức như đơn đặt hàng, lệnh xuất hàng hoặc phiếu đề nghị xuất kho. Tại bước này, thông tin cần được ghi nhận đầy đủ bao gồm: tên hàng hóa, mã hàng, số lượng, thời gian giao hàng, địa điểm giao và đối tượng nhận hàng.

Việc tiếp nhận thông tin chính xác và đầy đủ giúp đảm bảo các bước tiếp theo được thực hiện thuận lợi. Ngược lại, nếu thông tin không rõ ràng có thể dẫn đến sai sót trong quá trình xuất kho, ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng giao hàng.

Bước 2: Kiểm tra và xác nhận thông tin xuất kho

Sau khi tiếp nhận yêu cầu, nhân viên kho tiến hành kiểm tra tính hợp lệ và khả thi của yêu cầu xuất kho. Nội dung kiểm tra bao gồm:

- Đối chiếu số lượng yêu cầu với tồn kho thực tế
- Kiểm tra chủng loại, mã hàng
- Xác định thời gian giao hàng có phù hợp hay không

Nếu hàng hóa không đủ để đáp ứng yêu cầu, cần thông báo kịp thời cho bộ phận liên quan để có phương án xử lý như điều chỉnh đơn hàng hoặc bổ sung nguồn hàng.

Theo Nguyễn Văn Công (2018), bước kiểm tra này đóng vai trò quan trọng trong việc hạn chế sai sót và tránh tình trạng xuất nhầm hoặc thiếu hàng, góp phần đảm bảo tính chính xác trong quản lý kho.

Bước 3: Lập phiếu xuất kho và chuẩn bị chứng từ

Sau khi xác nhận yêu cầu hợp lệ, bộ phận kho hoặc kế toán tiến hành lập phiếu xuất kho. Phiếu xuất kho phải thể hiện đầy đủ các thông tin như:

- Tên hàng hóa, mã hàng
- Số lượng xuất
- Đơn vị tính
- Người nhận hàng
- Thời gian xuất

Ngoài phiếu xuất kho, doanh nghiệp có thể cần chuẩn bị thêm các chứng từ liên quan như hóa đơn, lệnh xuất hàng hoặc phiếu giao hàng. Đây là bước có ý nghĩa pháp lý quan trọng, là căn cứ để thực hiện xuất hàng và ghi nhận nghiệp vụ kế toán. Việc lập

chứng từ chính xác, đầy đủ giúp đảm bảo tính minh bạch và phục vụ tốt công tác kiểm tra, kiểm toán.

Bước 4: Thực hiện lấy hàng (picking)

Sau khi hoàn tất chứng từ, nhân viên kho tiến hành lấy hàng theo yêu cầu. Đây là bước trực tiếp tác động đến hiệu quả và tốc độ xử lý đơn hàng.

Quá trình lấy hàng cần tuân thủ các nguyên tắc quản lý tồn kho như:

- Nhập trước – xuất trước (FIFO)
- Xuất theo hạn sử dụng đối với hàng dễ hỏng
- Sắp xếp khoa học để dễ lấy

Theo Nguyễn Như Tiến (2019), việc áp dụng đúng phương pháp xuất kho không chỉ giúp đảm bảo chất lượng hàng hóa mà còn tối ưu hóa vòng quay tồn kho. Ngoài ra, trong quá trình lấy hàng, cần hạn chế sai sót như lấy nhầm mã hàng, nhầm số lượng hoặc nhầm vị trí lưu trữ, vì đây là những lỗi phổ biến ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng giao hàng.

Bước 5: Kiểm tra hàng hóa trước khi xuất kho

Sau khi lấy hàng, cần tiến hành kiểm tra lại toàn bộ hàng hóa trước khi xuất kho. Nội dung kiểm tra bao gồm: số lượng thực tế so với phiếu xuất, chủng loại và mã hàng và tình trạng hàng hóa. Đây là bước kiểm soát cuối cùng nhằm đảm bảo hàng hóa được xuất đúng yêu cầu. Trong nhiều doanh nghiệp, bước này được thực hiện theo nguyên tắc “kiểm tra chéo” nhằm giảm thiểu sai sót. Nếu phát hiện sai lệch, cần xử lý ngay trước khi hàng được bàn giao để tránh ảnh hưởng đến khách hàng và uy tín doanh nghiệp.

Bước 6: Đóng gói và bàn giao hàng hóa

Sau khi kiểm tra đạt yêu cầu, hàng hóa được tiến hành đóng gói theo quy định. Việc đóng gói cần đảm bảo phù hợp với tính chất hàng hóa, tránh hư hỏng trong quá trình vận chuyển. Hàng hóa được bàn giao cho bộ phận vận chuyển hoặc trực tiếp cho khách hàng. Quá trình bàn giao cần có ký nhận hoặc biên bản giao nhận nhằm xác nhận trách nhiệm

giữa các bên. Bước này có ý nghĩa quan trọng trong việc đảm bảo tính minh bạch và hạn chế tranh chấp khi có sự cố xảy ra trong quá trình vận chuyển.

Bước 7: Cập nhật dữ liệu và lưu trữ chứng từ

Sau khi hoàn tất việc xuất kho, toàn bộ thông tin liên quan được cập nhật vào hệ thống quản lý kho. Việc cập nhật kịp thời giúp đảm bảo dữ liệu tồn kho luôn chính xác, phục vụ cho công tác quản lý và lập kế hoạch. Đồng thời, các chứng từ liên quan được lưu trữ theo quy định nhằm phục vụ cho việc kiểm tra, đối chiếu và kiểm toán. Việc lưu trữ cần đảm bảo đầy đủ, khoa học và dễ tra cứu.

Quy trình xuất kho là một chuỗi các hoạt động liên kết chặt chẽ, trong đó mỗi bước đều có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo dòng hàng hóa được luân chuyển chính xác và hiệu quả. Nếu bất kỳ bước nào bị sai sót hoặc bỏ qua, có thể dẫn đến nhầm lẫn, thất thoát hàng hóa hoặc ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ. Do đó, việc xây dựng và hoàn thiện quy trình xuất kho theo hướng khoa học, kết hợp với ứng dụng công nghệ và nâng cao năng lực nhân sự sẽ giúp doanh nghiệp nâng cao hiệu quả quản lý, giảm chi phí và tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

1.4. Các quy định pháp lý và hệ thống chứng từ trong quản lý xuất nhập kho

1.4.1. Các quy định pháp lý liên quan đến hoạt động xuất nhập kho hàng hóa

Hoạt động xuất nhập kho hàng hóa trong doanh nghiệp chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật khác nhau, chủ yếu thuộc lĩnh vực kế toán, thuế và quản lý hàng hóa. Những quy định này đóng vai trò là cơ sở pháp lý giúp doanh nghiệp tổ chức hoạt động quản lý kho một cách đúng đắn, minh bạch và hiệu quả.

Luật Kế toán (2015) quy định mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong doanh nghiệp, bao gồm các hoạt động nhập kho và xuất kho, phải được ghi nhận đầy đủ, trung thực, kịp thời và có chứng từ hợp lệ. Điều này đòi hỏi doanh nghiệp phải xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ chặt chẽ nhằm đảm bảo tính chính xác của thông tin.

Thông tư 200/2014/TT-BTC và Thông tư 133/2016/TT-BTC hướng dẫn cụ thể về chế độ kế toán doanh nghiệp, trong đó quy định rõ phương pháp hạch toán hàng tồn kho,

cách lập và quản lý chứng từ, cũng như phương pháp tính giá xuất kho như bình quân gia quyền hoặc nhập trước – xuất trước. Theo Nguyễn Văn Công (2018), việc áp dụng đúng các quy định này giúp đảm bảo tính thống nhất và minh bạch trong công tác kế toán.

Các quy định về thuế như thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp cũng có liên quan trực tiếp đến hoạt động xuất nhập kho. Việc xác định đúng giá trị hàng hóa và thời điểm ghi nhận có ảnh hưởng đến nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp.

Doanh nghiệp còn phải tuân thủ các quy định về an toàn kho bãi, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và tiêu chuẩn bảo quản hàng hóa. Đặc biệt đối với các loại hàng hóa đặc thù như hàng dễ cháy nổ, hàng đông lạnh hoặc hàng thực phẩm, yêu cầu về bảo quản và an toàn càng nghiêm ngặt.

Trong bối cảnh chuyển đổi số, việc áp dụng hóa đơn điện tử và chứng từ điện tử cũng được pháp luật khuyến khích, giúp nâng cao hiệu quả quản lý và giảm thiểu sai sót trong quá trình vận hành.

1.4.2. Hệ thống chứng từ sử dụng trong quá trình xuất nhập kho hàng hóa

Hệ thống chứng từ là công cụ quan trọng giúp doanh nghiệp kiểm soát toàn bộ quá trình xuất nhập kho. Mỗi nghiệp vụ phát sinh đều cần được ghi nhận bằng chứng từ hợp lệ nhằm đảm bảo tính chính xác và minh bạch trong quản lý.

Theo Nguyễn Văn Công (2018), chứng từ kế toán không chỉ là căn cứ ghi sổ mà còn là cơ sở để kiểm tra, đối chiếu và xác định trách nhiệm của các bên liên quan. Trong quản lý kho, chứng từ đóng vai trò kiểm soát dòng hàng hóa, giúp hạn chế thất thoát và sai sót. Các chứng từ trong hoạt động xuất nhập kho rất đa dạng và được sử dụng ở nhiều khâu khác nhau. Trong đó, phiếu nhập kho và phiếu xuất kho là hai loại chứng từ cơ bản và quan trọng nhất. Ngoài ra còn có hóa đơn, biên bản giao nhận, biên bản kiểm kê và nhiều loại chứng từ bổ sung khác.

Trong thực tế, hệ thống chứng từ không chỉ phục vụ cho kế toán mà còn hỗ trợ cho công tác quản lý kho, kiểm soát nội bộ và kiểm toán. Việc xây dựng hệ thống chứng từ hợp lý giúp doanh nghiệp nâng cao hiệu quả quản lý và giảm thiểu rủi ro.

Bảng 1.1: Hệ thống chứng từ sử dụng trong xuất nhập kho

STT	Tên chứng từ	Nội dung phản ánh	Thời điểm sử dụng	Mục đích	Bộ phận liên quan
1	Phiếu nhập kho	Hàng hóa nhập kho	Khi nhập hàng	Ghi tăng tồn kho	Kho, kế toán
2	Phiếu xuất kho	Hàng hóa xuất kho	Khi xuất hàng	Ghi giảm tồn kho	Kho, kế toán
3	Hóa đơn	Giá trị hàng hóa	Khi mua/bán	Căn cứ tính thuế	Kế toán
4	Biên bản giao nhận	Tình trạng hàng hóa	Khi giao nhận	Xác nhận trách nhiệm	Kho, vận chuyển
5	Biên bản kiểm kê	Số liệu thực tế	Định kỳ	Đối chiếu tồn kho	Kho, kế toán
6	Phiếu điều chuyển	Hàng chuyển nội bộ	Khi luân chuyển	Quản lý nội bộ	Kho
7	Phiếu nhập trả lại	Hàng trả lại	Khi hoàn hàng	Ghi nhận lại kho	Kho, kế toán
8	Lệnh xuất hàng	Yêu cầu xuất	Trước xuất	Kiểm soát quy trình	Quản lý
9	Bảng kê N-X-T	Tổng hợp số liệu	Cuối kỳ	Báo cáo kho	Kế toán

Việc tuân thủ các quy định pháp lý và xây dựng hệ thống chứng từ khoa học giúp doanh nghiệp quản lý hiệu quả hoạt động xuất nhập kho, đảm bảo tính minh bạch và hạn chế rủi ro. Đồng thời, đây cũng là cơ sở quan trọng để doanh nghiệp nâng cao năng lực quản lý và đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của môi trường kinh doanh hiện đại.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG QUY TRÌNH XUẤT NHẬP KHO HÀNG HÓA TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN NHẤT PHONG VẬN

2.1. Khái quát về Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển công ty

- Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận
- Mã số thuế: 0400589284
- Địa chỉ: Đường số 9, Khu công nghiệp Hòa Cầm, Phường Hoà Thọ Tây, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
- Tên quốc tế: Nhat Phong Van Corporation
- Tên viết tắt: NPV Group
- Người đại diện: Mai Minh Vương
- Ngày hoạt động: 02/11/2007

Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận (NPV Logistics) được thành lập vào ngày 01/01/2008, có trụ sở chính tại Đường số 9, Khu công nghiệp Hòa Cầm, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Trong những năm đầu thành lập, doanh nghiệp hoạt động với quy mô nhỏ, chủ yếu cung cấp dịch vụ vận tải hàng hóa nội địa bằng đội xe hạn chế, phục vụ các ngành hàng như tiêu dùng, dệt may và điện tử.



Hình 2.1: Logo công ty Cổ phần Nhất Phong Vận

(Nguồn: Website công ty)

Trong bối cảnh ngành logistics tại Việt Nam bắt đầu có sự phát triển mạnh mẽ, NPV Logistics đã từng bước mở rộng quy mô hoạt động, đầu tư thêm phương tiện vận

tải và nâng cao chất lượng dịch vụ. Công ty chú trọng xây dựng mối quan hệ hợp tác với các đối tác lớn, từ đó tích lũy kinh nghiệm và nâng cao năng lực vận hành.

Trải qua hơn 15 năm phát triển, NPV Logistics đã đạt được nhiều bước tiến đáng kể. Doanh nghiệp không chỉ mở rộng mạng lưới vận chuyển trên toàn quốc mà còn xây dựng hệ thống đối tác rộng khắp 64 tỉnh, thành phố. Đặc biệt, công ty đã trở thành đối tác vận chuyển chiến lược của nhiều tập đoàn lớn như Samsung, Panasonic, LG, Daikin, TCL, Casper,... Đây là minh chứng rõ ràng cho uy tín và năng lực của doanh nghiệp trong lĩnh vực logistics.

Hiện nay, NPV Logistics được đánh giá là một trong những đơn vị vận tải và dịch vụ hậu cần có vị thế tại khu vực miền Trung, đóng vai trò quan trọng trong chuỗi cung ứng hàng hóa nội địa. Với định hướng phát triển bền vững, công ty tiếp tục đầu tư vào công nghệ, nâng cao chất lượng dịch vụ và mở rộng quy mô hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

2.1.2. Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi

Tầm nhìn

NPV Logistics hướng tới trở thành tổng thầu vận chuyển hàng hóa và cung cấp dịch vụ hậu cần hàng đầu dành cho các doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam. Đồng thời, doanh nghiệp đặt mục tiêu tiên phong trong việc xây dựng hệ sinh thái logistics theo hướng xanh, linh hoạt và hiệu quả, phù hợp với xu hướng phát triển bền vững của ngành logistics hiện đại.

Sứ mệnh

Công ty tập trung cung cấp các giải pháp logistics chuyên sâu, đặc biệt phục vụ các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động tại Việt Nam trong các lĩnh vực như điện tử, dệt may và hàng tiêu dùng. NPV Logistics không chỉ cung cấp dịch vụ vận chuyển mà còn tham gia vào toàn bộ chuỗi giá trị logistics, bao gồm tư vấn, thiết kế, vận hành và tối ưu hệ thống logistics nội địa.

Các dịch vụ của công ty được số hóa và chuẩn hóa theo tiêu chuẩn quốc tế, giúp khách hàng nâng cao hiệu quả quản lý, giảm chi phí vận hành và tăng khả năng cạnh tranh. Với vai trò là đối tác chiến lược, NPV Logistics luôn đồng hành cùng khách hàng trong việc tối ưu hóa hoạt động lưu thông hàng hóa.

Giá trị cốt lõi

- Chuyên nghiệp: Tập trung cung cấp dịch vụ chuyên sâu, đáp ứng yêu cầu cao của khách hàng, đặc biệt là các doanh nghiệp nước ngoài
- Kinh nghiệm: Tích lũy kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực logistics, am hiểu đặc thù các ngành hàng trọng điểm
- Toàn diện: Cung cấp giải pháp logistics trọn gói, bao phủ toàn bộ chuỗi cung ứng từ đầu vào đến đầu ra
- Hiện đại: Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số trong quản lý và vận hành
- Bền vững: Xây dựng mối quan hệ hợp tác lâu dài, cùng phát triển với khách hàng và đối tác

Những giá trị cốt lõi này là nền tảng định hướng cho mọi hoạt động của doanh nghiệp, góp phần tạo nên sự khác biệt và lợi thế cạnh tranh trên thị trường.

2.1.3. Ngành nghề kinh doanh của công ty

Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực vận tải và dịch vụ logistics nội địa, với các ngành nghề kinh doanh chính như sau:

Vận tải hàng hóa bằng đường bộ:

Đây là lĩnh vực hoạt động cốt lõi của doanh nghiệp. Công ty cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa trên phạm vi toàn quốc với đội xe thùng kín và xe chuyên dụng đa dạng tải trọng từ 1,5 tấn đến 15 tấn, đáp ứng linh hoạt nhu cầu của khách hàng.

Dịch vụ kho bãi và quản lý hàng hóa:

Công ty cung cấp dịch vụ lưu trữ, bảo quản và quản lý hàng hóa trong kho, đảm bảo an toàn và chất lượng hàng hóa trong suốt quá trình lưu trữ.

Dịch vụ phân phối và giao nhận hàng hóa:

NPV Logistics tổ chức hệ thống phân phối hàng hóa đến các điểm bán hoặc khách hàng cuối cùng, góp phần rút ngắn thời gian giao hàng và nâng cao chất lượng dịch vụ.

Dịch vụ logistics trọn gói:

Công ty cung cấp giải pháp logistics toàn diện, bao gồm tư vấn, thiết kế, vận hành và tối ưu hệ thống logistics nội địa, giúp khách hàng nâng cao hiệu quả quản lý chuỗi cung ứng.

Hợp tác vận chuyển và dịch vụ hỗ trợ logistics:

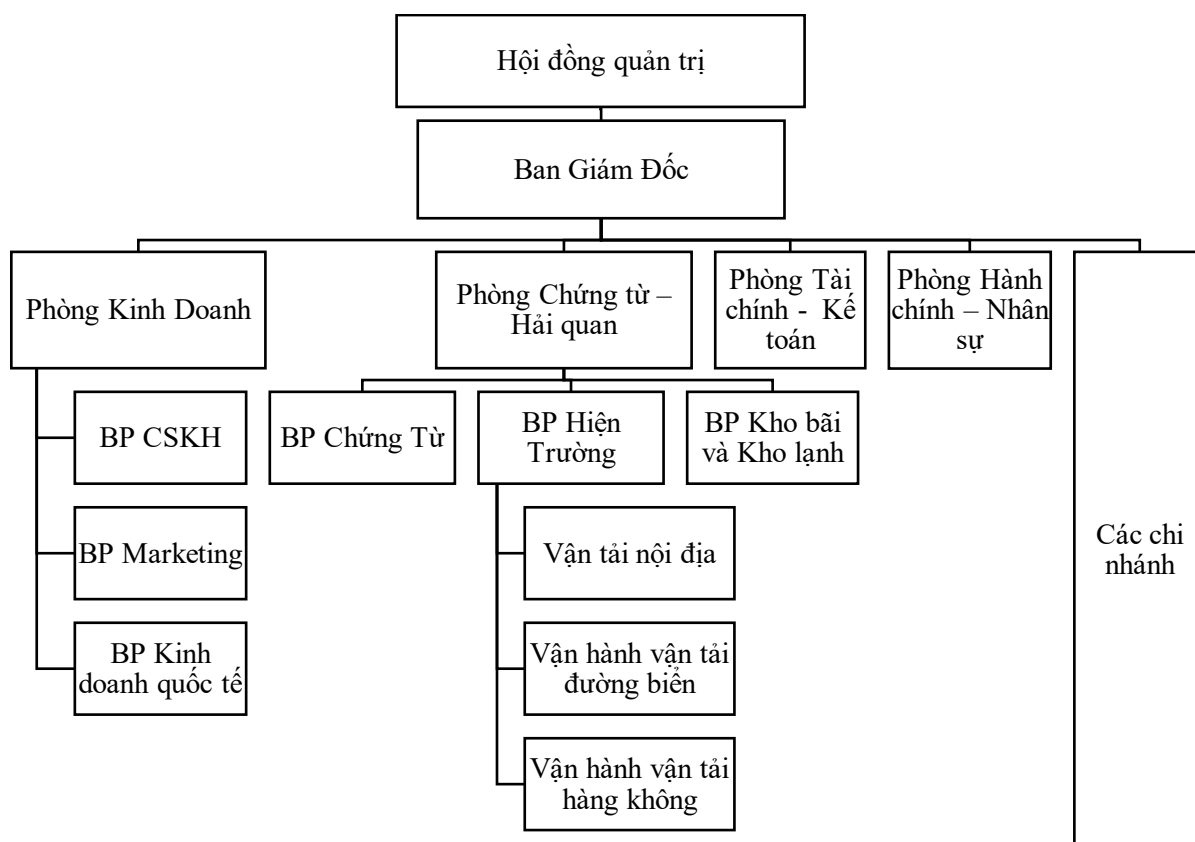
Với mạng lưới hơn 100 đối tác vận chuyển trên toàn quốc, công ty có khả năng mở rộng quy mô và đáp ứng linh hoạt nhu cầu vận chuyển của khách hàng.

NPV Logistics có thế mạnh trong việc phục vụ các tập đoàn lớn trong lĩnh vực điện tử và hàng tiêu dùng, với yêu cầu cao về chất lượng dịch vụ, thời gian giao hàng và độ chính xác trong vận hành. Điều này không chỉ giúp doanh nghiệp khẳng định vị thế trên thị trường mà còn tạo nền tảng để tiếp tục phát triển trong tương lai.

2.1.4. Cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ

2.1.4.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận được xây dựng theo mô hình quản lý tập trung kết hợp với sự phân công chuyên môn rõ ràng giữa các bộ phận. Mô hình này giúp doanh nghiệp nâng cao hiệu quả quản lý, đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các phòng ban trong quá trình hoạt động kinh doanh và cung cấp dịch vụ logistics.



Hình 2.2: Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận

(Nguồn: Phòng Hành chính nhân sự)

2.1.4.1. Chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban

Để đảm bảo hoạt động kinh doanh được triển khai hiệu quả và đồng bộ, Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận xây dựng hệ thống các phòng ban chức năng với nhiệm vụ và trách nhiệm cụ thể. Các phòng ban phối hợp chặt chẽ với nhau nhằm thực hiện tốt các hoạt động logistics, vận tải và dịch vụ hỗ trợ khách hàng.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của công ty, có nhiệm vụ định hướng chiến lược phát triển, xây dựng kế hoạch dài hạn và giám sát hoạt động của Ban Giám đốc. Hội đồng quản trị đưa ra các quyết định quan trọng liên quan đến hoạt động kinh doanh, đầu tư và phát triển của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc

Ban Giám đốc là bộ phận trực tiếp điều hành hoạt động kinh doanh của công ty. Ban Giám đốc có nhiệm vụ tổ chức thực hiện các chiến lược và kế hoạch do Hội đồng quản trị đề ra, đồng thời quản lý, điều phối các phòng ban trong doanh nghiệp nhằm đảm bảo hoạt động của công ty diễn ra hiệu quả.

Phòng Kinh doanh

Phòng Kinh doanh chịu trách nhiệm tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường và xây dựng các mối quan hệ hợp tác với đối tác trong và ngoài nước. Đồng thời, phòng có nhiệm vụ tư vấn cho khách hàng các giải pháp vận chuyển và logistics phù hợp với từng loại hàng hóa.

Phòng Kinh doanh bao gồm các bộ phận sau:

Bộ phận Chăm sóc khách hàng (CSKH): Bộ phận này có nhiệm vụ tiếp nhận thông tin từ khách hàng, giải đáp thắc mắc và hỗ trợ khách hàng trong quá trình sử dụng dịch vụ của công ty. Ngoài ra, bộ phận còn theo dõi tiến độ vận chuyển hàng hóa và cập nhật thông tin cho khách hàng.

Bộ phận Marketing: Bộ phận Marketing chịu trách nhiệm xây dựng chiến lược quảng bá thương hiệu, thực hiện các hoạt động truyền thông và marketing nhằm nâng cao hình ảnh và uy tín của công ty trên thị trường.

Bộ phận Kinh doanh quốc tế: Bộ phận này tập trung phát triển thị trường quốc tế, tìm kiếm đối tác nước ngoài và xây dựng các hợp đồng vận chuyển quốc tế. Đồng thời, bộ phận cũng nghiên cứu thị trường và đề xuất các chiến lược mở rộng hoạt động kinh doanh ra thị trường nước ngoài.

Phòng Chứng từ – Hải quan:

Phòng Chứng từ – Hải quan chịu trách nhiệm xử lý các loại giấy tờ, chứng từ liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu và vận chuyển hàng hóa. Đây là bộ phận đóng vai

trò quan trọng trong việc đảm bảo hàng hóa được thông quan nhanh chóng và đúng quy định của pháp luật.

Phòng này bao gồm các bộ phận sau:

Bộ phận Chứng từ: Bộ phận Chứng từ chịu trách nhiệm lập và kiểm tra các loại chứng từ xuất nhập khẩu như vận đơn, hóa đơn thương mại, phiếu đóng gói, tờ khai hải quan và các giấy tờ liên quan khác.

Bộ phận Hiện trường: Bộ phận Hiện trường trực tiếp làm việc tại cảng biển, sân bay hoặc các khu vực giao nhận hàng hóa để thực hiện các thủ tục giao nhận, kiểm tra hàng hóa và phối hợp với các cơ quan chức năng.

Trong bộ phận Hiện trường bao gồm các hoạt động:

- Vận tải nội địa: tổ chức vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ giữa các kho bãi, cảng biển và sân bay.
- Vận hành vận tải đường biển: phối hợp với các hãng tàu để sắp xếp container, theo dõi lịch tàu và quản lý quá trình vận chuyển hàng hóa quốc tế bằng đường biển.
- Vận hành vận tải hàng không: làm việc với các hãng hàng không để đặt chỗ vận chuyển, theo dõi lịch bay và đảm bảo hàng hóa được vận chuyển đúng kế hoạch.

Bộ phận Kho bãi và Kho lạnh

Bộ phận này chịu trách nhiệm quản lý hệ thống kho bãi và kho lạnh của công ty. Nhiệm vụ chính là bảo quản hàng hóa, đặc biệt là các loại hàng hóa cần kiểm soát nhiệt độ như nông sản, thủy sản và thực phẩm tươi sống.

Phòng Tài chính – Kế toán

Phòng Tài chính – Kế toán có nhiệm vụ quản lý các hoạt động tài chính của công ty, bao gồm theo dõi thu chi, lập báo cáo tài chính, quản lý chi phí và thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, phòng còn tham mưu cho Ban Giám đốc về các vấn đề tài chính nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn của doanh nghiệp.

Phòng Hành chính – Nhân sự

Phòng Hành chính – Nhân sự chịu trách nhiệm quản lý nguồn nhân lực của công ty, bao gồm tuyển dụng, đào tạo, đánh giá và quản lý hồ sơ nhân viên. Bên cạnh đó, phòng còn đảm nhận các công việc hành chính, quản lý văn phòng và hỗ trợ các hoạt động nội bộ của doanh nghiệp.

Các chi nhánh

Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận có hệ thống chi nhánh tại nhiều thành phố lớn như Hà Nội, Đà Nẵng, Cần Thơ và Hải Phòng. Các chi nhánh có nhiệm vụ triển khai hoạt động kinh doanh tại từng khu vực, hỗ trợ khách hàng địa phương và kết nối với trụ sở chính để thực hiện các dịch vụ logistics một cách hiệu quả.

2.1.4.3. Bộ phận kho vận và bộ phận logistics

Bộ phận kho vận và logistics là một trong những bộ phận quan trọng nhất trong cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận, đóng vai trò trực tiếp trong việc thực hiện các hoạt động cốt lõi của doanh nghiệp.

Bộ phận kho vận có nhiệm vụ quản lý toàn bộ hoạt động liên quan đến kho hàng, bao gồm:

- Tổ chức tiếp nhận, lưu trữ và bảo quản hàng hóa
- Thực hiện các nghiệp vụ xuất nhập kho
- Kiểm kê và theo dõi tồn kho
- Đảm bảo an toàn và chất lượng hàng hóa

Bộ phận này đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì tính chính xác của dữ liệu tồn kho và hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động vận chuyển.

Bộ phận logistics chịu trách nhiệm điều phối và tổ chức hoạt động vận chuyển hàng hóa từ điểm xuất phát đến điểm tiêu thụ. Nhiệm vụ bao gồm:

- Lập kế hoạch vận chuyển
- Điều phối phương tiện và tuyến đường
- Theo dõi tiến độ giao hàng

- Xử lý các tình huống phát sinh

Hai bộ phận này có mối quan hệ mật thiết và phối hợp chặt chẽ với nhau. Nếu bộ phận kho vận đảm bảo nguồn hàng sẵn sàng thì bộ phận logistics sẽ đảm bảo hàng hóa được vận chuyển đúng thời gian và địa điểm.

Cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận được xây dựng hợp lý, đảm bảo sự phân công rõ ràng giữa các phòng ban và sự phối hợp hiệu quả trong quá trình vận hành. Đặc biệt, việc chú trọng phát triển bộ phận kho vận và logistics đã giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh và đáp ứng tốt yêu cầu của khách hàng trong lĩnh vực logistics.

2.1.5. Nguồn lực của công ty

2.1.5.1. Cơ sở vật chất và hệ thống kho bãi

Cơ sở vật chất và hệ thống kho bãi là nền tảng quan trọng đảm bảo cho hoạt động logistics và vận tải của Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận được diễn ra hiệu quả, liên tục và ổn định. Trong những năm qua, công ty đã không ngừng đầu tư nâng cấp hệ thống kho bãi cả về quy mô lẫn chất lượng nhằm đáp ứng nhu cầu lưu trữ và xử lý hàng hóa ngày càng tăng. Hệ thống kho của công ty được bố trí tại các vị trí thuận lợi về giao thông, đặc biệt tại khu vực thành phố Đà Nẵng và các điểm trung chuyển quan trọng. Việc lựa chọn vị trí kho gần các trục giao thông chính, khu công nghiệp và cảng biển giúp doanh nghiệp rút ngắn thời gian vận chuyển, giảm chi phí logistics và nâng cao khả năng phục vụ khách hàng.

Bảng 2.1: Thực trạng cơ sở vật chất và hệ thống kho bãi của Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận

Tiêu chí	Địa điểm/Vị trí	Quy mô (diện tích/sức chứa)	Đặc điểm kết cấu	Trang thiết bị	Mức độ ứng dụng công nghệ
----------	-----------------	-----------------------------	------------------	----------------	---------------------------

Vị trí kho bãi	KCN Hòa Cầm – Đà Nẵng; kho vệ tinh miền Trung	-	Gần cảng Tiên Sa, QL1A, sân bay Đà Nẵng	Hạ tầng giao thông thuận lợi	Chưa áp dụng công nghệ định vị kho
Quy mô kho	Tập trung tại Đà Nẵng	5.000 – 10.000 m ²	Gồm kho chính + kho phụ + bãi container	Xe nâng, xe kéo hỗ trợ mở rộng khai thác	Theo dõi tồn kho bằng phần mềm
Loại hình kho	Kho thường, kho lạnh, kho trung chuyển	Sức chứa vài trăm – vài nghìn tấn/tháng	Phân khu theo chức năng từng loại kho	Thiết bị bảo ôn, xe nâng lạnh	Có quản lý riêng từng kho trên WMS
Kết cấu kho	Tại khu logistics nội bộ	-	1. Tiếp nhận 2. kiểm tra 3. lưu kho 4. soạn hàng 5. xuất kho	Giá kệ pallet, khu staging	Mã hóa vị trí lưu kho
Hệ thống lưu trữ	Trong toàn bộ kho	Tùy theo pallet/kiện hàng	Giá kệ nhiều tầng, phân zone theo khách hàng	Pallet nhựa/gỗ, kệ selective	Quản lý theo mã SKU
Thiết bị bốc xếp	Khu nhập – xuất hàng	Công suất theo ca làm việc	Khu vực loading/unloading riêng	Xe nâng, xe đẩy pallet	Một phần quản lý lịch sử sử dụng

Kho lạnh	Khu riêng trong kho chính	Diện tích nhỏ hơn kho thường	Buồng lạnh khép kín	Hệ thống làm lạnh, cảm biến nhiệt	Theo dõi nhiệt độ thủ công + bán tự động
An ninh kho	Toàn bộ khu kho	-	Có hàng rào, cổng kiểm soát	Camera 24/7, chốt bảo vệ	Ghi nhận ra vào bằng thủ công + camera
Ứng dụng công nghệ (WMS)	Kho trung tâm	-	Đồng bộ dữ liệu nhập – xuất – tồn	Máy quét mã vạch	Phần mềm quản lý kho (WMS)
Mức độ tự động hóa	Toàn hệ thống kho	-	Chủ yếu vận hành thủ công	Thiết bị hỗ trợ cơ bản	Chưa có hệ thống tự động hóa cao
Khả năng đáp ứng	Theo từng khu vực kho	Trung bình – khá	Linh hoạt theo nhu cầu khách hàng	Có thể tăng ca khi cao điểm	Theo dõi thủ công + phần mềm
Khả năng mở rộng	Khu vực miền Trung	Có thể mở rộng thêm kho thuê	Mô hình kho linh hoạt	Thuê thêm xe nâng/kho bãi	Chưa có mô hình tối ưu mở rộng tự động

(Nguồn: Bộ phận logistics)

Về quy mô và kết cấu, kho bãi của công ty được thiết kế theo tiêu chuẩn phù hợp với đặc thù của ngành logistics, bao gồm:

- Khu vực tiếp nhận hàng hóa
- Khu vực lưu trữ
- Khu vực phân loại và xử lý hàng

- Khu vực xuất hàng

Các khu vực được bố trí khoa học, đảm bảo dòng chảy hàng hóa diễn ra liên tục, hạn chế tình trạng ùn tắc trong quá trình xuất nhập kho.

Bên cạnh đó, hệ thống kho được trang bị đầy đủ các thiết bị hỗ trợ như:

- Xe nâng, xe kéo phục vụ bốc xếp hàng hóa
- Hệ thống giá kệ giúp tối ưu hóa không gian lưu trữ
- Thiết bị kiểm soát nhiệt độ đối với kho lạnh
- Hệ thống chiếu sáng và an ninh

Đặc biệt, đối với các mặt hàng yêu cầu điều kiện bảo quản nghiêm ngặt như thực phẩm, nông sản hoặc hàng điện tử, công ty đã đầu tư kho lạnh và kho chuyên dụng nhằm đảm bảo chất lượng hàng hóa trong suốt quá trình lưu trữ. Ngoài ra, công ty cũng từng bước ứng dụng công nghệ trong quản lý kho như phần mềm quản lý kho (WMS), giúp theo dõi chính xác tình trạng tồn kho, vị trí lưu trữ và lịch sử xuất nhập hàng hóa. Việc ứng dụng công nghệ không chỉ nâng cao hiệu quả quản lý mà còn giảm thiểu sai sót trong quá trình vận hành. Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm, hệ thống kho bãi của công ty vẫn còn một số hạn chế nhất định như quy mô kho tại một số khu vực chưa thực sự đáp ứng nhu cầu tăng trưởng nhanh, mức độ tự động hóa chưa cao và còn phụ thuộc nhiều vào lao động thủ công. Đây là những vấn đề cần được cải thiện trong thời gian tới nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động logistics.

Đánh giá chung, cơ sở vật chất và hệ thống kho bãi của Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận tương đối hoàn thiện và phù hợp với quy mô hoạt động hiện tại. Việc tiếp tục đầu tư, nâng cấp và ứng dụng công nghệ trong quản lý kho sẽ là yếu tố quan trọng giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững trong tương lai.

2.1.5.2. Đội ngũ nhân sự

Nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng góp phần quyết định đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận luôn chú trọng đến việc tuyển dụng

và đào tạo đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng khắt khe của ngành logistics.

Bảng 2.2: Tình hình nhân sự Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận trong giai đoạn 2023 – 2025

Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025	
	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Tổng số nhân sự	238	100	249	100	256	100
1. Theo giới tính						
Nam	144	60,5	151	60,6	155	60,5
Nữ	94	39,5	98	39,4	101	39,5
2. Theo độ tuổi						
Từ 18 – 30 tuổi	95	39,9	103	41,4	110	43,0
Từ 30 – 50 tuổi	118	49,6	121	48,6	123	48,0
Trên 50 tuổi	25	10,5	25	10,0	23	9,0
3. Theo trình độ						
Đại học trở lên	146	61,3	158	63,5	167	65,2
Cao đẳng	69	29,0	69	27,7	68	26,6
Trung cấp và THPT	23	9,7	22	8,8	21	8,2
4. Phân theo phòng ban						
Phòng Kinh doanh	57	23,9	60	24,1	63	24,6
Phòng Chứng từ – Hải quan	61	25,6	63	25,3	65	25,4
Phòng Kho bãi & Kho lạnh	52	21,8	54	21,7	56	21,9
Phòng Tài chính – Kế toán	25	10,5	26	10,4	26	10,2
Phòng Hành chính – Nhân sự	21	8,8	22	8,8	23	9,0
Các chi nhánh	22	9,4	24	9,6	23	8,9

(Nguồn: Phòng hành chính nhân sự)

Qua bảng số liệu về tình hình nhân sự của Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận trong giai đoạn 2023–2025 có thể thấy quy mô nhân sự của công ty có xu hướng tăng dần qua các năm. Cụ thể, tổng số nhân viên tăng từ 238 người năm 2023 lên 249 người năm 2024

và đạt 256 người vào năm 2025. Điều này cho thấy công ty đang từng bước mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh và nhu cầu về nguồn nhân lực ngày càng tăng.

Nhìn chung, cơ cấu nhân sự của Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận trong giai đoạn 2023–2025 tương đối hợp lý và phù hợp với đặc thù hoạt động của ngành logistics. Việc duy trì tỷ lệ lao động có trình độ chuyên môn cao, đồng thời bổ sung lực lượng lao động trẻ đã góp phần giúp công ty nâng cao hiệu quả hoạt động, cải thiện chất lượng dịch vụ và tăng cường khả năng cạnh tranh trên thị trường logistics trong nước và quốc tế.

2.1.5.3. Nguồn lực tài chính

Bảng 2.3: Nguồn lực tài chính của Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận giai đoạn 2023 – 2025

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	So sánh 2024/2023	So sánh 2025/2024
I. TÀI SẢN					
Tài sản cố định	83,945	95,116	118,732	+11,171	+23,616
Tài sản lưu động	58,852	66,112	80,622	+7,260	+14,510
- Tiền & tương đương tiền	18,764	21,035	25,948	+2,271	+4,913
- Phải thu khách hàng	22,918	25,746	31,884	+2,828	+6,138
- Hàng tồn kho dịch vụ	17,170	19,331	22,790	+2,161	+3,459
Tổng tài sản	142,797	161,228	199,354	+18,431	+38,126
II. VỐN					
Vốn điều lệ	80,000	80,000	92,500	0,000	+12,500
Vốn chủ sở hữu	96,482	107,356	126,894	+10,874	+19,538

Vốn vay ngân hàng	46,315	53,872	71,460	+7,557	+17,588
Tổng nguồn vốn	142,797	161,228	199,354	+18,431	+38,126

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

a. Phân tích về tài sản

Về cơ cấu tài sản, có thể thấy tổng tài sản của Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận trong giai đoạn 2023–2025 được cấu thành chủ yếu từ hai bộ phận là tài sản cố định và tài sản lưu động. Trong đó, tài sản cố định luôn chiếm tỷ trọng lớn hơn, dao động khoảng trên 58% tổng tài sản và có xu hướng tăng dần qua các năm. Điều này phản ánh đặc thù của doanh nghiệp logistics, khi hoạt động kinh doanh phụ thuộc nhiều vào hệ thống phương tiện vận tải, kho bãi, thiết bị xếp dỡ và cơ sở hạ tầng. Tài sản lưu động chiếm khoảng 40–42%, đóng vai trò đảm bảo khả năng thanh khoản và duy trì hoạt động vận hành ngắn hạn.

Về tăng trưởng tài sản, tổng tài sản tăng liên tục từ 142.797 triệu đồng năm 2023 lên 161.228 triệu đồng năm 2024 và đạt 199.354 triệu đồng năm 2025. Mức tăng trưởng này cho thấy doanh nghiệp đang trong giai đoạn mở rộng quy mô hoạt động khá mạnh, đặc biệt trong năm 2025 khi tốc độ tăng tài sản đạt mức cao nhất. Sự gia tăng này không chỉ đến từ tăng doanh thu mà còn phản ánh chiến lược đầu tư mở rộng năng lực logistics và nâng cao chất lượng dịch vụ.

Về tài sản ngắn hạn, giá trị tăng từ 58.852 triệu đồng lên 80.622 triệu đồng trong giai đoạn nghiên cứu. Trong đó, tiền và tương đương tiền tăng đều qua các năm, cho thấy khả năng thanh khoản được cải thiện, giúp doanh nghiệp chủ động hơn trong thanh toán và vận hành. Tuy nhiên, khoản phải thu khách hàng cũng tăng đáng kể, từ 22.918 triệu đồng lên 31.884 triệu đồng, phản ánh chính sách bán chịu và mở rộng khách hàng doanh nghiệp, đồng thời làm tăng rủi ro chiếm dụng vốn và áp lực thu hồi công nợ. Hàng tồn kho dịch vụ cũng tăng theo quy mô hoạt động, từ 17.170 triệu đồng lên 22.790 triệu đồng, phù hợp với việc mở rộng kho bãi và tăng khối lượng hàng hóa lưu trữ.

Về tài sản dài hạn, tài sản cố định tăng mạnh từ 83.945 triệu đồng lên 118.732 triệu đồng, chủ yếu do đầu tư thêm xe tải, kho hàng và thiết bị phục vụ vận hành logistics. Đây là yếu tố then chốt giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực vận chuyển, mở rộng phạm vi hoạt động và tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường. Nguyên nhân biến động tài sản, sự tăng trưởng này xuất phát từ ba yếu tố chính: (1) mở rộng quy mô khách hàng, đặc biệt là nhóm khách hàng doanh nghiệp FDI; (2) nhu cầu đầu tư cơ sở hạ tầng logistics ngày càng lớn; (3) chiến lược mở rộng mạng lưới vận tải và kho bãi nhằm nâng cao năng lực phục vụ. Bên cạnh đó, sự phát triển của thị trường logistics nội địa cũng tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp gia tăng tài sản. Việc gia tăng tài sản giúp nâng cao năng lực vận hành, mở rộng thị phần và cải thiện chất lượng dịch vụ logistics. Tuy nhiên, sự gia tăng mạnh ở khoản phải thu và tồn kho cũng đặt ra thách thức về quản lý dòng tiền, nguy cơ tồn đọng vốn và yêu cầu kiểm soát chặt chẽ hiệu quả sử dụng tài sản.

b. Phân tích về nguồn vốn

Về cơ cấu nguồn vốn, tổng nguồn vốn của doanh nghiệp được hình thành từ vốn chủ sở hữu, vốn vay ngân hàng và vốn điều lệ. Trong đó, vốn chủ sở hữu chiếm tỷ trọng lớn hơn nợ vay, dao động khoảng 55–60%, cho thấy mức độ tự chủ tài chính tương đối tốt. Tuy nhiên, tỷ trọng vốn vay đang có xu hướng tăng lên trong năm 2025, phản ánh việc doanh nghiệp sử dụng thêm đòn bẩy tài chính để phục vụ mở rộng đầu tư. Về tăng trưởng nguồn vốn, tổng nguồn vốn tăng từ 142.797 triệu đồng lên 199.354 triệu đồng trong giai đoạn 2023–2025. Trong đó, vốn chủ sở hữu tăng ổn định qua các năm, từ 96.482 triệu đồng lên 126.894 triệu đồng, cho thấy doanh nghiệp hoạt động có lợi nhuận tích lũy và có khả năng tái đầu tư. Vốn vay ngân hàng tăng nhanh hơn, đặc biệt năm 2025 tăng mạnh, phản ánh nhu cầu huy động vốn để mở rộng tài sản cố định và hệ thống logistics.

Xu hướng gia tăng nợ vay khiến tỷ lệ nợ trên tổng nguồn vốn tăng nhẹ qua các năm. Điều này cho thấy doanh nghiệp đang chuyển dần sang mô hình tăng trưởng dựa trên đòn bẩy tài chính, vừa giúp mở rộng nhanh quy mô vừa tiềm ẩn rủi ro nếu dòng tiền không ổn định. Vốn của doanh nghiệp chủ yếu đến từ ba nguồn: lợi nhuận giữ lại từ hoạt

động kinh doanh, vốn vay ngân hàng và tăng vốn điều lệ trong năm 2025. Điều này cho thấy doanh nghiệp có sự kết hợp giữa nội lực tài chính và nguồn vốn bên ngoài để phục vụ chiến lược phát triển.

Về đòn bẩy tài chính, doanh nghiệp đang sử dụng mức đòn bẩy trung bình. Hệ số nợ của doanh nghiệp dao động trong khoảng 32%–36% và có xu hướng tăng nhẹ qua các năm. Điều này cho thấy Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận đang sử dụng đòn bẩy tài chính ở mức trung bình nhằm hỗ trợ mở rộng quy mô hoạt động. Tuy nhiên, mức tăng nợ vay cũng làm gia tăng áp lực chi phí tài chính, đòi hỏi doanh nghiệp phải kiểm soát tốt dòng tiền và hiệu quả sử dụng vốn. Cơ cấu vốn hiện tại giúp công ty duy trì được sự cân bằng giữa an toàn tài chính và khả năng tăng trưởng. Tuy nhiên, việc gia tăng nợ vay và công nợ khách hàng có thể gây áp lực lên dòng tiền trong tương lai. Nếu không quản lý tốt, doanh nghiệp có thể đối mặt với rủi ro thanh khoản và giảm hiệu quả sử dụng vốn.

c. Các chỉ tiêu phản ánh cơ cấu nguồn vốn của Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận giai đoạn 2023 – 2025

Bảng 2.4: Các chỉ tiêu phản ánh cơ cấu nguồn vốn của Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận giai đoạn 2023 – 2025

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Chênh lệch 2024/2023	Chênh lệch 2025/2024
				Tỷ lệ (%)	Tỷ lệ (%)
Tổng nợ phải trả	46.315	53.872	71.460	16,32	32,65
Tổng tài sản	142.797	161.228	199.354	12,91	23,64
Vốn chủ sở hữu	96.482	107.356	126.894	11,27	18,20
Nợ/Tổng tài sản (%)	32,43	33,41	35,85	0,98	2,44
Nợ/Vốn chủ sở hữu (%)	48,00	50,18	56,32	2,18	6,14

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

Qua bảng số liệu có thể thấy cơ cấu nguồn vốn của Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận trong giai đoạn 2023–2025 có xu hướng gia tăng sử dụng nợ để phục vụ hoạt động mở rộng kinh doanh. Tổng nợ phải trả tăng liên tục qua các năm, từ 46.315 triệu đồng năm 2023 lên 53.872 triệu đồng năm 2024 và đạt 71.460 triệu đồng năm 2025. Năm 2024, tổng nợ tăng 7.557 triệu đồng so với năm 2023, tương ứng tăng 16,32%. Đến năm 2025, nợ phải trả tiếp tục tăng mạnh thêm 17.588 triệu đồng, tương ứng tăng 32,65% so với năm 2024. Điều này phản ánh doanh nghiệp đang đẩy mạnh huy động vốn vay nhằm đầu tư mở rộng hệ thống kho bãi, phương tiện vận tải và năng lực logistics.

Chỉ tiêu nợ trên tổng tài sản cũng có xu hướng tăng dần qua các năm. Cụ thể, năm 2023 hệ số này đạt 32,43%, năm 2024 tăng lên 33,41% và năm 2025 đạt 35,85%. So với năm 2023, tỷ lệ nợ trên tổng tài sản năm 2024 tăng 0,98 điểm phần trăm, tương ứng tăng 3,02%; đến năm 2025 tiếp tục tăng thêm 2,44 điểm phần trăm, tương ứng tăng 7,30% so với năm 2024. Điều này cho thấy tỷ trọng tài sản được tài trợ bằng nợ đang gia tăng, phản ánh xu hướng sử dụng đòn bẩy tài chính để mở rộng hoạt động kinh doanh. Bên cạnh đó, chỉ tiêu nợ trên vốn chủ sở hữu cũng tăng khá rõ trong giai đoạn nghiên cứu. Năm 2023, hệ số này đạt 48,00%, đến năm 2024 tăng lên 50,18% và năm 2025 đạt 56,32%. Mức tăng lần lượt là 2,18 điểm phần trăm và 6,14 điểm phần trăm qua từng năm. Điều này cho thấy tốc độ tăng nợ phải trả đang cao hơn tốc độ tăng vốn chủ sở hữu, đồng thời phản ánh doanh nghiệp đang phụ thuộc nhiều hơn vào nguồn vốn vay trong quá trình mở rộng quy mô hoạt động.

Nhìn chung, cơ cấu nguồn vốn của Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận vẫn đang ở mức tương đối an toàn khi tỷ lệ nợ trên tổng tài sản dưới 40%. Tuy nhiên, xu hướng gia tăng nợ vay trong giai đoạn 2023–2025 cũng làm tăng áp lực thanh toán và chi phí tài chính trong tương lai. Vì vậy, công ty cần tiếp tục kiểm soát hiệu quả sử dụng vốn vay, nâng cao khả năng quản lý dòng tiền và cân đối hợp lý giữa vốn chủ sở hữu với nguồn vốn vay nhằm đảm bảo an toàn tài chính và phát triển bền vững trong dài hạn.

2.2. Phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận

2.2.1. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty

Qua bảng số liệu 2.5 có thể thấy kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận trong giai đoạn 2023–2025 có xu hướng tăng trưởng tích cực và tương đối ổn định. Các chỉ tiêu quan trọng như doanh thu, chi phí và lợi nhuận đều ghi nhận sự gia tăng qua từng năm, phản ánh sự mở rộng quy mô hoạt động và hiệu quả kinh doanh ngày càng được cải thiện của doanh nghiệp trong lĩnh vực logistics và vận tải.

Bảng 2.5: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận trong giai đoạn 2023 - 2025

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	So sánh 2024/2023	So sánh 2025/2024
				Tỷ lệ %	Tỷ lệ %
Tổng doanh thu	140,337	155,704	225,986	10.95	45.14
Tổng chi phí	130,513	143,248	210,167	9.76	46.72
Lợi nhuận trước thuế	9,824	12,456	15,819	26.80	27.00
Lợi nhuận sau thuế	1,965	2,491	3,164	26.80	27.00
ROA (%)	1,38	1,54	1,59	0,16	0,05
ROE (%)	2,04	2,32	2,49	0,28	0,17
ROS (%)	1,40	1,60	1,40	0,20	(0,20)

(Nguồn: Phòng tài chính kế toán)

a. Doanh thu

Trong giai đoạn 2023–2025, tổng doanh thu của Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận có xu hướng tăng trưởng liên tục và khá mạnh. Cụ thể, doanh thu năm 2023 đạt 140.337 triệu đồng, tăng lên 155.704 triệu đồng năm 2024, tương ứng mức tăng 10,95% so với năm trước. Đến năm 2025, doanh thu tiếp tục tăng mạnh lên 225.986 triệu đồng, tương ứng mức tăng 45,14% so với năm 2024. Sự tăng trưởng này cho thấy hoạt động kinh doanh của công ty đang được mở rộng rõ rệt, đặc biệt trong lĩnh vực vận tải và logistics trọn gói. Đồng thời, điều này cũng phản ánh khả năng khai thác tốt tệp khách hàng doanh nghiệp và mở rộng các hợp đồng dịch vụ có giá trị lớn.

b. Chi phí

Chi phí hoạt động của công ty cũng có xu hướng tăng tương ứng với doanh thu trong cùng giai đoạn. Năm 2023, tổng chi phí đạt 130.513 triệu đồng, tăng lên 143.248 triệu đồng năm 2024, tương ứng mức tăng 9,76%. Đến năm 2025, chi phí tiếp tục tăng mạnh lên 210.167 triệu đồng, tương ứng mức tăng 46,72% so với năm 2024. Mặc dù chi phí tăng khá cao trong năm 2025, tuy nhiên mức tăng này gần tương đồng với tốc độ tăng doanh thu, cho thấy công ty vẫn kiểm soát tương đối tốt hoạt động chi phí trong bối cảnh mở rộng quy mô kinh doanh. Sự gia tăng chi phí chủ yếu đến từ hoạt động vận tải, nhân sự và đầu tư mở rộng hệ thống kho bãi.

c. Lợi nhuận

Lợi nhuận của công ty trong giai đoạn 2023–2025 tăng trưởng ổn định qua các năm. Lợi nhuận trước thuế tăng từ 9.824 triệu đồng năm 2023 lên 12.456 triệu đồng năm 2024, tương ứng mức tăng 26,80%, và tiếp tục đạt 15.819 triệu đồng năm 2025, tăng thêm 27,00% so với năm 2024. Tương tự, lợi nhuận sau thuế cũng tăng từ 1.965 triệu đồng năm 2023 lên 2.491 triệu đồng năm 2024 và đạt 3.164 triệu đồng năm 2025, với tốc độ tăng trưởng tương ứng 26,80% và 27,00%. Điều này cho thấy hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp đang được cải thiện ổn định, mặc dù biên lợi nhuận vẫn còn tương đối thấp do đặc thù ngành logistics có chi phí vận hành cao. Xét tổng thể, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận giai đoạn 2023–2025 cho thấy xu hướng phát triển tích cực và ổn định. Doanh thu tăng từ 140.337 triệu đồng lên 225.986

triệu đồng, trong khi lợi nhuận sau thuế tăng từ 1.965 triệu đồng lên 3.164 triệu đồng, tương ứng mức tăng trưởng toàn giai đoạn khoảng 60,98%. Tuy nhiên, chi phí cũng tăng đáng kể, đặc biệt trong năm 2025 với mức tăng 46,72%, cho thấy áp lực lớn từ hoạt động mở rộng quy mô, vận tải và đầu tư cơ sở hạ tầng logistics.

Sự tăng trưởng kết quả kinh doanh của công ty đến từ cả nguyên nhân chủ quan và khách quan. Về phía chủ quan, doanh nghiệp đã mở rộng quy mô hoạt động, tăng cường đầu tư phương tiện vận tải, phát triển hệ thống kho bãi và nâng cao chất lượng dịch vụ logistics trọn gói.

d. Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA)

Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA) của Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận trong giai đoạn 2023–2025 có xu hướng tăng nhẹ qua các năm. Cụ thể, năm 2023 ROA đạt 1,38%, năm 2024 tăng lên 1,54%, tương ứng tăng 0,16 điểm phần trăm hay tăng 11,59% so với năm trước. Đến năm 2025, chỉ tiêu này tiếp tục tăng lên 1,59%, tăng thêm 0,05 điểm phần trăm, tương ứng tăng 3,25% so với năm 2024. Sự gia tăng của ROA cho thấy doanh nghiệp đang sử dụng tài sản ngày càng hiệu quả hơn để tạo ra lợi nhuận. Mặc dù mức ROA chưa cao do đặc thù ngành logistics cần đầu tư lớn vào kho bãi, phương tiện vận tải và cơ sở hạ tầng, nhưng xu hướng tăng liên tục phản ánh khả năng khai thác tài sản của công ty đang được cải thiện tích cực.

e. Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE)

ROE của công ty cũng có xu hướng tăng ổn định trong giai đoạn nghiên cứu. Năm 2023, ROE đạt 2,04%, đến năm 2024 tăng lên 2,32%, tương ứng tăng 0,28 điểm phần trăm hay tăng 13,73%. Năm 2025, ROE tiếp tục đạt 2,49%, tăng 0,17 điểm phần trăm, tương ứng tăng 7,33% so với năm 2024. Chỉ tiêu ROE tăng cho thấy hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp đang được cải thiện. Điều này phản ánh công ty không chỉ mở rộng quy mô hoạt động mà còn nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng tạo lợi nhuận từ nguồn vốn của chủ sở hữu. Tuy nhiên, mức ROE vẫn còn tương đối thấp do

biên lợi nhuận của ngành logistics thường không cao và doanh nghiệp đang trong giai đoạn đầu tư mở rộng mạnh.

f. Tỷ suất sinh lời trên doanh thu (ROS)

Tỷ suất sinh lời trên doanh thu (ROS) của công ty có sự biến động trong giai đoạn 2023–2025. Năm 2023, ROS đạt 1,40%, đến năm 2024 tăng lên 1,60%, tương ứng tăng 0,20 điểm phần trăm hay tăng 14,29%. Tuy nhiên, năm 2025 chỉ tiêu này giảm xuống còn 1,40%, giảm 0,20 điểm phần trăm, tương ứng giảm 12,50% so với năm 2024. Sự sụt giảm của ROS trong năm 2025 cho thấy mặc dù doanh thu tăng trưởng mạnh nhưng chi phí hoạt động cũng tăng nhanh, đặc biệt là chi phí vận tải, nhân sự và đầu tư cơ sở hạ tầng logistics. Điều này làm cho tốc độ tăng lợi nhuận chưa theo kịp tốc độ tăng doanh thu. Tuy nhiên, mức ROS của công ty vẫn phản ánh doanh nghiệp duy trì được khả năng sinh lời tương đối ổn định trong bối cảnh cạnh tranh cao và chi phí vận hành lớn của ngành logistics.

Nhìn chung, các chỉ tiêu sinh lời của Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận trong giai đoạn 2023–2025 đều duy trì ở mức ổn định và có xu hướng cải thiện. ROA và ROE tăng qua các năm cho thấy doanh nghiệp đang nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản và vốn chủ sở hữu. Trong khi đó, ROS có biến động nhẹ do áp lực chi phí gia tăng trong quá trình mở rộng hoạt động kinh doanh. Kết quả này phản ánh công ty đang phát triển theo hướng mở rộng quy mô đi kèm với cải thiện hiệu quả quản lý tài chính và hoạt động logistics. Tuy nhiên, doanh nghiệp vẫn cần chú trọng kiểm soát chi phí vận hành, tối ưu hóa cơ cấu vốn và nâng cao năng suất khai thác tài sản nhằm cải thiện hơn nữa khả năng sinh lời trong những năm tiếp theo.

2.2.2. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận trong giai đoạn 2023–2025 chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm khách hàng, thị trường, đối thủ cạnh tranh và nhà cung cấp. Các yếu tố này có tác động trực tiếp đến doanh thu, chi

phí, hiệu quả vận hành cũng như khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trong lĩnh vực logistics và vận tải.

a. Khách hàng

Khách hàng là yếu tố ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận. Hiện nay, công ty chủ yếu phục vụ các doanh nghiệp sản xuất và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài như Samsung, LG, Panasonic, Daikin, TCL và Casper. Đây là nhóm khách hàng có nhu cầu vận chuyển hàng hóa thường xuyên với khối lượng lớn, yêu cầu cao về thời gian giao hàng, độ chính xác và chất lượng dịch vụ logistics.

Việc trở thành đối tác vận chuyển của nhiều tập đoàn lớn đã giúp công ty duy trì nguồn doanh thu ổn định và mở rộng quy mô hoạt động trong những năm gần đây. Điều này thể hiện rõ qua doanh thu của doanh nghiệp tăng liên tục từ 140.337 triệu đồng năm 2023 lên 225.986 triệu đồng năm 2025. Đồng thời, việc hợp tác với các khách hàng lớn cũng góp phần nâng cao uy tín thương hiệu và khả năng cạnh tranh của công ty trên thị trường logistics. Tuy nhiên, nhóm khách hàng doanh nghiệp lớn thường có yêu cầu rất khắt khe về chất lượng dịch vụ và thời gian giao nhận hàng hóa. Chỉ cần xảy ra sai sót trong quá trình vận chuyển hoặc xuất nhập kho cũng có thể ảnh hưởng trực tiếp đến uy tín và khả năng duy trì hợp đồng của công ty. Ngoài ra, công ty hiện vẫn phụ thuộc khá nhiều vào nhóm khách hàng doanh nghiệp FDI, do đó nếu thị trường sản xuất điện tử hoặc hoạt động xuất khẩu gặp khó khăn thì hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp cũng sẽ bị ảnh hưởng đáng kể. Bên cạnh đó, xu hướng khách hàng hiện nay ngày càng ưu tiên các doanh nghiệp logistics có khả năng ứng dụng công nghệ, cung cấp dịch vụ nhanh và minh bạch thông tin vận chuyển. Điều này buộc công ty phải liên tục cải thiện chất lượng dịch vụ, đầu tư phần mềm quản lý kho và nâng cao hiệu quả chăm sóc khách hàng.

b. Thị trường

Thị trường logistics Việt Nam trong giai đoạn 2023–2025 tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng khá cao nhờ sự phát triển mạnh của hoạt động sản xuất công nghiệp, thương

mại điện tử và xuất nhập khẩu hàng hóa. Đây là điều kiện thuận lợi giúp Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận mở rộng hoạt động kinh doanh và gia tăng sản lượng vận chuyển.

Đà Nẵng và khu vực miền Trung là khu vực có vị trí giao thông thuận lợi với hệ thống cảng biển, sân bay và các tuyến quốc lộ kết nối liên vùng. Việc công ty đặt hệ thống kho bãi tại Khu công nghiệp Hòa Cầm giúp doanh nghiệp thuận lợi trong việc tiếp nhận, lưu trữ và vận chuyển hàng hóa đến các khu công nghiệp và cảng biển lớn. Ngoài ra, xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng và sự gia tăng đầu tư của các doanh nghiệp FDI vào Việt Nam cũng tạo thêm nhu cầu lớn về vận tải và dịch vụ logistics. Đây là cơ hội giúp công ty mở rộng thị phần và phát triển thêm các dịch vụ logistics trọn gói.

Tuy nhiên, thị trường logistics hiện nay cũng có nhiều biến động, đặc biệt là sự gia tăng của giá nhiên liệu, chi phí nhân công và chi phí thuê kho bãi. Điều này làm cho tổng chi phí hoạt động của công ty tăng nhanh qua các năm, từ 130.513 triệu đồng năm 2023 lên 210.167 triệu đồng năm 2025. Ngoài ra, nhu cầu khách hàng thay đổi nhanh và yêu cầu ngày càng cao về tốc độ giao hàng cũng tạo áp lực lớn đối với hoạt động vận hành của doanh nghiệp.

c. Đối thủ cạnh tranh

Ngành logistics và vận tải hiện nay có mức độ cạnh tranh rất cao với sự tham gia của nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước. Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận phải cạnh tranh với các doanh nghiệp lớn có tiềm lực mạnh về tài chính, công nghệ và hệ thống logistics hiện đại.

Các doanh nghiệp cạnh tranh không chỉ cạnh tranh về giá dịch vụ mà còn cạnh tranh về chất lượng vận chuyển, thời gian giao hàng, khả năng ứng dụng công nghệ và chất lượng chăm sóc khách hàng. Điều này tạo áp lực lớn cho công ty trong việc duy trì khách hàng hiện tại và mở rộng thị phần. Ngoài ra, việc tập trung vào nhóm khách hàng doanh nghiệp và cung cấp dịch vụ logistics chuyên sâu đã giúp công ty tạo được sự khác biệt so với nhiều doanh nghiệp vận tải nhỏ trên thị trường. Mặc dù vậy, mức độ tự động hóa trong kho bãi và hoạt động quản lý logistics của công ty hiện vẫn chưa cao, nhiều

khâu còn phụ thuộc vào lao động thủ công. Đây là hạn chế khiến doanh nghiệp gặp áp lực cạnh tranh trước các công ty logistics lớn đang đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và tự động hóa trong vận hành.

d. Nhà cung cấp

Nhà cung cấp là yếu tố có ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí vận hành và chất lượng dịch vụ của Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận. Các nhà cung cấp chính của công ty bao gồm đơn vị cung cấp nhiên liệu, phương tiện vận tải, thiết bị kho bãi, phần mềm quản lý kho và các đối tác vận tải liên kết.

Trong đó, giá nhiên liệu có tác động lớn đến chi phí hoạt động vận tải của doanh nghiệp. Việc giá xăng dầu biến động liên tục trong giai đoạn 2023–2025 đã làm chi phí vận chuyển tăng đáng kể, ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của công ty. Công ty hiện hợp tác với hơn 100 đối tác vận tải trên toàn quốc nhằm mở rộng năng lực vận chuyển và đáp ứng nhu cầu khách hàng trong thời gian cao điểm. Việc có mạng lưới đối tác rộng giúp doanh nghiệp linh hoạt hơn trong điều phối phương tiện và mở rộng phạm vi phục vụ mà không cần đầu tư quá lớn vào đội xe. Bên cạnh đó, công ty hiện vẫn sử dụng mức độ tự động hóa chưa cao trong quản lý kho và vận hành logistics, do đó vẫn phụ thuộc nhiều vào nhà cung cấp thiết bị và phần mềm hỗ trợ quản lý. Điều này đòi hỏi doanh nghiệp cần tiếp tục đầu tư công nghệ và xây dựng mối quan hệ hợp tác ổn định với các nhà cung cấp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động trong thời gian tới.

2.2.3. Thực trạng quản lý kho hàng của Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận

Hoạt động quản lý kho hàng tại Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận giữ vai trò quan trọng trong chuỗi hoạt động logistics của doanh nghiệp. Với đặc thù kinh doanh vận tải và dịch vụ logistics trọn gói, công ty luôn chú trọng tổ chức hệ thống kho bãi hợp lý nhằm đảm bảo quá trình lưu trữ, bảo quản và luân chuyển hàng hóa diễn ra nhanh chóng, chính xác và an toàn. Trong giai đoạn 2023–2025, công ty đã từng bước đầu tư mở rộng hệ thống kho, nâng cấp trang thiết bị và ứng dụng công nghệ quản lý nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kho vận.

a. Hệ thống kho bãi và diện tích kho

Hiện nay, hệ thống kho hàng của Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận chủ yếu được bố trí tại Khu công nghiệp Hòa Cầm – thành phố Đà Nẵng cùng một số kho vệ tinh tại khu vực miền Trung nhằm phục vụ hoạt động trung chuyển và phân phối hàng hóa. Tổng diện tích kho của công ty dao động từ 5.000 – 10.000 m², bao gồm:

Các kho được bố trí gần quốc lộ 1A, cảng Tiên Sa và sân bay Đà Nẵng, giúp thuận lợi trong việc kết nối vận tải đường bộ, đường biển và đường hàng không. Bên trong kho được phân chia thành nhiều khu vực chức năng như:

Bảng 2.6: Thực trạng hệ thống kho bãi của Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận năm 2025

Tiêu chí	Nội dung thực trạng
Vị trí kho	KCN Hòa Cầm – Đà Nẵng và các kho vệ tinh miền Trung
Tổng diện tích kho	Khoảng 5.000 – 10.000 m ²
Loại hình kho	Kho thường, kho lạnh, kho trung chuyển, bãi container
Khu vực chức năng	Tiếp nhận hàng, kiểm tra hàng, lưu kho, soạn hàng, xuất kho
Hệ thống lưu trữ	Giá kệ pallet nhiều tầng, phân khu theo khách hàng
Thiết bị hỗ trợ	Xe nâng, xe kéo, xe đẩy pallet, thiết bị bảo ôn
Hệ thống an ninh	Camera giám sát 24/7, cổng kiểm soát, bảo vệ
Mức độ ứng dụng công nghệ	Quản lý bằng phần mềm WMS và mã vạch

(Nguồn: Bộ phận Logistics)

Bên cạnh đó, việc sở hữu nhiều loại hình kho như kho thường, kho lạnh và kho trung chuyển giúp doanh nghiệp nâng cao khả năng phục vụ đa dạng nhóm hàng hóa khác nhau. Hệ thống giá kệ, xe nâng và phần mềm quản lý kho WMS góp phần nâng cao hiệu quả quản lý hàng hóa và giảm sai sót trong hoạt động xuất nhập kho. Tuy nhiên, mức độ tự động hóa hiện nay vẫn chưa cao, nhiều hoạt động còn phụ thuộc vào lao động thủ công nên hiệu quả vận hành chưa thực sự tối ưu trong các giai đoạn cao điểm.



Hình 2.3: Hình ảnh tại kho hàng

Cách bố trí này giúp quá trình luân chuyển hàng hóa trong kho được thực hiện khoa học, hạn chế ứ đọng và giảm thời gian xử lý đơn hàng. Ngoài ra, công ty còn sử dụng hệ thống giá kệ pallet nhiều tầng nhằm tối ưu hóa diện tích lưu trữ và nâng cao hiệu quả khai thác không gian kho. Đối với kho lạnh, doanh nghiệp trang bị hệ thống kiểm soát

nhật độ và cảm biến nhiệt nhằm đảm bảo điều kiện bảo quản đối với các mặt hàng yêu cầu nhiệt độ ổn định.

b. Nhân sự quản lý kho

Bộ phận Kho bãi và Kho lạnh là đơn vị trực tiếp quản lý hoạt động kho hàng của công ty. Theo số liệu năm 2025, bộ phận này có khoảng 56 nhân sự, chiếm gần 21,9% tổng số lao động toàn doanh nghiệp. Đội ngũ nhân sự kho bao gồm:

Bảng 2.7: Tình hình nhân sự bộ phận kho bãi và logistics của Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận năm 2025

Chỉ tiêu	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Tổng nhân sự bộ phận kho bãi & kho lạnh	56	100
Nhân viên thủ kho	12	21,4
Nhân viên kiểm kê	8	14,3
Nhân viên điều phối kho	10	17,9
Nhân viên bốc xếp	15	26,8
Nhân viên vận hành xe nâng	6	10,7
Nhân viên kho lạnh	5	8,9

(Nguồn: Phòng Hành chính – Nhân sự)

Qua bảng số liệu có thể thấy lực lượng lao động tại bộ phận kho bãi và logistics của công ty được phân bổ tương đối hợp lý theo từng vị trí công việc. Nhân viên bốc xếp chiếm tỷ trọng cao nhất với 26,8% do hoạt động kho vẫn sử dụng nhiều lao động thủ công trong quá trình sắp xếp và luân chuyển hàng hóa. Bên cạnh đó, đội ngũ thủ kho và điều phối kho cũng chiếm tỷ trọng khá lớn nhằm đảm bảo hoạt động xuất nhập hàng diễn ra liên tục và chính xác. Số lượng nhân viên vận hành xe nâng và kho lạnh tuy không lớn nhưng đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ vận chuyển và bảo quản hàng hóa chuyên dụng. Nhìn chung, cơ cấu nhân sự hiện tại đáp ứng tương đối tốt nhu cầu vận hành kho của doanh nghiệp. Tuy nhiên, do mức độ tự động hóa chưa cao nên áp lực công

việc đối với lao động kho vẫn còn lớn, đặc biệt trong các thời điểm cao điểm vận chuyển hàng hóa.



Hình 2.4: Nhân viên bốc dỡ hàng tại kho

Nhân viên kho được phân công theo từng khu vực và chức năng cụ thể nhằm đảm bảo hoạt động nhập – xuất – lưu kho diễn ra liên tục và hiệu quả. Công ty cũng thường xuyên tổ chức đào tạo nội bộ về quy trình quản lý kho, an toàn lao động, vận hành thiết bị nâng hạ và kỹ năng sử dụng phần mềm quản lý kho nhằm nâng cao trình độ chuyên môn cho người lao động. Tuy nhiên, do mức độ tự động hóa chưa cao nên hoạt động kho hiện vẫn phụ thuộc khá nhiều vào lao động thủ công, đặc biệt trong các khâu kiểm đếm,

phân loại và bốc xếp hàng hóa. Điều này khiến áp lực công việc tăng cao vào các thời điểm cao điểm vận chuyển.

c. Phần mềm quản lý kho

Trong những năm gần đây, Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận đã từng bước ứng dụng công nghệ vào quản lý kho thông qua hệ thống phần mềm quản lý kho WMS (Warehouse Management System). Phần mềm này hỗ trợ doanh nghiệp trong các hoạt động:

- Theo dõi nhập – xuất – tồn kho
- Quản lý vị trí lưu trữ hàng hóa
- Quản lý mã SKU hàng hóa
- Kiểm soát lịch sử xuất nhập
- Hỗ trợ kiểm kê kho
- Theo dõi tình trạng tồn kho theo từng khách hàng

Công ty còn sử dụng máy quét mã vạch để hỗ trợ nhận diện hàng hóa và cập nhật dữ liệu kho nhanh hơn. Việc ứng dụng phần mềm WMS giúp giảm sai sót trong quản lý, nâng cao độ chính xác của dữ liệu tồn kho và hỗ trợ doanh nghiệp kiểm soát hàng hóa hiệu quả hơn. Tuy nhiên, hệ thống công nghệ hiện tại vẫn chủ yếu hỗ trợ ở mức cơ bản, chưa tích hợp tự động hóa toàn diện. Một số hoạt động như kiểm kê thực tế, xác nhận hàng hóa hoặc theo dõi nhiệt độ kho lạnh vẫn còn thực hiện bán thủ công.

d. Thực trạng hàng tồn kho

Do đặc thù hoạt động logistics và kho vận, hàng tồn kho tại Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận chủ yếu là hàng hóa ký gửi và lưu kho của khách hàng doanh nghiệp. Các nhóm hàng hóa chính bao gồm:

- Hàng điện tử
- Linh kiện điện tử
- Hàng tiêu dùng
- Thiết bị gia dụng

- Nguyên vật liệu sản xuất
- Nông sản và thực phẩm bảo quản lạnh



Hình 2.5: Các loại hàng hoá có trong kho hàng

Giá trị hàng tồn kho dịch vụ của công ty có xu hướng tăng qua các năm. Cụ thể, năm 2023 hàng tồn kho đạt 17.170 triệu đồng, năm 2024 tăng lên 19.331 triệu đồng và năm 2025 đạt 22.790 triệu đồng. So với năm 2023, hàng tồn kho năm 2024 tăng 2.161 triệu đồng, tương ứng tăng 12,59%. Đến năm 2025, hàng tồn kho tiếp tục tăng thêm 3.459 triệu đồng so với năm 2024, tương ứng tăng 17,89%.

Bảng 2.8: Tình hình hàng tồn kho theo nhóm hàng của Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận giai đoạn 2023–2025

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	So sánh 2024/2023	So sánh 2025/2024

Nhóm hàng tồn kho	Số lượng	Tỷ trọng (%)	Số lượng	Tỷ trọng (%)	Số lượng	Tỷ trọng (%)	Chênh lệch	Chênh lệch
Hàng điện tử	4,120	24,00	4,685	24,24	5,630	24,70	565	945
Linh kiện điện tử	3,265	19,02	3,740	19,35	4,420	19,39	475	680
Hàng tiêu dùng	2,950	17,18	3,245	16,79	3,865	16,96	295	620
Thiết bị gia dụng	2,115	12,32	2,386	12,34	2,790	12,24	271	404
Nguyên vật liệu sản xuất	2,870	16,72	3,180	16,45	3,740	16,41	310	560
Nông sản và thực phẩm bảo quản lạnh	1,850	10,76	2,095	10,83	2,345	10,30	245	250
Tổng cộng	17,170	100	19,331	100	22,790	100	2,161	3,459

(Nguồn: Bộ phận Logistics)

Qua bảng số liệu trên có thể thấy giá trị hàng tồn kho của Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận tăng liên tục trong giai đoạn 2023–2025. Tổng giá trị hàng tồn kho tăng từ 17.170 triệu đồng năm 2023 lên 19.331 triệu đồng năm 2024 và đạt 22.790 triệu đồng vào năm 2025. So với năm 2023, hàng tồn kho năm 2024 tăng 2.161 triệu đồng. Đến năm 2025, giá trị tồn kho tiếp tục tăng thêm 3.459 triệu đồng so với năm 2024. Điều này phản ánh quy mô hoạt động logistics và nhu cầu lưu trữ hàng hóa của khách hàng ngày càng mở rộng.

Trong cơ cấu hàng tồn kho, nhóm hàng điện tử luôn chiếm tỷ trọng cao nhất, dao động từ 24%–24,7% tổng giá trị tồn kho. Năm 2023, hàng điện tử đạt 4.120 triệu đồng, tăng lên 4.685 triệu đồng năm 2024 và đạt 5.630 triệu đồng năm 2025. So với năm 2023, giá trị tồn kho hàng điện tử năm 2024 tăng 565 triệu đồng; đến năm 2025 tiếp tục tăng thêm 945 triệu đồng so với năm trước. Điều này cho thấy công ty đang tập trung phục vụ mạnh nhóm khách hàng doanh nghiệp điện tử và FDI như Samsung, LG và Panasonic.

Nhóm linh kiện điện tử cũng chiếm tỷ trọng khá lớn, duy trì khoảng 19% tổng tồn kho. Giá trị tồn kho tăng từ 3.265 triệu đồng năm 2023 lên 4.420 triệu đồng năm 2025. So với năm 2023, năm 2024 tăng 475 triệu đồng; năm 2025 tiếp tục tăng 680 triệu đồng. Đây là nhóm hàng có nhu cầu lưu trữ cao do đặc điểm sản xuất theo chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp điện tử.

Đối với nhóm hàng tiêu dùng, giá trị tồn kho tăng từ 2.950 triệu đồng năm 2023 lên 3.865 triệu đồng năm 2025. Mức tăng năm 2024 so với năm 2023 là 295 triệu đồng và năm 2025 tăng thêm 620 triệu đồng so với năm trước. Điều này phản ánh nhu cầu lưu kho và phân phối hàng tiêu dùng ngày càng lớn, đặc biệt trong hoạt động logistics nội địa và phân phối khu vực miền Trung.

Nhóm thiết bị gia dụng có quy mô tồn kho thấp hơn nhưng vẫn tăng ổn định qua các năm. Năm 2023 đạt 2.115 triệu đồng, năm 2024 đạt 2.386 triệu đồng và năm 2025 đạt 2.790 triệu đồng. So với năm 2023, tồn kho năm 2024 tăng 271 triệu đồng; năm 2025 tiếp tục tăng 404 triệu đồng. Điều này cho thấy công ty đang mở rộng hoạt động lưu trữ và vận chuyển đối với nhóm hàng gia dụng phục vụ thị trường tiêu dùng trong nước.

Đối với nhóm nguyên vật liệu sản xuất, giá trị tồn kho tăng từ 2.870 triệu đồng năm 2023 lên 3.740 triệu đồng năm 2025. So với năm 2023, năm 2024 tăng 310 triệu đồng và năm 2025 tiếp tục tăng 560 triệu đồng. Nhóm hàng này chủ yếu phục vụ các doanh nghiệp sản xuất tại khu công nghiệp và có xu hướng tăng do nhu cầu sản xuất công nghiệp ngày càng lớn.

Nhóm nông sản và thực phẩm bảo quản lạnh có tỷ trọng thấp nhất trong tổng cơ cấu tồn kho, dao động khoảng 10%–11%. Giá trị tồn kho tăng từ 1.850 triệu đồng năm 2023 lên 2.345 triệu đồng năm 2025. So với năm 2023, năm 2024 tăng 245 triệu đồng; năm 2025 tăng thêm 250 triệu đồng. Điều này cho thấy nhu cầu sử dụng kho lạnh của khách hàng đang tăng nhưng quy mô vẫn còn nhỏ so với các nhóm hàng công nghiệp và điện tử.

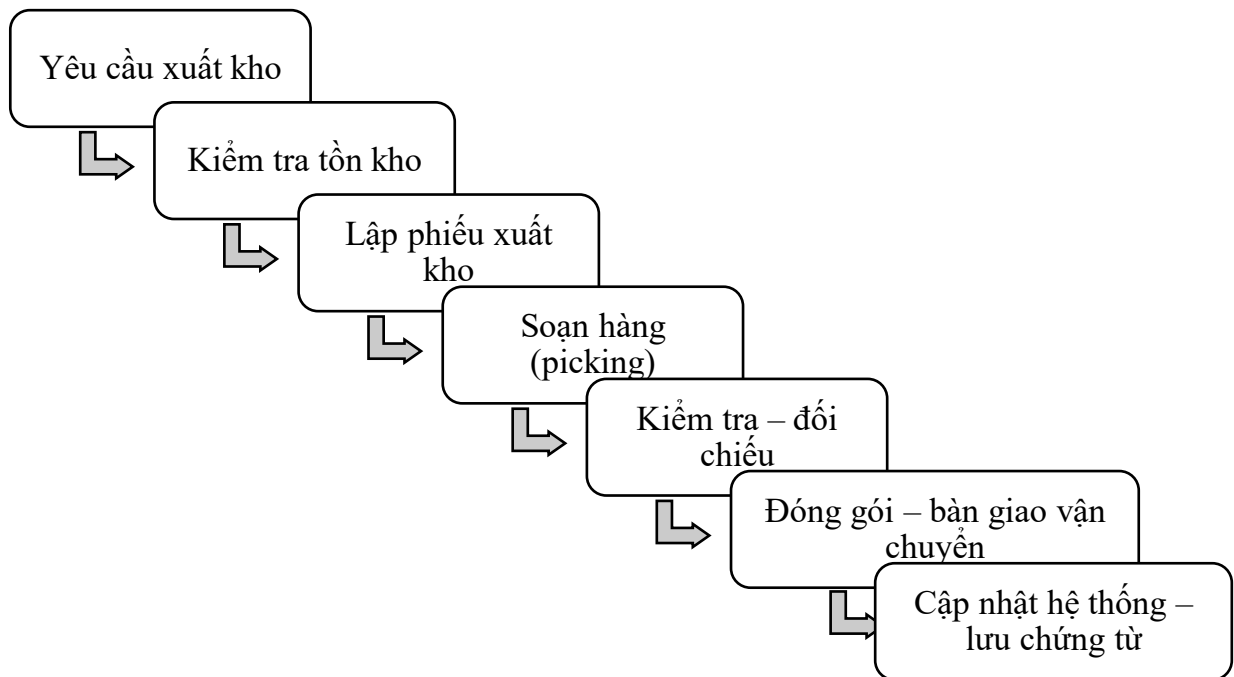
Nhìn chung, cơ cấu hàng tồn kho của Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận tương đối đa dạng và phù hợp với đặc điểm hoạt động logistics của doanh nghiệp. Sự gia tăng giá trị tồn kho phản ánh hoạt động kinh doanh và dịch vụ kho bãi của công ty đang phát triển tích cực. Tuy nhiên, lượng hàng tồn kho tăng nhanh cũng làm gia tăng áp lực quản lý kho, chi phí lưu trữ và nguy cơ tồn đọng hàng hóa. Điều này đòi hỏi doanh nghiệp cần tiếp tục nâng cao hiệu quả quản lý tồn kho, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và tối ưu hóa quy trình xuất nhập kho trong thời gian tới.

2.3. Thực trạng quy trình xuất nhập kho hàng hóa tại Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận

2.3.1. Quy trình xuất kho tại công ty

Quy trình xuất kho tại Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận được tổ chức theo hướng liên kết chặt chẽ giữa các bộ phận kho vận, kinh doanh, chứng từ – hải quan và vận tải, nhằm đảm bảo hàng hóa được xuất đúng chủng loại, đúng số lượng, đúng thời gian và đúng địa điểm theo yêu cầu của khách hàng. Toàn bộ quy trình được thực hiện theo chuỗi công việc liên hoàn, trong đó mỗi bước đều có chứng từ và bộ phận chịu trách nhiệm kiểm soát nhằm đảm bảo tính minh bạch và hạn chế sai sót trong quá trình vận hành.

2.3.1.1. Sơ đồ quy trình xuất kho hàng hóa tại công ty



Hình 2.6: Quy trình xuất kho tại Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận

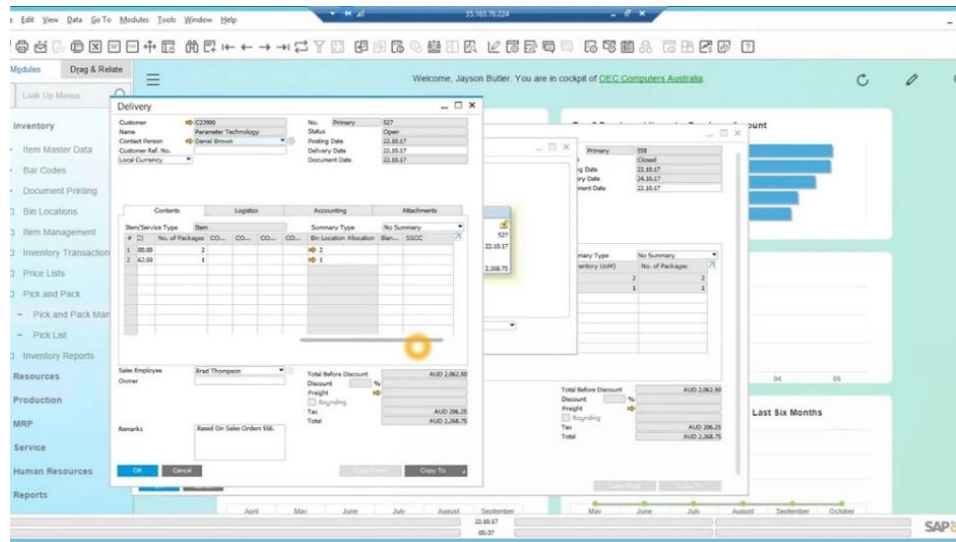
(Nguồn: Bộ phận kho vận và logistics)

2.3.1.2. Phân tích chi tiết các bước của quy trình xuất kho

Quy trình xuất kho tại Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận được tổ chức theo hướng liên kết giữa các bộ phận nhằm đảm bảo hàng hóa được xuất kho chính xác, đúng tiến độ và đúng yêu cầu khách hàng.

Bước 1: Tiếp nhận yêu cầu xuất kho

Quy trình xuất kho bắt đầu từ việc bộ phận kho tiếp nhận yêu cầu xuất hàng từ các phòng ban có liên quan, chủ yếu là phòng kinh doanh, bộ phận điều phối vận tải hoặc bộ phận chăm sóc khách hàng. Yêu cầu xuất kho thường phát sinh từ hợp đồng dịch vụ logistics, đơn đặt hàng của khách hàng hoặc kế hoạch điều phối hàng hóa nội bộ của công ty.



Hình 2.8: Giao diện kiểm tra tồn kho trên hệ thống quản lý kho (WMS)

Kết quả kiểm tra giúp xác định khả năng đáp ứng đơn hàng theo ba trường hợp: đáp ứng đầy đủ, đáp ứng một phần hoặc không đủ khả năng cung ứng. Trong trường hợp đáp ứng đầy đủ, quy trình được chuyển sang bước lập phiếu xuất kho. Nếu không đủ hàng hoặc thiếu đồng bộ về mã hàng, bộ phận kho sẽ phối hợp trực tiếp với phòng kinh doanh và bộ phận điều phối vận tải để điều chỉnh phương án giao hàng, có thể bao gồm việc chia nhỏ đơn hàng, điều chỉnh thời gian giao hoặc đề xuất phương án luân chuyển hàng từ các kho khác trong hệ thống. Bước này có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo tính khả thi của đơn hàng và hạn chế tối đa rủi ro gián đoạn trong chuỗi cung ứng.

Bước 3: Lập phiếu xuất kho

Sau khi xác nhận khả năng đáp ứng đơn hàng, bộ phận kho phối hợp với bộ phận kế toán tiến hành lập phiếu xuất kho. Phiếu xuất kho là chứng từ mang tính pháp lý và kế toán quan trọng, được sử dụng để ghi nhận việc xuất hàng ra khỏi kho và đồng thời phản ánh sự biến động của hàng tồn kho trên hệ thống quản lý.

Đơn vị: Mẫu số: 02 - VT
 Bộ phận: (Kèm theo Thông tư số 02/2025/TT-BTC
 ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO
 Ngày... tháng... năm

Số:
 Ng:
 Có:

- Họ và tên người nhận hàng: Địa chỉ (bộ phận)

- Lý do xuất kho:

- Xuất tại kho (ngân lỗ): Địa điểm

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
Cộng			x	x	x	x	x

- Tổng số tiền (viết bằng chữ):

- Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày... tháng... năm...

Người lập phiếu (Ký, họ tên) Người nhận hàng (Ký, họ tên) Thủ kho (Ký, họ tên) Kế toán trưởng (Hoặc bộ phận có nhu cầu nhập) (Ký, họ tên) Giám đốc (Ký, họ tên)

Ghi chú: Tùy theo đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của đơn vị mình, doanh nghiệp được xây dựng, thiết kế biểu mẫu chứng từ kế toán.

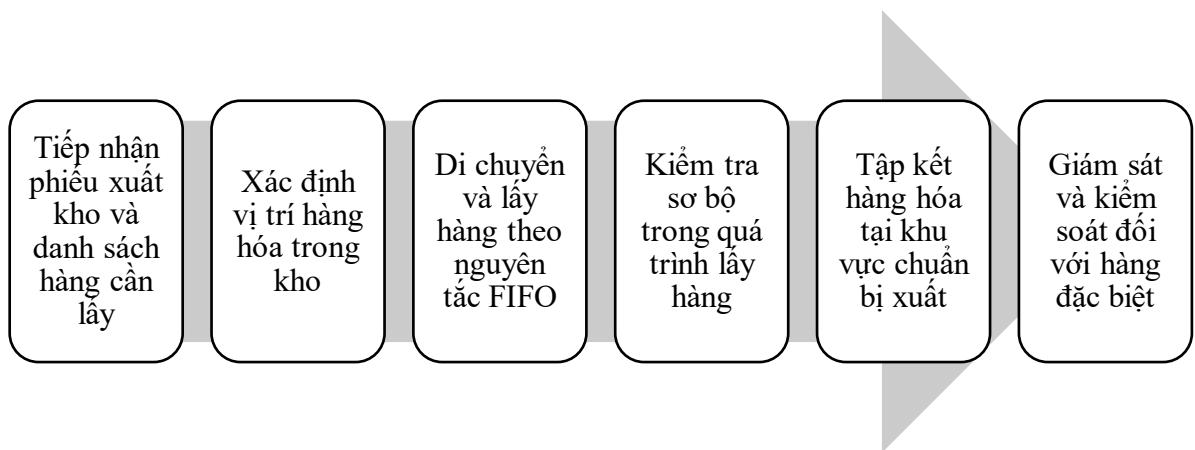
Hình 2.9: Mẫu phiếu xuất kho hàng hóa của Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận

Phiếu xuất kho bao gồm đầy đủ các nội dung như mã phiếu, ngày lập phiếu, thông tin khách hàng hoặc đơn vị nhận hàng, danh mục hàng hóa, mã hàng, số lượng xuất, đơn vị tính, lý do xuất kho, kho xuất hàng, người lập phiếu, người kiểm tra và người phê duyệt. Phiếu xuất kho chỉ có hiệu lực khi có đầy đủ chữ ký xác nhận của các bộ phận liên quan, đảm bảo tính kiểm soát đa tầng trong toàn bộ quy trình.

Việc lập và kiểm soát phiếu xuất kho không chỉ phục vụ hoạt động quản lý kho mà còn là cơ sở để hạch toán chi phí logistics, theo dõi hiệu quả hoạt động vận hành và phục vụ công tác kiểm toán nội bộ của doanh nghiệp.

Bước 4: Soạn hàng (Picking)

Trên cơ sở phiếu xuất kho đã được phê duyệt, nhân viên kho tiến hành thực hiện công tác soạn hàng theo đúng danh mục hàng hóa đã được xác định. Quá trình soạn hàng được tổ chức theo sơ đồ bố trí kho nhằm tối ưu hóa quãng đường di chuyển trong kho, giảm thời gian thao tác và nâng cao hiệu suất lao động.



Hình 2.10: Quy trình soạn hàng (Picking) tại kho hàng Nhất Phong Vận

Công ty áp dụng nguyên tắc nhập trước – xuất trước (FIFO) đối với các nhóm hàng hóa có tính chất luân chuyển thường xuyên hoặc có hạn sử dụng nhằm đảm bảo chất lượng hàng hóa khi đến tay khách hàng. Đối với các loại hàng hóa có giá trị cao, yêu cầu bảo quản đặc biệt hoặc dễ hư hỏng, quá trình soạn hàng được kiểm soát nghiêm ngặt hơn thông qua sự giám sát của tổ trưởng kho hoặc nhân sự quản lý kho.

Trong quá trình thực hiện, nhân viên kho sử dụng kết hợp nhiều công cụ hỗ trợ như xe nâng, xe đẩy, hệ thống giá kệ, mã định danh hàng hóa và phần mềm quản lý kho. Sự kết hợp giữa thao tác thủ công và công nghệ hỗ trợ giúp nâng cao độ chính xác, giảm thiểu sai sót trong quá trình lấy hàng và đảm bảo tiến độ xử lý đơn hàng theo kế hoạch.

Bước 5: Kiểm tra và đối chiếu hàng hóa

Sau khi hoàn tất công tác soạn hàng, bộ phận kho tiến hành kiểm tra lại toàn bộ lô hàng trước khi đưa ra khỏi khu vực lưu trữ. Nội dung kiểm tra bao gồm đối chiếu số lượng thực tế với phiếu xuất kho, kiểm tra mã hàng, tình trạng bao bì, nhãn mác, chất lượng hàng hóa và tính nguyên vẹn của từng kiện hàng.

Đơn vị:
 Bộ phận:

Mẫu số 05 - VT
 (Ban hành theo Thông tư số
 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016
 của Bộ Tài chính)

BIÊN BẢN KIỂM KÊ VẬT TƯ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

- Thời điểm kiểm kêgiờ... ngày... tháng... năm.....

- Ban kiểm kê gồm:

Ông/ Bà:..... Chức vụ..... Đại diện:..... Trưởng ban

Ông/ Bà:..... Chức vụ..... Đại diện:..... Ủy viên

Ông/ Bà:..... Chức vụ..... Đại diện:..... Ủy viên

- Đã kiểm kê kho có những mặt hàng dưới đây:

ST T	Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư, dụng cụ,...	Mã số	Đơn vị tính	Đơn giá	Theo sổ kế toán		Theo kiểm kê		Chênh lệch				Chất lượng		
					Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Thừa		Thiếu		Còn tốt 100%	Kém phá m chất	Mất phẩm chất
									Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền			
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Cộng	X	x	x	x		x		x		x		x	x	x

Ngày ... tháng ... năm ...

Hình 2.11: Biên bản kiểm tra và đối chiếu hàng hóa trước khi xuất kho

Đây là bước kiểm soát cuối cùng trong nội bộ kho trước khi hàng hóa được bàn giao cho bộ phận vận tải. Việc kiểm tra được thực hiện nhằm đảm bảo không xảy ra sai sót như thiếu hàng, thừa hàng, nhầm mã hàng hoặc hàng hóa không đạt yêu cầu chất lượng. Trong trường hợp phát hiện sai lệch, bộ phận kho sẽ tiến hành điều chỉnh ngay tại chỗ và cập nhật lại thông tin trên hệ thống trước khi chuyển sang bước tiếp theo.

Bước 6: Đóng gói và bàn giao vận chuyển

Sau khi hàng hóa được kiểm tra đạt yêu cầu, công đoạn đóng gói được thực hiện theo từng nhóm hàng hóa với tiêu chuẩn khác nhau tùy thuộc vào đặc tính của sản phẩm. Đối với hàng dễ vỡ hoặc hàng có giá trị cao, công ty sử dụng vật liệu chống sốc, thùng carton nhiều lớp hoặc bao bì chuyên dụng nhằm đảm bảo an toàn trong quá trình vận chuyển. Đối với hàng cồng kềnh, hàng hóa được cố định bằng pallet, màng co hoặc dây đai nhằm hạn chế hư hỏng trong quá trình bốc xếp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN GIAO NHẬN & NGHIỆM THU VẬT TƯ

Căn cứ theo Hợp đồng số: giữa Công ty và, đã ký ngày ... tháng ... năm 20...

Hôm nay, ngày... tháng ... năm 20..., tại....., chúng tôi gồm:

I/ BÊN NHẬN:
(Sau đây gọi là bên A)

Địa chỉ:
Đại diện: Chức vụ:
(Ông/Bà): Chức vụ:
(Ông/Bà): Chức vụ:
(Ông/Bà): Chức vụ:

II/ BÊN GIAO:
(Sau đây gọi là bên B)

Địa chỉ:
Điện thoại: Fax:
Đại diện: Chức vụ:
(Ông/Bà): Chức vụ:
(Ông/Bà): Chức vụ:

Hai bên nhất trí cùng tiến hành giao nhận, nghiệm thu hàng hóa với nội dung như sau:

III/ DANH MỤC HÀNG HÓA GIAO NHẬN GỒM:

TT	Tên hàng hóa	ĐVT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Hạn sử dụng	Số lượng
1.						
2.						
3.						

IV/ KẾT LUẬN:

– Toàn bộ nói trên mới 100%, sản xuất năm, còn nguyên đai nguyên kiện, đúng chủng loại, mẫu mã, quy cách đóng gói, thông số kỹ thuật như trong Hợp đồng số:, đã ký ngày ... tháng ... năm 20....

– Bên A đã nhận đủ số lượng hàng hóa mà bên B đã giao nhận theo mục III.

– Toàn bộ hàng hóa nói trên được chính thức giao nhận và nghiệm thu kể từ ngày.../.../ 20.... Các bên nhất trí đồng ý ký biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng.

– Biên bản này được lập thành 02 bản. Mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A **ĐẠI DIỆN BÊN B**

Hình 2.12: Biên bản bàn giao hàng hóa cho bộ phận vận chuyển

Sau khi hoàn tất đóng gói, hàng hóa được bàn giao cho bộ phận vận tải nội bộ hoặc đơn vị vận chuyển bên ngoài theo kế hoạch điều phối đã được xác định trước đó. Quá trình bàn giao luôn được lập biên bản giao nhận hàng hóa, trong đó ghi rõ thông tin về số lượng, tình trạng hàng, thời gian bàn giao và trách nhiệm của các bên liên quan. Điều này giúp đảm bảo tính minh bạch và làm cơ sở đối chiếu khi xảy ra sai lệch trong quá trình vận chuyển.

Bước 7: Cập nhật hệ thống và lưu trữ chứng từ

Sau khi hoàn tất việc xuất kho, nhân viên kho tiến hành cập nhật toàn bộ thông tin liên quan lên hệ thống quản lý kho nhằm đảm bảo dữ liệu tồn kho được phản ánh chính xác và đồng bộ với các bộ phận khác như kế toán, kinh doanh và điều phối vận tải. Việc

cập nhật bao gồm số lượng hàng đã xuất, mã hàng, thời gian xuất kho và trạng thái đơn hàng.

Đồng thời, toàn bộ chứng từ liên quan như phiếu xuất kho, biên bản bàn giao, phiếu kiểm tra hàng hóa và đơn hàng được lưu trữ theo quy định của công ty. Hệ thống lưu trữ chứng từ được tổ chức khoa học nhằm phục vụ cho công tác kiểm toán nội bộ, đối chiếu số liệu, truy xuất lịch sử giao dịch và giải quyết các tình huống phát sinh khi cần thiết.

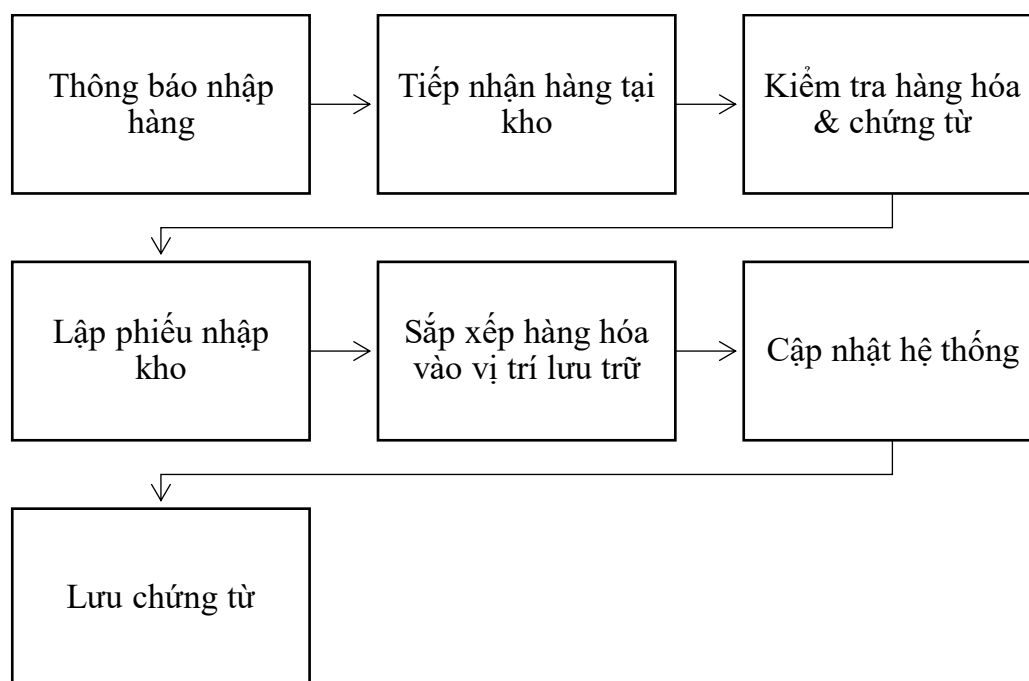
Nhìn chung, quy trình xuất kho tại Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận được xây dựng tương đối đầy đủ và có sự phối hợp giữa các bộ phận chức năng. Việc gắn kết giữa quy trình thực hiện và hệ thống chứng từ giúp doanh nghiệp kiểm soát tốt dòng hàng hóa, giảm thiểu sai sót và nâng cao hiệu quả vận hành logistics. Tuy nhiên, trong thực tế vẫn cần tiếp tục cải tiến để rút ngắn thời gian xử lý và tăng mức độ tự động hóa trong quản lý kho.

2.3.2. Quy trình nhập kho tại công ty

Quy trình nhập kho tại Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận được thực hiện nhằm đảm bảo hàng hóa đầu vào được kiểm soát chặt chẽ về số lượng, chất lượng và chứng từ đi kèm. Đây là khâu quan trọng giúp đảm bảo tính chính xác của dữ liệu tồn kho và hạn chế rủi ro trong quá trình lưu trữ.

2.3.2.1. Sơ đồ quy trình nhập kho tại công ty

Quy trình nhập kho được khái quát như sau:



Hình 2.13: Lưu chứng từ quy trình nhập kho tại Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận

2.3.2.2. Phân tích chi tiết các bước của quy trình nhập kho

Quy trình nhập kho tại Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận được xây dựng theo hướng kiểm soát nhiều lớp nhằm đảm bảo tính chính xác, minh bạch và hạn chế rủi ro trong quá trình tiếp nhận hàng hóa. Mỗi bước trong quy trình đều có sự phối hợp giữa các bộ phận liên quan như kho vận, kế toán và điều phối, qua đó tạo thành một chuỗi hoạt động thống nhất và chặt chẽ.

Bước 1: Tiếp nhận thông tin và kế hoạch nhập hàng

Trước khi hàng hóa được vận chuyển đến kho, bộ phận kho sẽ tiếp nhận kế hoạch nhập hàng từ bộ phận mua hàng, bộ phận điều phối hoặc trực tiếp từ nhà cung cấp. Nội dung kế hoạch thường bao gồm:

- Tên hàng, mã hàng, chủng loại
- Số lượng dự kiến nhập
- Thời gian giao hàng cụ thể
- Phương thức vận chuyển
- Các yêu cầu đặc biệt (bảo quản lạnh, hàng dễ vỡ, hàng giá trị cao...)

Việc tiếp nhận thông tin trước đóng vai trò quan trọng trong việc chuẩn bị nguồn lực, bao gồm:

- Sắp xếp nhân sự tiếp nhận hàng
- Chuẩn bị khu vực bốc dỡ
- Dự trữ vị trí lưu trữ phù hợp

Nếu công tác chuẩn bị không tốt, doanh nghiệp có thể gặp tình trạng ùn tắc tại khu vực nhập hàng hoặc thiếu không gian lưu trữ, ảnh hưởng đến hiệu quả vận hành chung của kho.

PHIẾU ĐỀ NGHỊ NHẬP KHO

Ngày:/...../.....

Kính gửi: PHONG KẾ TOÁN

* Nội dung:

* Nhân viên:

* Thuộc bộ phận:

* Hàng hóa cần nhập kho:

STT	TÊN HÀNG HÓA	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THANH TIỀN
1				
	Tổng			

* Diễn giải:

NGƯỜI ĐỀ XUẤT TRƯỞNG BỘ PHẬN KẾ TOÁN KHO KẾ TOÁN TRƯỞNG
 (Ký và ghi rõ họ tên) (Ký và ghi rõ họ tên) (Ký và ghi rõ họ tên) (Ký và ghi rõ họ tên)

Hình 2.14: Phiếu đề nghị nhập kho

Bước 2: Tiếp nhận hàng hóa tại kho

Khi phương tiện vận chuyển đưa hàng đến kho, nhân viên kho tiến hành tiếp nhận hàng hóa tại khu vực quy định. Ở bước này, việc kiểm tra chủ yếu mang tính đánh giá sơ bộ bên ngoài, bao gồm:

- Tình trạng bao bì (rách, móp méo, ẩm ướt...)
- Tình trạng niêm phong (còn nguyên hay bị mở)

- Dấu hiệu và đập trong quá trình vận chuyển

Đối với hàng hóa có giá trị cao hoặc yêu cầu kỹ thuật đặc biệt, việc tiếp nhận có thể cần sự tham gia của nhân viên kỹ thuật hoặc quản lý kho để đảm bảo tính chính xác. Nếu phát hiện dấu hiệu bất thường, nhân viên kho cần ghi nhận ngay tại thời điểm giao nhận để làm căn cứ xử lý trách nhiệm với đơn vị vận chuyển hoặc nhà cung cấp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm...

BIÊN BẢN GIAO NHẬN HÀNG HÓA
(Số:../BB-...)

Hôm nay, vào lúc... giờ... phút, ngày... tháng... năm... Chúng tôi gồm 3 bên sau đây tiến hành giao nhận.....

I. Bên giao
Ông/Bà: Chức vụ:
Đại diện cho:

II. Bên nhận
1. Ông/Bà: Chức vụ:
Đại diện cho:
2. Ông/Bà: Chức vụ:
Đại diện cho:

STT	Tên hàng hóa, tài liệu, giấy tờ, chứng cứ,...	Số lượng	Ghi chú
1			
2			
...			

Bên giao đã giao đầy đủ các tài liệu, hàng hóa cho các bên nhận.
Bên nhận đã nhận đầy đủ các tài liệu, hàng hóa nêu trên.
Các bên có trách nhiệm bảo quản, giữ gìn, đảm bảo tuyệt đối giữ bí mật đối với hàng hóa, tài liệu được giao.
Các bên cam kết:

.....

BÊN GIAO BÊN NHẬN 1 BÊN NHẬN 2

Hình 2.15: Biên bản giao nhận hàng hóa tại kho

Bước 3: Kiểm tra chi tiết hàng hóa và đối chiếu chứng từ

Sau bước kiểm tra sơ bộ, hàng hóa được đưa vào khu vực kiểm tra chi tiết. Đây là bước mang tính quyết định trong việc xác nhận tính hợp lệ của lô hàng nhập kho.

Các nội dung kiểm tra bao gồm:

- Kiểm đếm chính xác số lượng thực tế
- Đối chiếu mã hàng, chủng loại với chứng từ
- Kiểm tra chất lượng (hư hỏng, sai quy cách, lỗi kỹ thuật...)

Song song đó, nhân viên kho tiến hành đối chiếu với các chứng từ như:

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Phiếu giao hàng
- Hợp đồng mua bán
- Packing list

Trong trường hợp phát hiện sai lệch như:

- Thiếu hoặc thừa hàng
- Sai chủng loại
- Hư hỏng hàng hóa

Công ty sẽ tiến hành lập biên bản kiểm nhận để làm căn cứ xử lý, đảm bảo quyền lợi và tránh tranh chấp sau này.

Mẫu số 05 - VT
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BIÊN BẢN KIỂM KÊ VẬT TƯ, CÔNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ

- Thời điểm kiểm kêgiờngàythángnăm.....
 - Ban kiểm kê gồm :
 Ông/ Bà: Chức vụ Đại diện: Trưởng ban
 Ông/ Bà: Chức vụ Đại diện: Ủy viên
 Ông/ Bà: Chức vụ Đại diện: Ủy viên

- Đã kiểm kê kho có những mặt hàng dưới đây:

S T	Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư, đựng cụ, ...	Mã số	Đơn vị tính	Đơn giá	Theo sổ kế toán		Theo kiểm kê		Chênh lệch				Phẩm chất		
					Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Thừa Số lượng	Thiếu Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Còn tốt 100%	Kém phẩm chất	Mất phẩm chất
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Cộng	X	X	X	X			X			X		X	X	X

Giám đốc Kế toán trưởng Thủ kho
(Ý kiến giải quyết số chênh lệch) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...
Trưởng ban kiểm kê
 (Ký, họ tên)

Hình 2.16: Biên bản kiểm nhân hàng hóa

Bước 4: Lập phiếu nhập kho

Sau khi xác nhận hàng hóa đạt yêu cầu, bộ phận kho tiến hành lập phiếu nhập kho. Đây là chứng từ nội bộ quan trọng, phản ánh việc hàng hóa đã chính thức được ghi nhận vào kho.

- Tên hàng, mã hàng
- Số lượng nhập
- Đơn vị tính
- Ngày nhập
- Người lập và người kiểm tra

- Cập nhật số liệu tồn kho
- Hạch toán kế toán
- Theo dõi luân chuyển hàng hóa

Đơn vị:
 Bộ phận:
 Mẫu số 01 - VT
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

PHIẾU NHẬP KHO
 Ngày.....tháng.....năm.....
 Số:.....

- Họ và tên người giao:
 - Theo số ngày tháng năm của
 Nhận tại kho: địa điểm

S	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
T				Theo chứng từ	Thực nhập		
T							
A	B	C	D	1	2	3	4
	Cộng	x	x	x	x	x	

- Tổng số tiền (viết bằng chữ):

- Số chứng từ gốc kèm theo:

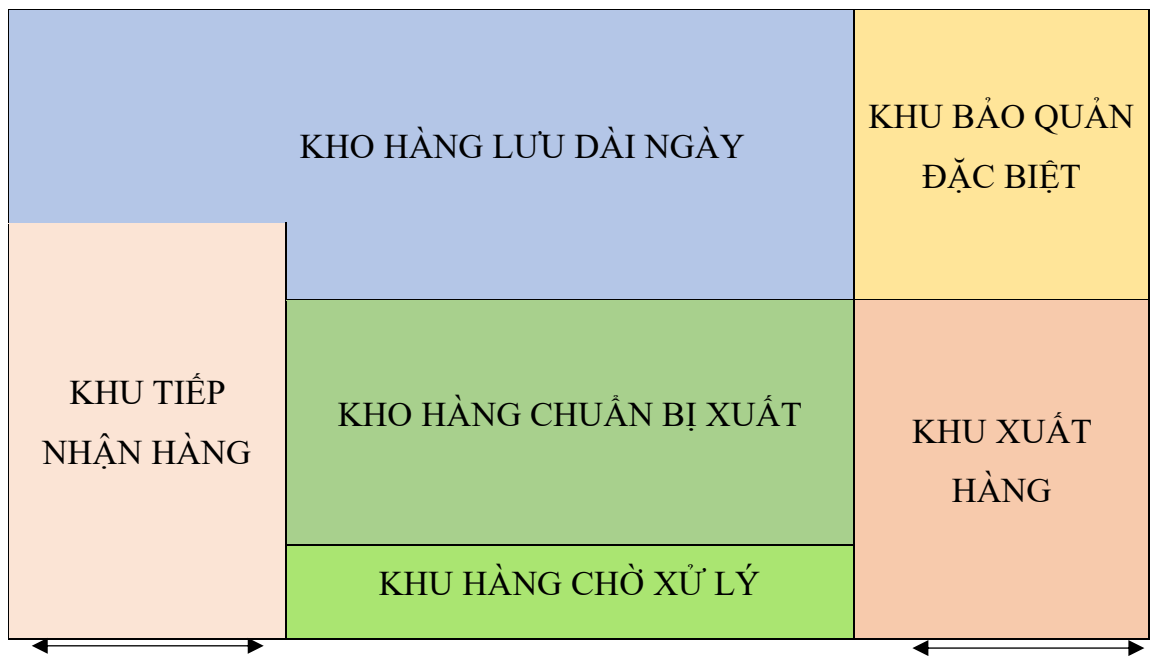
Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Người giao hàng (Ký, họ tên)	Thủ kho (Ký, họ tên)	Ngày... tháng... năm... Kế toán trưởng (Hoặc bộ phận có nhu cầu nhập) (Ký, họ tên)
---------------------------------	---------------------------------	-------------------------	--

Hình 2.17: Phiếu nhập kho

Bước 5: Phân loại, sắp xếp và lưu trữ hàng hóa

Sau khi hoàn tất thủ tục nhập kho, hàng hóa được phân loại và đưa vào vị trí lưu trữ phù hợp trong kho. Việc bố trí hàng hóa được thực hiện dựa trên các nguyên tắc:

- Phân khu theo nhóm hàng (điện tử, tiêu dùng, hàng lạnh...)
- Ưu tiên vị trí thuận tiện cho hàng có tần suất xuất cao
- Đảm bảo an toàn, tránh chồng xếp gây hư hỏng



<i>STT</i>	<i>Khu vực</i>	<i>Chức năng</i>
1	Khu tiếp nhận hàng	Tiếp nhận và kiểm tra ban đầu
2	Kho hàng chuẩn bị xuất	Đánh giá trước khi nhập kho
3	Kho hàng lưu dài ngày	Lưu trữ thuốc đạt tiêu chuẩn
4	Khu hàng chờ xử lý	Hàng hoàn, hàng trả
5	Khu xuất hàng	Chuẩn bị và xuất kho
6	Khu bảo quản đặc biệt	Hàng hoá cần điều kiện riêng

Hình 2.18: Sơ đồ bố trí hàng hóa trong kho

Ngoài ra, công ty áp dụng nguyên tắc quản lý tồn kho FIFO (nhập trước – xuất trước). Việc sắp xếp khoa học giúp: tối ưu không gian lưu trữ, rút ngắn thời gian tìm kiếm và nâng cao hiệu quả xuất kho sau này.

Bước 6: Cập nhật dữ liệu vào hệ thống quản lý kho

Sau khi hàng hóa được lưu trữ, toàn bộ thông tin liên quan sẽ được nhập vào hệ thống quản lý kho (WMS hoặc Excel). Dữ liệu cập nhật bao gồm:

- Mã hàng
- Số lượng tồn
- Vị trí lưu trữ
- Thời gian nhập

Việc cập nhật kịp thời giúp đảm bảo: dữ liệu tồn kho luôn chính xác, các bộ phận khác có thể tra cứu nhanh chóng, hỗ trợ công tác lập kế hoạch kinh doanh và điều phối vận tải. Trong trường hợp nhập liệu thủ công, doanh nghiệp có thể đối mặt với rủi ro sai sót, do đó việc ứng dụng công nghệ là rất cần thiết.



Hình 2.19: Hệ thống quản lý kho

Bước 7: Lưu trữ chứng từ và hoàn tất quy trình

Sau khi hoàn tất các bước nhập kho, toàn bộ chứng từ liên quan sẽ được lưu trữ theo quy định của công ty. Hồ sơ lưu trữ bao gồm:

- Phiếu nhập kho
- Hóa đơn
- Biên bản giao nhận
- Biên bản kiểm nhận

Việc lưu trữ có thể thực hiện dưới dạng bản giấy hoặc dữ liệu điện tử, đảm bảo: dễ dàng tra cứu khi cần, phục vụ kiểm toán nội bộ, đáp ứng yêu cầu pháp lý. Đây là bước cuối cùng, giúp hoàn thiện toàn bộ quy trình nhập kho một cách đầy đủ và minh bạch.

Nhìn chung, quy trình nhập kho tại Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận được xây dựng khá bài bản, đảm bảo kiểm soát tốt từ khâu tiếp nhận đến lưu trữ. Tuy nhiên, trong bối cảnh khối lượng hàng hóa ngày càng tăng, quy trình này vẫn có thể phát sinh một số hạn chế như:

- Phụ thuộc nhiều vào thao tác thủ công
- Thời gian xử lý còn kéo dài vào giờ cao điểm
- Khả năng sai sót khi nhập liệu

Do đó, việc ứng dụng công nghệ và chuẩn hóa quy trình là hướng đi cần thiết để nâng cao hiệu quả quản lý kho trong thời gian tới.

2.3.3. Hoạt động kho hàng tại Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận

2.3.3.1. Hoạt động nhập kho hàng hóa

Hoạt động nhập kho tại Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận được triển khai theo quy trình kiểm soát nhiều bước, nhằm đảm bảo hàng hóa đầu vào đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về số lượng, chất lượng cũng như tính hợp lệ của chứng từ đi kèm. Đây là khâu quan trọng trong toàn bộ hoạt động quản trị kho, bởi nếu dữ liệu đầu vào không chính xác sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến công tác quản lý tồn kho, xuất kho và hiệu quả vận hành chung của doanh nghiệp.

Về tổng thể, quy trình nhập kho tại công ty bao gồm các công đoạn chính như: tiếp nhận kế hoạch nhập hàng, tiếp nhận hàng tại kho, kiểm tra sơ bộ, kiểm tra chi tiết, lập phiếu nhập kho, bố trí lưu trữ và cập nhật hệ thống quản lý. Trong quá trình này, các chứng từ như hóa đơn, phiếu giao hàng, biên bản kiểm nhận, hợp đồng mua bán... được sử dụng để đối chiếu và xác nhận tính hợp lệ của lô hàng.

Trên thực tế, công ty đã xây dựng được quy trình nhập kho tương đối chặt chẽ, đặc biệt chú trọng đến công tác kiểm tra hàng hóa đầu vào. Nhờ đó, phần lớn các lô hàng nhập kho đều đảm bảo đúng chủng loại, số lượng và chất lượng theo yêu cầu, hạn chế được tình trạng sai lệch hoặc thất thoát ngay từ khâu đầu vào. Bên cạnh đó, việc lập phiếu nhập kho và cập nhật dữ liệu vào hệ thống cũng được thực hiện khá đầy đủ, góp phần đảm bảo tính chính xác của số liệu tồn kho.

Để làm rõ hơn tình hình hoạt động nhập kho, có thể xem xét bảng số liệu thống kê sau:

Bảng 2.9: Thống kê hoạt động nhập kho hàng hóa giai đoạn 2023 – 2025

Đơn vị tính: Lượt nhập / Tấn

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	So sánh 2024/2023	So sánh 2025/2024
Số lượt nhập kho (lượt)	9.845	10.972	13.658	+1.127 (11,45%)	+2.686 (24,49%)
Khối lượng nhập kho (tấn)	128.560	142.375	198.420	+13.815 (10,75%)	+56.045 (39,36%)
Tỷ lệ sai lệch (%)	2,1%	1,8%	1,5%	-0,3%	-0,3%
Thời gian xử lý trung bình/lô (giờ)	2,6	2,4	2,1	-0,2	-0,3

(Nguồn: Tổng hợp từ bộ phận kho vận)

Từ bảng số liệu trên có thể thấy hoạt động nhập kho của công ty có xu hướng tăng trưởng rõ rệt trong giai đoạn 2023–2025. Cụ thể, số lượt nhập kho tăng từ 9.845 lượt

năm 2023 lên 13.658 lượt năm 2025, tương ứng mức tăng trưởng hơn 38% sau 3 năm. Điều này phản ánh quy mô hoạt động logistics của công ty ngày càng mở rộng, số lượng đơn hàng và lưu lượng hàng hóa đầu vào tăng mạnh.

Khối lượng hàng hóa nhập kho cũng tăng đáng kể, đặc biệt trong năm 2025 với mức tăng gần 40% so với năm 2024. Đây là dấu hiệu cho thấy công ty đang mở rộng hợp tác với nhiều khách hàng lớn, đồng thời gia tăng năng lực tiếp nhận và xử lý hàng hóa tại kho.

Đáng chú ý, tỷ lệ sai lệch trong quá trình nhập kho có xu hướng giảm dần qua các năm (từ 2,1% xuống còn 1,5%). Điều này cho thấy công tác kiểm tra và kiểm soát chất lượng hàng hóa đầu vào ngày càng được cải thiện, quy trình nhập kho được thực hiện chặt chẽ và hiệu quả hơn.

Bên cạnh đó, thời gian xử lý trung bình cho mỗi lô hàng cũng giảm dần, từ 2,6 giờ xuống còn 2,1 giờ. Điều này phản ánh sự cải thiện trong năng suất làm việc của nhân viên kho cũng như sự tối ưu hóa trong quy trình vận hành.

Tuy nhiên, mặc dù đạt được nhiều kết quả tích cực, hoạt động nhập kho tại công ty vẫn còn tồn tại một số hạn chế như:

- Thời gian kiểm tra hàng hóa vẫn còn kéo dài đối với các lô hàng lớn hoặc hàng phức tạp
- Một số công đoạn như kiểm đếm, nhập liệu vẫn thực hiện thủ công, dễ phát sinh sai sót
- Việc ứng dụng công nghệ (mã vạch, RFID, phần mềm WMS) chưa được triển khai đồng bộ
- Áp lực công việc cao vào các thời điểm cao điểm có thể ảnh hưởng đến chất lượng xử lý

Nhìn chung, hoạt động nhập kho tại Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận được tổ chức khá bài bản và có xu hướng cải thiện qua từng năm. Tuy nhiên, để nâng cao hiệu

quả hơn nữa, công ty cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, tự động hóa quy trình và nâng cao năng lực nhân sự nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu phát triển trong tương lai.

2.3.3.2. Hoạt động lưu trữ, bảo quản và kiểm kê hàng hóa trong kho

Công tác lưu trữ và bảo quản hàng hóa tại Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận được tổ chức theo hướng khoa học và tương đối phù hợp với đặc thù của doanh nghiệp logistics. Đây là một trong những hoạt động cốt lõi trong quản trị kho, có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng hàng hóa, hiệu quả sử dụng không gian kho cũng như chi phí vận hành của doanh nghiệp. Trên thực tế, hàng hóa tại kho được phân loại rõ ràng theo từng nhóm như: hàng điện tử, hàng tiêu dùng, hàng dệt may, hàng lạnh... Việc phân loại này giúp công ty dễ dàng quản lý, kiểm soát và áp dụng các điều kiện bảo quản phù hợp với từng loại hàng hóa. Mỗi nhóm hàng được bố trí tại các khu vực riêng biệt trong kho, có ký hiệu nhận diện rõ ràng nhằm hạn chế nhầm lẫn trong quá trình xuất nhập.

Bên cạnh đó, việc sắp xếp hàng hóa trong kho được thực hiện dựa trên các nguyên tắc cơ bản sau:

- 1) Phân khu chức năng rõ ràng: Mỗi khu vực trong kho được bố trí theo chức năng cụ thể như khu nhập hàng, khu lưu trữ, khu soạn hàng, khu xuất hàng... giúp quá trình vận hành diễn ra thuận lợi và khoa học.
- 2) Bố trí theo tần suất xuất nhập: Những mặt hàng có tần suất luân chuyển cao được đặt ở vị trí gần cửa xuất hoặc khu vực trung tâm để rút ngắn thời gian di chuyển.
- 3) Đảm bảo an toàn và thuận tiện: Hàng hóa được sắp xếp theo nguyên tắc an toàn, tránh chồng chất quá tải, đồng thời tạo lối đi thông thoáng cho xe nâng và nhân viên kho.

Đối với các loại hàng hóa đặc thù như hàng đông lạnh, thực phẩm hoặc hàng dễ hư hỏng, công ty đã đầu tư hệ thống kho lạnh chuyên dụng với các điều kiện bảo quản như nhiệt độ, độ ẩm được kiểm soát chặt chẽ. Điều này giúp đảm bảo chất lượng hàng hóa trong suốt quá trình lưu trữ, hạn chế tối đa rủi ro hư hỏng.

Ngoài ra, công ty cũng đặc biệt chú trọng đến các yếu tố an toàn trong kho như:

- Trang bị hệ thống phòng cháy chữa cháy (PCCC) đầy đủ theo quy định

- Thực hiện kiểm soát nhiệt độ và độ ẩm đối với từng khu vực kho
- Có biện pháp hạn chế tác động từ môi trường như bụi, côn trùng, ẩm mốc
- Định kỳ kiểm tra tình trạng hàng hóa để phát hiện sớm các dấu hiệu hư hỏng

Để đánh giá rõ hơn hiệu quả hoạt động lưu trữ, có thể xem xét bảng số liệu sau:

Bảng 2.10: Tình hình sử dụng kho và bảo quản hàng hóa giai đoạn 2023 – 2025

Đơn vị tính: % / m² / Tấn

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	So sánh 2024/2023	So sánh 2025/2024
Diện tích kho sử dụng (m ²)	6.200	6.750	8.150	+550	+1.400
Tỷ lệ lấp đầy kho (%)	78,5%	82,3%	88,6%	+3,8%	+6,3%
Tỷ lệ hàng hư hỏng (%)	1,9%	1,6%	1,3%	-0,3%	-0,3%
Tỷ lệ sử dụng kho lạnh (%)	65,2%	70,8%	76,5%	+5,6%	+5,7%

(Nguồn: Bộ phận kho vận)

Sau khi điều chỉnh diện tích kho về mức nhỏ hơn (khoảng 1/3 so với ban đầu), có thể thấy quy mô kho bãi của công ty ở mức trung bình, phù hợp với mô hình doanh nghiệp logistics khu vực, không quá lớn nhưng vẫn đủ đáp ứng nhu cầu vận hành.

Diện tích kho tăng từ 6.200 m² năm 2023 lên 8.150 m² năm 2025, cho thấy công ty vẫn có xu hướng mở rộng nhưng theo hướng kiểm soát và tối ưu, tránh đầu tư dàn trải. Mức tăng này phản ánh chiến lược phát triển thận trọng, phù hợp với tốc độ tăng trưởng thực tế của doanh nghiệp. Tỷ lệ lấp đầy kho tăng khá cao (đạt 88,6% vào năm 2025) cho thấy hiệu quả sử dụng không gian kho được cải thiện rõ rệt. Tuy nhiên, tỷ lệ này cũng tiệm cận ngưỡng tối đa, điều này có thể gây áp lực lên hoạt động vận hành nếu không có kế hoạch mở rộng hoặc tối ưu hóa kịp thời.

Tỷ lệ hàng hóa hư hỏng tiếp tục giảm dần qua các năm, chứng tỏ dù diện tích kho không quá lớn nhưng công ty vẫn duy trì tốt công tác bảo quản. Đồng thời, tỷ lệ sử dụng kho lạnh tăng đều cho thấy xu hướng mở rộng dịch vụ lưu trữ hàng đặc thù, đặc biệt là hàng cần kiểm soát nhiệt độ.

Tuy nhiên, với quy mô kho không quá lớn, một số hạn chế có thể rõ hơn như:

- Dễ xảy ra tình trạng quá tải không gian vào mùa cao điểm
- Khó bố trí tối ưu khi số lượng hàng tăng đột biến
- Áp lực lớn hơn trong việc sắp xếp và luân chuyển hàng hóa

Nhìn chung, với quy mô diện tích đã điều chỉnh, công ty đang vận hành kho theo hướng tối ưu hiệu suất sử dụng thay vì mở rộng quy mô, đây là hướng đi hợp lý. Tuy nhiên, trong dài hạn, doanh nghiệp cần cân nhắc giữa việc mở rộng kho và ứng dụng công nghệ để tránh tình trạng quá tải và đảm bảo hiệu quả vận hành bền vững.

Hoạt động kiểm kê và kiểm soát tồn kho

Hoạt động kiểm kê và kiểm soát tồn kho là một trong những nội dung quan trọng trong công tác quản trị kho tại Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận. Đây là cơ sở để doanh nghiệp đảm bảo tính chính xác của dữ liệu tồn kho, phát hiện sai lệch và nâng cao hiệu quả quản lý hàng hóa trong toàn bộ chuỗi logistics.

Hiện nay, công ty thực hiện kiểm kê theo hai hình thức chính:

- Kiểm kê định kỳ: được thực hiện theo tháng, quý hoặc cuối năm nhằm rà soát toàn bộ hàng hóa trong kho
- Kiểm kê đột xuất: được thực hiện khi có yêu cầu từ ban lãnh đạo, khi phát sinh nghi vấn sai lệch hoặc khi có biến động lớn về hàng hóa

Quy trình kiểm kê tại công ty thường bao gồm các bước cơ bản sau:

- 1) Kiểm đếm số lượng thực tế: Nhân viên kho trực tiếp kiểm tra và ghi nhận số lượng hàng hóa thực tế tại từng vị trí lưu trữ

2) Đối chiếu với dữ liệu hệ thống: So sánh số liệu kiểm kê với dữ liệu trên hệ thống quản lý kho hoặc sổ sách kế toán

3) Phát hiện và xử lý chênh lệch: Xác định nguyên nhân chênh lệch (nếu có) và đề xuất biện pháp xử lý như điều chỉnh số liệu, lập biên bản hoặc truy trách nhiệm

Thông qua hoạt động kiểm kê, công ty đạt được nhiều lợi ích quan trọng như: đảm bảo tính chính xác và minh bạch của dữ liệu tồn kho, phát hiện kịp thời các sai sót trong quá trình xuất – nhập – lưu trữ, kiểm soát tốt tình trạng thất thoát, hao hụt hoặc hư hỏng hàng hóa, hỗ trợ công tác lập kế hoạch nhập hàng và phân phối hàng hóa hiệu quả hơn. Để đánh giá cụ thể hiệu quả hoạt động kiểm kê và kiểm soát tồn kho, có thể xem xét bảng số liệu sau:

Bảng 2.11: Tình hình kiểm kê và kiểm soát tồn kho giai đoạn 2023 – 2025

Đơn vị tính: Lần / % / Giờ

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	So sánh 2024/2023	So sánh 2025/2024
Số lần kiểm kê định kỳ (lần/năm)	12	12	12	0	0
Số lần kiểm kê đột xuất (lần/năm)	5	4	3	-1	-1
Tỷ lệ chênh lệch tồn kho (%)	2,3%	1,9%	1,4%	-0,4%	-0,5%
Thời gian kiểm kê trung bình (giờ/lần)	6,5	5,8	5,0	-0,7	-0,8
Tỷ lệ xử lý chênh lệch kịp thời (%)	88,5%	92,3%	95,6%	+3,8%	+3,3%

(Nguồn: Bộ phận kho vận)

Qua bảng số liệu trên có thể thấy hoạt động kiểm kê và kiểm soát tồn kho của công ty có xu hướng cải thiện tích cực qua từng năm.

Số lần kiểm kê định kỳ được duy trì ổn định ở mức 12 lần/năm (tương đương kiểm kê hàng tháng), cho thấy công ty có sự kiểm soát chặt chẽ và thường xuyên đối với hàng hóa trong kho. Trong khi đó, số lần kiểm kê đột xuất giảm dần qua các năm (từ 5 xuống còn 3 lần), phản ánh mức độ ổn định trong quản lý tồn kho ngày càng cao, ít phát sinh sai lệch bất thường. Tỷ lệ chênh lệch tồn kho giảm rõ rệt từ 2,3% năm 2023 xuống còn 1,4% năm 2025. Điều này cho thấy quy trình xuất nhập và quản lý kho ngày càng chính xác hơn, hạn chế được các sai sót trong vận hành.

Bên cạnh đó, thời gian kiểm kê trung bình cũng được rút ngắn, từ 6,5 giờ xuống còn 5,0 giờ/lần, góp phần tiết kiệm chi phí nhân công và giảm gián đoạn hoạt động kho. Đồng thời, tỷ lệ xử lý chênh lệch kịp thời tăng lên 95,6% vào năm 2025, thể hiện khả năng phản ứng và xử lý vấn đề ngày càng hiệu quả của doanh nghiệp.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác kiểm kê và kiểm soát tồn kho tại công ty vẫn còn một số hạn chế:

- Quá trình kiểm kê vẫn phụ thuộc nhiều vào phương pháp thủ công, tốn thời gian và nhân lực
- Dễ phát sinh sai sót trong quá trình kiểm đếm, đặc biệt với khối lượng hàng lớn
- Chưa áp dụng đồng bộ các công nghệ hiện đại như mã vạch (barcode), RFID hoặc hệ thống WMS
- Việc đối chiếu dữ liệu đôi khi chưa được tự động hóa hoàn toàn

Những hạn chế này phần nào ảnh hưởng đến hiệu quả kiểm soát tồn kho, đặc biệt trong bối cảnh khối lượng hàng hóa ngày càng lớn và đa dạng.

Nhìn chung, hoạt động kiểm kê và kiểm soát tồn kho tại Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận đã được triển khai khá bài bản và có xu hướng cải thiện theo thời gian. Tuy nhiên, để đạt hiệu quả tối ưu, công ty cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, tự động hóa quy trình kiểm kê và nâng cao năng lực quản lý dữ liệu tồn kho trong thời gian tới.

2.3.3.3. Hoạt động xuất kho hàng hóa

Hoạt động xuất kho tại công ty được thực hiện thường xuyên với tần suất cao nhằm phục vụ nhu cầu vận chuyển và phân phối hàng hóa đến khách hàng trên toàn quốc. Quy trình xuất kho được xây dựng tương đối rõ ràng, đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc về kiểm soát hàng hóa.

Về cơ bản, hoạt động xuất kho được triển khai theo các bước: tiếp nhận yêu cầu xuất hàng, kiểm tra tồn kho, lập phiếu xuất, soạn hàng (picking), kiểm tra lại, đóng gói và bàn giao vận chuyển. Trong quá trình này, công ty có áp dụng nguyên tắc FIFO (nhập trước – xuất trước) nhằm đảm bảo chất lượng hàng hóa, đặc biệt đối với các mặt hàng có vòng đời ngắn hoặc có hạn sử dụng.

Ngoài ra, hoạt động soạn hàng được thực hiện dựa trên sơ đồ bố trí kho, giúp tối ưu hóa thời gian di chuyển và nâng cao hiệu suất làm việc của nhân viên. Đối với các đơn hàng lớn hoặc hàng hóa có giá trị cao, công ty thực hiện kiểm tra nhiều bước nhằm hạn chế sai sót.

Bảng 2.12: Thống kê hoạt động xuất kho hàng hóa giai đoạn 2023 – 2025

Đơn vị tính: Lượt đơn / Tấn

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	So sánh 2024/2023	So sánh 2025/2024
Số lượt xuất kho (đơn)	18.562	20.147	27.836	+1.585 (8,54%)	+7.689 (38,17%)
Sản lượng hàng xuất (tấn)	96.845,7	108.392,4	156.278,9	+11.546,7 (11,92%)	+47.886,5 (44,19%)
Số đơn/ngày (bình quân)	50,8	55,2	76,3	+4,4	+21,1
Tỷ lệ sai sót (%)	1,85	1,62	1,48	-0,23	-0,14
Thời gian xử lý 1 đơn (phút)	42,6	39,8	36,5	-2,8	-3,3

(Nguồn: Phòng Kho vận – tổng hợp nội bộ)

Dựa vào bảng số liệu trên, có thể thấy hoạt động xuất kho của Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận trong giai đoạn 2023–2025 có xu hướng tăng trưởng mạnh mẽ và ổn định.

Về số lượt xuất kho, năm 2023 công ty xử lý 18.562 đơn, đến năm 2024 tăng lên 20.147 đơn (tăng 8,54%). Đặc biệt, đến năm 2025, số lượt xuất kho tăng mạnh lên 27.836 đơn, tương ứng mức tăng 38,17% so với năm 2024. Điều này cho thấy nhu cầu vận chuyển và khối lượng đơn hàng của công ty ngày càng gia tăng, phản ánh sự mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh.

Về sản lượng hàng hóa xuất kho, xu hướng tăng trưởng tương tự cũng được ghi nhận. Năm 2023 đạt 96.845,7 tấn, năm 2024 tăng lên 108.392,4 tấn (tăng 11,92%), và đến năm 2025 đạt 156.278,9 tấn (tăng mạnh 44,19%). Sự gia tăng này cho thấy công ty không chỉ tăng về số lượng đơn hàng mà còn gia tăng về quy mô mỗi đơn hàng, đặc biệt trong các ngành hàng điện tử và tiêu dùng. Xét về hiệu suất xử lý, số đơn xuất kho trung bình mỗi ngày tăng từ 50,8 đơn/ngày năm 2023 lên 76,3 đơn/ngày năm 2025. Điều này phản ánh năng lực xử lý đơn hàng của kho đã được cải thiện đáng kể, mặc dù khối lượng công việc tăng lên nhanh chóng.

Đáng chú ý, tỷ lệ sai sót trong xuất kho có xu hướng giảm dần qua các năm, từ 1,85% xuống còn 1,48%. Điều này cho thấy công ty đã có những cải thiện nhất định trong công tác kiểm soát và vận hành quy trình xuất kho. Tuy nhiên, tỷ lệ sai sót vẫn còn tồn tại, cho thấy quy trình chưa hoàn toàn tối ưu. Bên cạnh đó, thời gian xử lý trung bình mỗi đơn hàng cũng giảm từ 42,6 phút xuống còn 36,5 phút, thể hiện sự cải thiện về hiệu quả làm việc và tổ chức vận hành trong kho.

Mặc dù đạt được nhiều kết quả tích cực, hoạt động xuất kho của công ty vẫn còn một số hạn chế:

- Việc soạn hàng chủ yếu thực hiện thủ công, phụ thuộc nhiều vào kinh nghiệm của nhân viên

- Trong giờ cao điểm, vẫn xảy ra tình trạng quá tải, dẫn đến chậm xử lý đơn hàng
- Sai sót nhỏ về số lượng hoặc mã hàng vẫn có thể xảy ra nếu không kiểm soát chặt
- Chưa ứng dụng rộng rãi công nghệ như mã vạch, tự động hóa picking

Nhìn chung, hoạt động xuất kho của công ty được tổ chức khá bài bản và có xu hướng cải thiện rõ rệt qua các năm. Tuy nhiên, để đáp ứng tốc độ tăng trưởng nhanh và nâng cao năng lực cạnh tranh, công ty cần tiếp tục đầu tư vào công nghệ quản lý kho và tự động hóa quy trình trong thời gian tới.

2.4. Đánh giá quy trình xuất nhập kho tại Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận

2.4.1. Ưu điểm

Quy trình xuất nhập kho tại Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận được xây dựng tương đối hoàn chỉnh, thể hiện tính hệ thống và logic trong từng khâu thực hiện. Các bước từ tiếp nhận yêu cầu, kiểm tra hàng hóa, lập chứng từ đến cập nhật dữ liệu đều được quy định rõ ràng, giúp quá trình vận hành diễn ra thống nhất và hạn chế sự chồng chéo giữa các bộ phận. Sự phối hợp giữa bộ phận kho, kế toán và vận tải được duy trì tương đối chặt chẽ, góp phần đảm bảo dòng chảy hàng hóa diễn ra liên tục và hiệu quả.

Công tác kiểm soát hàng hóa trong quá trình xuất nhập được chú trọng, thể hiện qua việc thực hiện kiểm tra ở nhiều công đoạn khác nhau. Hàng hóa trước khi nhập hoặc xuất đều được đối chiếu với chứng từ và kiểm tra thực tế nhằm đảm bảo tính chính xác về số lượng và chủng loại. Nhờ đó, tỷ lệ sai lệch và thất thoát hàng hóa được duy trì ở mức thấp, góp phần nâng cao độ tin cậy trong quản lý tồn kho.

Việc áp dụng nguyên tắc quản lý hàng tồn kho như nhập trước – xuất trước (FIFO) đã giúp công ty đảm bảo chất lượng hàng hóa, đặc biệt đối với những mặt hàng có thời hạn sử dụng hoặc dễ bị ảnh hưởng bởi điều kiện môi trường. Bên cạnh đó, hệ thống kho được bố trí tương đối khoa học, hàng hóa được phân khu rõ ràng theo từng nhóm, giúp việc tìm kiếm, xuất nhập và kiểm kê trở nên thuận tiện hơn.

Đội ngũ nhân sự kho vận có kinh nghiệm thực tế, nắm vững quy trình và có khả năng xử lý linh hoạt các tình huống phát sinh trong quá trình vận hành. Đây là yếu tố

quan trọng giúp công ty duy trì hoạt động ổn định ngay cả trong những thời điểm có khối lượng hàng hóa lớn. Kết quả hoạt động qua các năm cũng cho thấy xu hướng tích cực khi sản lượng xuất nhập tăng, trong khi tỷ lệ sai sót và hư hỏng có xu hướng giảm dần.

2.4.2. Hạn chế

Mặc dù quy trình xuất nhập kho đã được xây dựng tương đối đầy đủ, nhưng vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định ảnh hưởng đến hiệu quả vận hành. Một trong những vấn đề đáng chú ý là việc phụ thuộc nhiều vào thao tác thủ công trong các công đoạn như kiểm đếm, soạn hàng và cập nhật dữ liệu. Điều này không chỉ làm tăng thời gian xử lý mà còn tiềm ẩn nguy cơ sai sót, đặc biệt khi khối lượng hàng hóa lớn. Việc ứng dụng công nghệ trong quản lý kho chưa thực sự đồng bộ và toàn diện. Các công cụ hỗ trợ như hệ thống quản lý kho (WMS), mã vạch hoặc RFID chưa được triển khai rộng rãi, dẫn đến việc quản lý dữ liệu và kiểm soát hàng hóa chưa đạt mức tối ưu. Trong một số trường hợp, việc tìm kiếm thông tin hoặc đối chiếu dữ liệu vẫn còn mất nhiều thời gian.

Hiệu suất xử lý đơn hàng trong những thời điểm cao điểm chưa thực sự ổn định. Khi số lượng đơn hàng tăng đột biến, quy trình xuất kho có thể bị chậm trễ do hạn chế về nhân lực và phương tiện xử lý. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ giao hàng và chất lượng dịch vụ khách hàng.

Không gian kho mặc dù được tổ chức tương đối hợp lý nhưng chưa được tối ưu hóa hoàn toàn. Trong một số thời điểm, việc bố trí hàng hóa chưa thực sự khoa học, dẫn đến khó khăn trong việc di chuyển và sắp xếp, đồng thời làm giảm hiệu quả sử dụng diện tích kho. Công tác kiểm kê cũng còn gặp nhiều khó khăn do chưa được tự động hóa, gây tốn thời gian và nhân lực. Bên cạnh đó, việc theo dõi các điều kiện bảo quản như nhiệt độ, độ ẩm vẫn chủ yếu thực hiện thủ công, chưa có hệ thống giám sát tự động và cảnh báo kịp thời. Điều này có thể ảnh hưởng đến chất lượng hàng hóa, đặc biệt đối với các loại hàng nhạy cảm với môi trường.

2.4.3. Nguyên nhân

2.4.3.1. Nguyên nhân khách quan

Những hạn chế trong quy trình xuất nhập kho một phần xuất phát từ các yếu tố khách quan của môi trường bên ngoài. Ngành logistics có đặc thù với khối lượng hàng hóa lớn, đa dạng về chủng loại và yêu cầu xử lý nhanh, điều này gây áp lực lớn lên hệ thống kho và quy trình vận hành. Trong điều kiện chưa áp dụng công nghệ hiện đại đồng bộ, việc kiểm soát tuyệt đối là rất khó đạt được.

Sự cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường logistics cũng ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của doanh nghiệp. Để duy trì mức giá cạnh tranh, công ty cần kiểm soát chi phí, dẫn đến việc đầu tư vào công nghệ và cơ sở hạ tầng chưa được thực hiện ở mức tối ưu. Ngoài ra, nhu cầu thị trường biến động theo từng thời điểm, đặc biệt vào các mùa cao điểm, khiến hoạt động xuất nhập kho phải đối mặt với tình trạng quá tải tạm thời.

Hệ thống hạ tầng logistics và giao thông tại Việt Nam chưa thực sự đồng bộ cũng là một yếu tố tác động đến hiệu quả vận hành kho. Việc vận chuyển hàng hóa đôi khi bị gián đoạn hoặc chậm trễ, ảnh hưởng đến tiến độ nhập kho và xuất kho, từ đó gây áp lực lên công tác quản lý tồn kho.

2.4.3.2. Nguyên nhân chủ quan

Bên cạnh các yếu tố khách quan, những hạn chế trong quy trình xuất nhập kho còn bắt nguồn từ các nguyên nhân nội tại của doanh nghiệp. Việc chưa đầu tư mạnh vào công nghệ quản lý kho là một trong những nguyên nhân chính khiến hiệu quả vận hành chưa đạt mức tối ưu. Sự thiếu vắng các hệ thống tự động hóa dẫn đến việc phụ thuộc nhiều vào con người trong quá trình xử lý nghiệp vụ.

Quy trình làm việc trong một số khâu chưa được chuẩn hóa một cách chi tiết, vẫn còn mang tính linh hoạt dựa trên kinh nghiệm cá nhân. Điều này có thể dẫn đến sự không đồng nhất trong cách thực hiện và làm tăng nguy cơ sai sót. Đồng thời, trình độ và kỹ năng của nhân sự chưa đồng đều, đặc biệt trong việc ứng dụng công nghệ mới, cũng ảnh hưởng đến hiệu quả làm việc chung.

Công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá quy trình chưa được thực hiện thường xuyên và có hệ thống, khiến một số sai sót chưa được phát hiện và khắc phục kịp thời. Ngoài ra, việc bố trí kho và tổ chức không gian lưu trữ chưa áp dụng đầy đủ các phương pháp tối ưu hiện đại, làm giảm hiệu suất sử dụng kho.

Nhìn chung, các nguyên nhân chủ quan có thể được cải thiện thông qua việc nâng cao năng lực quản lý, đầu tư công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực. Đây cũng là cơ sở quan trọng để doanh nghiệp đề ra các giải pháp phù hợp nhằm hoàn thiện quy trình xuất nhập kho trong thời gian tới.

CHƯƠNG 3: HOÀN THIỆN QUY TRÌNH XUẤT NHẬP KHO HÀNG HÓA TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN NHẤT PHONG VẬN

3.1. Định hướng và mục tiêu phát triển Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận

3.1.1. Nghiên cứu và dự báo môi trường kinh doanh

3.1.1.1. Phân tích môi trường vĩ mô

Môi trường vĩ mô là yếu tố có tác động sâu rộng và lâu dài đến hoạt động của doanh nghiệp, đặc biệt đối với ngành logistics – lĩnh vực chịu ảnh hưởng trực tiếp từ biến động kinh tế, chính sách và công nghệ. Trong bối cảnh hiện nay, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định, kim ngạch xuất nhập khẩu không ngừng gia tăng, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của ngành vận tải và dịch vụ logistics. Sự mở rộng của các khu công nghiệp, khu chế xuất cùng với làn sóng đầu tư nước ngoài (FDI) đã góp phần làm gia tăng nhu cầu vận chuyển, lưu kho và phân phối hàng hóa.

Về mặt pháp lý, Nhà nước ngày càng hoàn thiện hệ thống chính sách liên quan đến logistics như cải cách thủ tục hải quan, thúc đẩy thương mại điện tử và hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ. Tuy nhiên, các quy định về thuế, vận tải, kiểm soát hàng hóa và an toàn logistics cũng ngày càng chặt chẽ, đòi hỏi doanh nghiệp phải tuân thủ nghiêm ngặt và nâng cao năng lực quản trị.

Yếu tố công nghệ đang đóng vai trò then chốt trong việc thay đổi phương thức hoạt động của ngành logistics. Việc ứng dụng các công nghệ như hệ thống quản lý kho (WMS), mã vạch, RFID, trí tuệ nhân tạo (AI) và Internet vạn vật (IoT) giúp doanh nghiệp nâng cao hiệu quả quản lý, giảm chi phí và tăng tính chính xác trong vận hành. Do đó, doanh nghiệp cần chủ động đầu tư và thích ứng với xu hướng chuyển đổi số để không bị tụt hậu. Bên cạnh đó, các yếu tố xã hội và môi trường cũng ngày càng được quan tâm. Xu hướng tiêu dùng xanh, logistics bền vững và giảm phát thải khí nhà kính đang trở thành yêu cầu tất yếu. Điều này buộc các doanh nghiệp logistics phải điều chỉnh chiến lược phát triển theo hướng thân thiện với môi trường và có trách nhiệm xã hội cao hơn.

3.1.1.2. Phân tích môi trường ngành

Ngành logistics tại Việt Nam đang có tốc độ phát triển nhanh, tuy nhiên mức độ cạnh tranh cũng ngày càng gay gắt. Sự tham gia của nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước tạo ra áp lực lớn về giá cả, chất lượng dịch vụ và khả năng đáp ứng nhu cầu khách hàng. Các doanh nghiệp lớn có lợi thế về vốn, công nghệ và mạng lưới toàn cầu, trong khi các doanh nghiệp trong nước cần tận dụng lợi thế về sự linh hoạt và am hiểu thị trường nội địa để cạnh tranh.

Nhu cầu của khách hàng ngày càng đa dạng và yêu cầu cao hơn, không chỉ dừng lại ở vận chuyển mà còn bao gồm các dịch vụ logistics trọn gói như lưu kho, quản lý tồn kho, phân phối và tối ưu chuỗi cung ứng. Điều này đòi hỏi doanh nghiệp phải không ngừng cải tiến dịch vụ và nâng cao chất lượng vận hành. Ngoài ra, sự phát triển mạnh mẽ của thương mại điện tử đã làm thay đổi đáng kể nhu cầu logistics, đặc biệt là trong lĩnh vực giao hàng nhanh và quản lý kho linh hoạt. Điều này tạo ra cả cơ hội và thách thức cho các doanh nghiệp logistics trong việc nâng cao năng lực đáp ứng và tối ưu hóa quy trình hoạt động.

3.1.2. Định hướng và mục tiêu phát triển của công ty

Trong giai đoạn tới, Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận định hướng phát triển theo hướng mở rộng quy mô hoạt động logistics gắn với nâng cao chất lượng dịch vụ và tối ưu hiệu quả vận hành. Doanh nghiệp tiếp tục củng cố vị thế trong lĩnh vực vận tải và kho bãi, đồng thời phát triển theo mô hình logistics tích hợp nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng trong nước và quốc tế. Định hướng này xuất phát từ bối cảnh thị trường logistics có tốc độ tăng trưởng cao nhưng mức độ cạnh tranh ngày càng gay gắt, đòi hỏi doanh nghiệp phải liên tục đổi mới để duy trì lợi thế.

Về mục tiêu doanh thu, công ty đặt trọng tâm vào tăng trưởng ổn định và bền vững qua từng năm. Doanh thu được định hướng gia tăng không chỉ dựa trên việc mở rộng sản lượng vận chuyển mà còn thông qua phát triển các dịch vụ giá trị gia tăng như quản lý kho, phân phối hàng hóa, dịch vụ logistics trọn gói và tối ưu chuỗi cung ứng. Song

song với tăng trưởng doanh thu, doanh nghiệp chú trọng kiểm soát chi phí vận hành nhằm cải thiện hiệu quả tài chính, nâng cao biên lợi nhuận và đảm bảo tính ổn định trong dài hạn.

Về công nghệ, công ty xác định chuyển đổi số là yếu tố then chốt trong chiến lược phát triển. Hệ thống quản lý kho WMS và các phần mềm quản trị logistics sẽ tiếp tục được hoàn thiện và mở rộng ứng dụng nhằm nâng cao khả năng kiểm soát tồn kho, giảm sai sót trong xuất nhập hàng và rút ngắn thời gian xử lý đơn hàng. Bên cạnh đó, doanh nghiệp từng bước nghiên cứu áp dụng các công nghệ hiện đại như mã vạch, RFID, dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo trong phân tích và tối ưu vận hành. Việc ứng dụng công nghệ giúp nâng cao hiệu suất làm việc và tạo nền tảng cho việc chuẩn hóa quy trình và mở rộng quy mô hoạt động trong tương lai.

Về định hướng chiến lược, công ty tập trung phát triển theo hướng mở rộng mạng lưới khách hàng và đối tác, đặc biệt là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực điện tử, dệt may và hàng tiêu dùng. Đồng thời, doanh nghiệp chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ logistics toàn diện, đảm bảo tính chính xác, nhanh chóng và an toàn trong toàn bộ chuỗi cung ứng. Chiến lược phát triển cũng hướng đến tối ưu hóa hệ thống kho bãi, lựa chọn vị trí kho gần các khu công nghiệp, cảng biển và tuyến giao thông trọng điểm nhằm giảm chi phí logistics và nâng cao hiệu quả vận hành. Bên cạnh đó, công ty định hướng phát triển bền vững gắn với yếu tố môi trường và trách nhiệm xã hội. Các giải pháp như tối ưu hóa tuyến vận tải, giảm chi phí nhiên liệu, tăng hiệu suất sử dụng phương tiện và hạn chế phát thải khí nhà kính được chú trọng triển khai. Điều này phù hợp với xu hướng phát triển của ngành logistics hiện đại, đồng thời góp phần nâng cao hình ảnh và uy tín của doanh nghiệp trên thị trường.

Tổng thể, định hướng và mục tiêu phát triển của Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận được xây dựng trên cơ sở kết hợp giữa tăng trưởng doanh thu, hiện đại hóa công nghệ và phát triển chiến lược bền vững, từ đó tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển lâu dài và nâng cao năng lực cạnh tranh trong ngành logistics.

3.2. Giải pháp hoàn thiện quy trình xuất nhập kho tại Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận

3.2.1. Chuẩn hóa và tối ưu hóa quy trình xuất nhập kho

Một trong những giải pháp mang tính nền tảng nhằm nâng cao hiệu quả quản lý kho tại Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận là thực hiện chuẩn hóa và tối ưu hóa toàn bộ quy trình xuất nhập kho theo hướng khoa học, đồng bộ và phù hợp với thực tiễn vận hành. Trong bối cảnh khối lượng hàng hóa ngày càng gia tăng, chủng loại đa dạng và yêu cầu về tốc độ xử lý đơn hàng ngày càng cao, việc duy trì một quy trình còn mang tính thủ công, thiếu liên kết giữa các bộ phận sẽ làm giảm hiệu suất hoạt động và tiềm ẩn nhiều rủi ro.

Việc chuẩn hóa quy trình cần bắt đầu từ hoạt động rà soát, đánh giá toàn diện các bước hiện tại trong chuỗi nghiệp vụ xuất nhập kho, bao gồm: tiếp nhận thông tin, kiểm tra chứng từ, kiểm tra hàng hóa, lập phiếu, thực hiện xuất – nhập, cập nhật hệ thống và lưu trữ hồ sơ. Trên cơ sở đó, doanh nghiệp xây dựng một quy trình chuẩn với các bước được thiết kế logic, rõ ràng, có tính liên kết cao và được quy định cụ thể về trách nhiệm cho từng vị trí công việc. Mỗi công đoạn cần có hướng dẫn thực hiện chi tiết (SOP – Standard Operating Procedure), kèm theo tiêu chuẩn kiểm soát nhằm đảm bảo tính nhất quán trong toàn bộ hệ thống vận hành. Điều này không chỉ giúp giảm thiểu sai sót mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho việc đào tạo nhân sự và mở rộng quy mô hoạt động trong tương lai.

Song song với chuẩn hóa, việc tối ưu hóa quy trình đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu suất vận hành. Công ty cần xem xét loại bỏ các bước trung gian không cần thiết, giảm thiểu thời gian chờ giữa các công đoạn và tăng tính tự động trong luồng xử lý thông tin. Ví dụ, việc tích hợp dữ liệu giữa bộ phận kinh doanh, kho và kế toán sẽ giúp rút ngắn thời gian xử lý đơn hàng, hạn chế việc nhập liệu lặp lại và giảm nguy cơ sai lệch thông tin. Đồng thời, việc bố trí lại mặt bằng kho theo nguyên tắc khoa học, kết hợp với sơ đồ luồng di chuyển hợp lý sẽ giúp tối ưu hóa thời gian soạn hàng và giảm chi phí vận hành. Bên cạnh đó, công ty cần áp dụng các nguyên tắc quản lý kho hiện đại như

nhập trước – xuất trước (FIFO), quản lý theo lô hàng (batch control), phân khu lưu trữ theo đặc tính hàng hóa và tần suất xuất nhập. Những nguyên tắc này giúp nâng cao khả năng kiểm soát chất lượng hàng hóa, hạn chế tình trạng tồn kho lâu ngày hoặc hư hỏng, đồng thời cải thiện hiệu quả sử dụng không gian kho.

Một nội dung quan trọng khác trong quá trình tối ưu hóa là tăng cường hệ thống kiểm soát nội bộ tại từng công đoạn. Việc thiết lập các điểm kiểm soát (control points) trong quy trình sẽ giúp phát hiện sớm sai sót, đảm bảo tính chính xác của dữ liệu và hạn chế thất thoát hàng hóa. Ví dụ, tại khâu xuất kho, cần có bước kiểm tra chéo giữa nhân viên soạn hàng và nhân viên kiểm tra trước khi bàn giao; tại khâu nhập kho, cần đối chiếu chặt chẽ giữa hàng thực tế và chứng từ đi kèm. Những biện pháp này góp phần nâng cao tính minh bạch và độ tin cậy trong quản lý. Ngoài ra, việc chuẩn hóa và tối ưu hóa quy trình cũng cần gắn liền với việc xây dựng hệ thống đánh giá hiệu quả (KPI) cho từng công đoạn như thời gian xử lý đơn hàng, tỷ lệ sai sót, năng suất lao động... Thông qua đó, doanh nghiệp có thể theo dõi, đánh giá và liên tục cải tiến quy trình nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Nhìn chung, chuẩn hóa và tối ưu hóa quy trình xuất nhập kho không chỉ giúp Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận nâng cao hiệu quả quản lý, giảm chi phí vận hành mà còn tạo nền tảng vững chắc cho việc ứng dụng công nghệ, phát triển hệ thống logistics hiện đại và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường.

3.2.2. Nâng cao năng lực nhân sự kho vận

Nguồn nhân lực là yếu tố cốt lõi quyết định đến hiệu quả vận hành của toàn bộ hệ thống kho, đặc biệt trong bối cảnh Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận đang từng bước chuyển đổi sang mô hình quản lý hiện đại và ứng dụng công nghệ. Dù quy trình có được xây dựng bài bản hay hệ thống công nghệ có tiên tiến đến đâu, nếu đội ngũ nhân sự không đủ năng lực để vận hành thì hiệu quả mang lại vẫn bị hạn chế. Vì vậy, việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực kho vận không chỉ là yêu cầu trước mắt mà còn mang ý nghĩa chiến lược lâu dài đối với sự phát triển của doanh nghiệp.

Công ty cần chú trọng xây dựng chương trình đào tạo chuyên môn bài bản cho đội ngũ nhân viên kho. Nội dung đào tạo không chỉ dừng lại ở các nghiệp vụ cơ bản như kiểm tra, phân loại, sắp xếp hàng hóa hay lập chứng từ, mà còn cần mở rộng sang các kỹ năng quản lý tồn kho, kiểm soát chất lượng, xử lý tình huống phát sinh và tuân thủ các quy định an toàn trong kho. Các chương trình đào tạo nên được thiết kế theo từng cấp độ, từ cơ bản đến nâng cao, phù hợp với từng vị trí công việc. Đồng thời, việc đào tạo cần được tổ chức định kỳ nhằm cập nhật những thay đổi trong quy trình, tiêu chuẩn vận hành cũng như yêu cầu mới từ phía khách hàng. Song song với đào tạo chuyên môn, việc nâng cao năng lực sử dụng công nghệ cho nhân viên kho là yếu tố không thể thiếu trong giai đoạn hiện nay. Khi công ty triển khai các hệ thống như WMS, mã vạch hoặc các nền tảng số hóa, nhân viên cần được trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng để sử dụng thành thạo. Việc này giúp giảm sự phụ thuộc vào kinh nghiệm cá nhân, hạn chế sai sót trong thao tác và nâng cao tốc độ xử lý công việc. Ngoài ra, khả năng thích ứng với công nghệ cũng giúp doanh nghiệp dễ dàng triển khai các giải pháp hiện đại trong tương lai mà không gặp trở ngại về nhân lực.

Một nội dung quan trọng khác là xây dựng hệ thống đánh giá hiệu quả công việc (KPI) rõ ràng, minh bạch và gắn liền với từng vị trí trong kho. Các tiêu chí đánh giá có thể bao gồm năng suất làm việc, độ chính xác trong xuất nhập hàng, tỷ lệ sai sót, thời gian xử lý đơn hàng và mức độ tuân thủ quy trình. Việc đánh giá định kỳ sẽ giúp doanh nghiệp nhận diện được نقاط mạnh, điểm yếu của từng nhân viên, từ đó có kế hoạch đào tạo, bố trí công việc hoặc khen thưởng phù hợp. Đồng thời, cơ chế này cũng tạo động lực làm việc, nâng cao tinh thần trách nhiệm và ý thức kỷ luật trong đội ngũ nhân sự.

Bên cạnh yếu tố chuyên môn và kỹ năng, công ty cũng cần chú trọng xây dựng tác phong làm việc chuyên nghiệp cho nhân viên kho. Điều này thể hiện ở việc tuân thủ nghiêm túc quy trình, làm việc có kế hoạch, phối hợp hiệu quả giữa các bộ phận và luôn đảm bảo an toàn trong quá trình vận hành. Việc hình thành văn hóa làm việc tích cực sẽ góp phần nâng cao hiệu quả chung của toàn bộ hệ thống kho, đồng thời tạo dựng hình ảnh chuyên nghiệp trong mắt khách hàng và đối tác. Ngoài ra, công ty nên có chính sách

đãi ngộ hợp lý nhằm giữ chân và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Các chế độ lương thưởng, phúc lợi, cơ hội thăng tiến và môi trường làm việc ổn định sẽ giúp thu hút nhân sự có năng lực, đồng thời tạo sự gắn bó lâu dài với doanh nghiệp. Đây là yếu tố quan trọng trong bối cảnh ngành logistics có tính cạnh tranh cao về nguồn nhân lực.

Nhìn chung, việc nâng cao năng lực nhân sự kho vận không chỉ giúp Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận cải thiện hiệu quả hoạt động xuất nhập kho trong hiện tại mà còn tạo nền tảng vững chắc cho việc triển khai các giải pháp công nghệ, hiện đại hóa hệ thống logistics và nâng cao năng lực cạnh tranh trong tương lai.

3.2.3. Tăng cường kiểm soát và quản lý chứng từ

Chứng từ là cơ sở pháp lý quan trọng phản ánh toàn bộ quá trình xuất nhập kho, đồng thời là căn cứ để kiểm tra, đối chiếu và hạch toán trong doanh nghiệp. Trong hoạt động logistics, nơi các nghiệp vụ diễn ra với tần suất cao và khối lượng lớn, việc quản lý chứng từ nếu không chặt chẽ sẽ dễ dẫn đến sai lệch dữ liệu, thất thoát hàng hóa hoặc phát sinh rủi ro về tài chính và pháp lý. Vì vậy, tăng cường kiểm soát và quản lý chứng từ là một trong những giải pháp cần thiết nhằm nâng cao tính minh bạch và hiệu quả trong công tác quản trị kho tại Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận.

Công ty cần xây dựng và chuẩn hóa hệ thống chứng từ sử dụng trong toàn bộ quy trình xuất nhập kho. Các loại chứng từ cơ bản bao gồm phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, biên bản kiểm nhận hàng hóa, hóa đơn, phiếu giao nhận và các chứng từ liên quan khác. Mỗi loại chứng từ cần được quy định cụ thể về nội dung thông tin, hình thức trình bày, cách thức lập và luân chuyển giữa các bộ phận. Việc thống nhất mẫu biểu và quy định sẽ giúp hạn chế sai sót, tránh trùng lặp và tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, đối chiếu sau này.

Song song với việc chuẩn hóa, doanh nghiệp cần thiết lập quy trình kiểm soát chứng từ chặt chẽ theo từng công đoạn. Mỗi nghiệp vụ xuất hoặc nhập kho đều phải có đầy đủ chứng từ hợp lệ, được kiểm tra và phê duyệt theo đúng thẩm quyền trước khi thực hiện. Việc phân quyền rõ ràng giữa các bộ phận như kho, kế toán và kinh doanh sẽ giúp đảm

bảo tính khách quan và giảm thiểu rủi ro gian lận. Đồng thời, cần xây dựng cơ chế kiểm tra chéo giữa chứng từ và hàng hóa thực tế, đảm bảo thông tin trên giấy tờ luôn khớp với số lượng, chủng loại và tình trạng hàng hóa trong kho. Bên cạnh đó, công tác đối chiếu chứng từ cần được thực hiện thường xuyên và có hệ thống. Việc so sánh giữa dữ liệu trên chứng từ, hệ thống quản lý và số liệu kiểm kê thực tế sẽ giúp doanh nghiệp phát hiện kịp thời các sai lệch, từ đó có biện pháp xử lý phù hợp. Đây cũng là cơ sở quan trọng để nâng cao độ chính xác của dữ liệu tồn kho và phục vụ hiệu quả cho công tác quản trị.

Một hướng đi quan trọng trong bối cảnh hiện nay là đẩy mạnh số hóa chứng từ. Việc chuyển đổi từ chứng từ giấy sang chứng từ điện tử không chỉ giúp giảm thiểu rủi ro thất lạc, hư hỏng mà còn nâng cao khả năng lưu trữ, tra cứu và chia sẻ thông tin giữa các bộ phận. Hệ thống chứng từ điện tử có thể được tích hợp với phần mềm quản lý kho hoặc hệ thống kế toán, giúp dữ liệu được cập nhật tự động và đồng bộ. Điều này góp phần giảm khối lượng công việc thủ công, tiết kiệm thời gian xử lý và nâng cao hiệu quả vận hành. Ngoài ra, công ty cần xây dựng quy định cụ thể về thời gian lưu trữ, phương thức lưu trữ và trách nhiệm bảo quản chứng từ. Việc tổ chức lưu trữ khoa học, سواء theo thời gian, theo loại chứng từ hoặc theo mã đơn hàng sẽ giúp việc tra cứu nhanh chóng và thuận tiện khi cần thiết. Đồng thời, cần tăng cường kiểm tra nội bộ định kỳ để đảm bảo hệ thống chứng từ luôn được quản lý đúng quy định và không phát sinh sai sót kéo dài.

Nhìn chung, việc tăng cường kiểm soát và quản lý chứng từ không chỉ giúp Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận đảm bảo tính hợp pháp, minh bạch trong hoạt động xuất nhập kho mà còn góp phần nâng cao độ chính xác của dữ liệu, giảm thiểu rủi ro và hỗ trợ hiệu quả cho công tác quản trị trong bối cảnh doanh nghiệp đang hướng tới hiện đại hóa và chuyển đổi số.

3.2.4. Ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý kho

Trong bối cảnh ngành logistics đang chịu tác động mạnh mẽ từ cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, chuyển đổi số không còn là xu hướng mà đã trở thành yêu cầu tất yếu

đối với các doanh nghiệp muốn nâng cao năng lực cạnh tranh. Đối với Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận, việc ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý kho không chỉ giúp khắc phục những hạn chế của phương thức quản lý truyền thống mà còn tạo nền tảng để xây dựng hệ thống vận hành hiện đại, linh hoạt và hiệu quả hơn.

Doanh nghiệp cần từng bước triển khai các công nghệ nhận diện và theo dõi hàng hóa như mã vạch (barcode), QR code và RFID. Việc áp dụng các công nghệ này cho phép tự động hóa quá trình nhập – xuất – kiểm kê hàng hóa, giúp rút ngắn thời gian xử lý và giảm thiểu sai sót do con người. Nhân viên kho có thể sử dụng thiết bị quét để cập nhật thông tin nhanh chóng, chính xác, thay vì ghi chép thủ công như trước đây. Đặc biệt, công nghệ RFID còn cho phép theo dõi hàng hóa từ xa mà không cần tiếp xúc trực tiếp, phù hợp với các kho có quy mô lớn hoặc hàng hóa đa dạng. Bên cạnh đó, việc tích hợp và liên thông dữ liệu giữa các bộ phận như kho, kế toán, kinh doanh và vận tải thông qua hệ thống phần mềm là yếu tố quan trọng trong quá trình chuyển đổi số. Khi dữ liệu được đồng bộ trên cùng một nền tảng, doanh nghiệp có thể theo dõi toàn bộ chuỗi hoạt động từ nhập hàng, lưu kho đến phân phối một cách liên tục và minh bạch. Điều này không chỉ giúp giảm thiểu sai lệch thông tin mà còn nâng cao khả năng phối hợp giữa các bộ phận, từ đó tối ưu hóa hiệu quả vận hành chung.

Một hướng đi quan trọng khác là ứng dụng công nghệ phân tích dữ liệu (data analytics) trong quản lý kho. Thông qua việc thu thập và xử lý dữ liệu về xuất nhập hàng, tồn kho, tần suất luân chuyển và nhu cầu thị trường, công ty có thể đưa ra các dự báo chính xác hơn về nhu cầu hàng hóa. Điều này giúp tối ưu mức tồn kho, tránh tình trạng tồn kho dư thừa hoặc thiếu hụt, đồng thời nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và không gian lưu trữ. Ngoài ra, việc xây dựng hệ thống báo cáo tự động và bảng điều khiển (dashboard) theo thời gian thực sẽ hỗ trợ ban lãnh đạo trong việc giám sát và ra quyết định. Các chỉ số quan trọng như số lượng tồn kho, tốc độ xử lý đơn hàng, tỷ lệ sai sót hay hiệu suất làm việc của nhân viên đều có thể được hiển thị trực quan và cập nhật liên tục. Nhờ đó, doanh nghiệp có thể nhanh chóng phát hiện vấn đề và đưa ra các điều chỉnh kịp thời, nâng cao tính chủ động trong quản lý.

Không chỉ dừng lại ở công nghệ, chuyển đổi số còn đòi hỏi sự thay đổi về tư duy quản lý và phương thức vận hành. Công ty cần xây dựng chiến lược chuyển đổi số rõ ràng, có lộ trình cụ thể và phù hợp với nguồn lực hiện có. Đồng thời, việc đào tạo nhân sự để thích ứng với môi trường làm việc số hóa cũng là yếu tố quan trọng quyết định đến sự thành công của quá trình này.

Tổng thể, ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý kho sẽ giúp Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận nâng cao hiệu quả hoạt động xuất nhập kho, giảm chi phí vận hành và cải thiện chất lượng dịch vụ. Đây cũng là nền tảng quan trọng để doanh nghiệp phát triển hệ thống logistics hiện đại, tăng khả năng thích ứng với sự biến động của thị trường và hướng tới phát triển bền vững trong tương lai.

3.3. Điều kiện và cách thức thực hiện giải pháp tại Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận

Việc triển khai các giải pháp hoàn thiện quy trình xuất nhập kho không chỉ phụ thuộc vào định hướng chiến lược mà còn đòi hỏi doanh nghiệp phải đảm bảo đầy đủ các điều kiện về tài chính, nhân lực, công nghệ cũng như xây dựng lộ trình triển khai hợp lý. Đây là yếu tố then chốt quyết định sự thành công và tính bền vững của các giải pháp đã đề xuất.

3.3.1. Điều kiện về nguồn lực tài chính

Để thực hiện các giải pháp như ứng dụng hệ thống WMS, chuyển đổi số hay nâng cấp cơ sở hạ tầng kho bãi, công ty cần chuẩn bị nguồn lực tài chính đủ mạnh và ổn định. Việc đầu tư không chỉ dừng lại ở chi phí ban đầu mà còn bao gồm chi phí vận hành, bảo trì, đào tạo và nâng cấp trong dài hạn.

Nguồn tài chính có thể được huy động từ lợi nhuận giữ lại, vốn chủ sở hữu hoặc các nguồn tài trợ bên ngoài như vay ngân hàng, hợp tác đầu tư. Đồng thời, công ty cần xây dựng kế hoạch phân bổ ngân sách hợp lý, ưu tiên các hạng mục mang lại hiệu quả cao và có khả năng hoàn vốn nhanh.

Bảng 3.1: Dự kiến nhu cầu tài chính cho các giải pháp

Hạng mục đầu tư	Nội dung chi tiết	Chi phí dự kiến (triệu đồng)	Thời gian thực hiện
Triển khai hệ thống WMS	Mua phần mềm, cài đặt, tích hợp hệ thống	1.200 – 1.500	6 – 12 tháng
Thiết bị mã vạch/RFID	Máy quét, tem nhãn, thiết bị đọc	300 – 500	3 – 6 tháng
Nâng cấp kho bãi	Cải tạo mặt bằng, kệ kho, phân khu	800 – 1.200	6 – 9 tháng
Đào tạo nhân sự	Đào tạo nghiệp vụ và công nghệ	150 – 250	Liên tục
Số hóa chứng từ	Phần mềm, lưu trữ dữ liệu	200 – 300	3 – 6 tháng

Có thể thấy nhu cầu tài chính để triển khai các giải pháp là tương đối lớn, đặc biệt tập trung vào hệ thống công nghệ và cơ sở hạ tầng. Tuy nhiên, đây là khoản đầu tư mang tính chiến lược, giúp doanh nghiệp nâng cao hiệu quả vận hành, giảm chi phí dài hạn và tăng năng lực cạnh tranh. Việc phân bổ hợp lý và triển khai theo từng giai đoạn sẽ giúp giảm áp lực tài chính và đảm bảo hiệu quả đầu tư.

3.3.2. Điều kiện về nhân lực

Nhân lực là yếu tố quyết định đến khả năng triển khai và vận hành hiệu quả các giải pháp. Công ty cần đảm bảo đội ngũ nhân viên có đủ trình độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ và khả năng thích ứng với công nghệ mới. Bên cạnh việc tuyển dụng nhân sự có chất lượng, công ty cần xây dựng chương trình đào tạo bài bản, nâng cao năng lực cho nhân viên hiện tại. Đồng thời, cần có chính sách khuyến khích, đánh giá hiệu quả làm việc nhằm tạo động lực và nâng cao trách nhiệm của người lao động.

Bảng 3.2: Yêu cầu nguồn nhân lực cho triển khai giải pháp

Nhóm nhân sự	Yêu cầu năng lực	Vai trò chính
--------------	------------------	---------------

Nhân viên kho	Nghiep vụ xuất nhập, sử dụng thiết bị	Thực hiện vận hành kho
Nhân viên IT	Quản trị hệ thống, phần mềm	Triển khai và hỗ trợ WMS
Quản lý kho	Kỹ năng quản lý, phân tích dữ liệu	Điều phối và kiểm soát hoạt động kho
Nhân viên kế toán	Hiểu biết chứng từ, hệ thống tài chính	Đối chiếu và hạch toán
Nhân viên vận hành	Kỹ năng phối hợp, xử lý tình huống	Liên kết kho – vận tải

Nguồn nhân lực của công ty hiện tại có nền tảng tốt, tuy nhiên cần được đào tạo thêm về công nghệ và kỹ năng quản lý hiện đại. Việc đầu tư vào nhân lực không chỉ giúp nâng cao hiệu quả vận hành mà còn đảm bảo khả năng tiếp nhận và khai thác tối đa các hệ thống công nghệ mới.

3.3.3. Điều kiện về công nghệ

Công nghệ là yếu tố cốt lõi trong việc hiện đại hóa quản lý kho. Công ty cần xây dựng nền tảng công nghệ đồng bộ, bao gồm hệ thống phần mềm quản lý kho, thiết bị hỗ trợ và hạ tầng công nghệ thông tin. Việc lựa chọn công nghệ cần phù hợp với quy mô và định hướng phát triển của doanh nghiệp, đảm bảo khả năng mở rộng và tích hợp với các hệ thống khác như kế toán, vận tải và quản lý khách hàng.

Bảng 3.3. Hệ thống công nghệ cần triển khai

Hạng mục công nghệ	Chức năng chính	Lợi ích mang lại
Hệ thống WMS	Quản lý toàn bộ hoạt động kho	Tăng độ chính xác, giảm sai sót
Mã vạch/QR code	Nhận diện hàng hóa	Tăng tốc độ xử lý
RFID	Theo dõi tự động	Giảm phụ thuộc thủ công
Phần mềm tích hợp ERP	Kết nối dữ liệu các bộ phận	Đồng bộ thông tin

Hệ thống báo cáo tự động	Phân tích và theo dõi dữ liệu	Hỗ trợ ra quyết định nhanh
--------------------------	-------------------------------	----------------------------

Việc đầu tư công nghệ sẽ giúp công ty chuyển đổi từ mô hình quản lý thủ công sang hiện đại, nâng cao hiệu suất và giảm rủi ro. Tuy nhiên, cần có lộ trình triển khai phù hợp để đảm bảo khả năng thích ứng và tránh gây gián đoạn hoạt động.

3.3.4. Lộ trình triển khai thực hiện

Để đảm bảo các giải pháp được triển khai hiệu quả, công ty cần xây dựng lộ trình cụ thể theo từng giai đoạn, từ chuẩn bị đến vận hành và đánh giá.

Bảng 3.4: Lộ trình triển khai các giải pháp

Giai đoạn	Nội dung thực hiện	Thời gian dự kiến
Giai đoạn 1	Khảo sát, đánh giá hiện trạng	1 – 2 tháng
Giai đoạn 2	Xây dựng quy trình chuẩn, lựa chọn công nghệ	2 – 3 tháng
Giai đoạn 3	Triển khai thí điểm (WMS, mã vạch)	3 – 6 tháng
Giai đoạn 4	Đào tạo nhân sự và áp dụng toàn hệ thống	3 – 6 tháng
Giai đoạn 5	Đánh giá, điều chỉnh và hoàn thiện	Liên tục

Lộ trình triển khai được xây dựng theo hướng từng bước, giúp doanh nghiệp giảm thiểu rủi ro và đảm bảo khả năng kiểm soát. Việc triển khai thí điểm trước khi áp dụng rộng rãi là cần thiết nhằm đánh giá hiệu quả và điều chỉnh phù hợp với thực tế hoạt động của công ty. Việc đảm bảo đầy đủ các điều kiện về tài chính, nhân lực và công nghệ, kết hợp với lộ trình triển khai hợp lý sẽ giúp Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận thực hiện thành công các giải pháp hoàn thiện quy trình xuất nhập kho. Đây là nền tảng quan trọng để doanh nghiệp nâng cao hiệu quả hoạt động, giảm chi phí và tăng khả năng cạnh tranh trong bối cảnh ngành logistics ngày càng phát triển mạnh mẽ.

KẾT LUẬN

Trong bối cảnh ngành logistics ngày càng phát triển mạnh mẽ và cạnh tranh ngày càng gay gắt, việc nâng cao hiệu quả quản lý kho hàng đóng vai trò then chốt đối với sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Thông qua quá trình nghiên cứu đề tài “Hoàn thiện quy trình xuất nhập kho hàng hóa tại Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận”, có thể nhận thấy rằng công tác quản trị kho không chỉ đơn thuần là hoạt động lưu trữ hàng hóa mà còn là mắt xích quan trọng trong toàn bộ chuỗi cung ứng, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng dịch vụ và hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Kết quả phân tích cho thấy Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận đã xây dựng được quy trình xuất nhập kho tương đối đầy đủ và có tính hệ thống. Các hoạt động xuất kho, nhập kho, lưu trữ và kiểm soát tồn kho được triển khai theo quy trình rõ ràng, có sự phối hợp giữa các bộ phận liên quan. Nhờ đó, công ty đã đảm bảo được tính liên tục trong vận hành, đáp ứng tốt nhu cầu vận chuyển và phân phối hàng hóa của khách hàng. Đồng thời, kết quả hoạt động kinh doanh trong giai đoạn 2023–2025 cũng cho thấy sự tăng trưởng tích cực, phản ánh hiệu quả của công tác tổ chức và quản lý. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, quy trình xuất nhập kho của công ty vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định. Việc phụ thuộc vào thao tác thủ công, chưa ứng dụng đồng bộ công nghệ hiện đại, cũng như một số khâu chưa được tối ưu đã làm ảnh hưởng đến hiệu quả vận hành. Những hạn chế này nếu không được cải thiện kịp thời có thể làm gia tăng chi phí, giảm năng suất lao động và ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ.

Trên cơ sở đó, đề tài đã đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện quy trình xuất nhập kho tại công ty, bao gồm: chuẩn hóa và tối ưu hóa quy trình, ứng dụng hệ thống quản lý kho (WMS), nâng cao năng lực nhân sự, tăng cường kiểm soát chứng từ và đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý kho. Các giải pháp này được xây dựng phù hợp với điều kiện thực tế của doanh nghiệp và có tính khả thi cao nếu được triển khai một cách đồng bộ và có lộ trình rõ ràng.

Nhìn chung, việc hoàn thiện quy trình xuất nhập kho không chỉ giúp Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận nâng cao hiệu quả quản lý, giảm thiểu sai sót và chi phí mà còn

góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng. Đây cũng là nền tảng quan trọng giúp công ty tăng cường năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Tài liệu tiếng Việt

1. Bộ Công Thương (2022), Báo cáo logistics Việt Nam năm 2022, Nhà xuất bản Công Thương, Hà Nội.
2. Chính phủ (2017), Quyết định số 200/QĐ-TTg về phê duyệt kế hoạch hành động nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics Việt Nam đến năm 2025, Hà Nội.
3. Hiệp hội Doanh nghiệp Dịch vụ Logistics Việt Nam (VLA) (2023), Báo cáo thường niên ngành logistics Việt Nam, Hà Nội.
4. Nguyễn Văn Công (2018), Kế toán tài chính trong doanh nghiệp, Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội.
5. Trần Văn Hòe (2017), Quản trị logistics, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
6. Nguyễn Như Tiến (2019), Quản trị chuỗi cung ứng, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
7. Quốc hội (2015), Luật Kế toán số 88/2015/QH13, Hà Nội.
8. Bộ Tài chính (2014), Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Hà Nội.
9. Bộ Tài chính (2016), Thông tư 133/2016/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa, Hà Nội.
10. Công ty Cổ phần Nhất Phong Vận (2023–2025), Báo cáo hoạt động kinh doanh và tài liệu nội bộ về quy trình xuất nhập kho, lưu hành nội bộ.

II. Tài liệu tiếng Anh

11. Martin Christopher (2016), Logistics & Supply Chain Management (5th Edition), Pearson Education Limited.
12. Donald J. Bowersox, David J. Closs, M. Bixby Cooper (2013), Supply Chain Logistics Management (4th Edition), McGraw-Hill.

13. Sunil Chopra, Peter Meindl (2016), Supply Chain Management: Strategy, Planning, and Operation (6th Edition), Pearson.
14. World Bank (2023), Connecting to Compete: Trade Logistics in the Global Economy, Washington, DC.
15. Council of Supply Chain Management Professionals (2022), Supply Chain Management Definitions and Glossary.

III. Tài liệu từ website

16. World Bank, Logistics Performance Index (LPI), truy cập tại: <https://lpi.worldbank.org>
17. Bộ Công Thương, Cổng thông tin điện tử: <https://moit.gov.vn>
18. Hiệp hội Doanh nghiệp Dịch vụ Logistics Việt Nam, Website: <https://vla.com.vn>